

LẤY LẠI THĂNG BẰNG

VNM - Cập nhật
KQKD 9T 2019

Ngành HOT hôm
nay: Lâm sản và
Chế biến gỗ

THỊ TRƯỜNG

Top large cap tác động lên VNIndex: SAB
VCB STB VHM GAS

Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 25
Tăng vs 9 Giảm

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần
nhất 27/06)

Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 32
Tăng vs 24 Giảm

GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng Điểm hỗ
trợ 1000 -> kháng cự 1025

Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD:
10 Tăng & 17 Sideway vs 0 Giảm

Khuyến nghị kỹ thuật mới: 8 Mua

Cổ phiếu hôm nay theo PTKT: HSG (xu
hướng Tăng, khuyến nghị MUA)

ĐẦU TƯ

Danh mục PTĐT Rổng Việt: 54 cp, chiếm tỷ
trọng 43.9% vốn hóa toàn thị trường

Top3 kỳ vọng: LHG (+50%), PAC (+46%) &
DIG (+43%)

Nhóm ngành: Thực phẩm (xếp hạng 3/85)

Cổ phiếu hôm nay: VNM, Khuyến nghị: Tích
lũy, giá mục tiêu của Rổng Việt: 135 k/cp

RONG VIET
SECURITIES



**CHÍNH THỨC
PHÁT HÀNH**

HOT

BÁO CÁO NHANH

**CUNG CẤP THÔNG TIN NHANH, GỌN & NỔI BẬT
VỀ DOANH NGHIỆP**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

☎ +84 28 6299 2020 ✉ cskh@vdsc.com.vn 🌐 www.vdsc.com.vn

NỘI DUNG CHÍNH

Dưới đây là một số nội dung QUÝ VỊ có thể quan tâm:

TIN TỨC & BÌNH LUẬN

Một số Tin quốc tế và trong nước nổi bật
Diễn biến 1 số chỉ số chứng khoán và giá hàng hóa thế giới
Tin chứng khoán: VCB VIC MPC YEG PVS...

THỊ TRƯỜNG

Large cap nổi bật hôm nay: SAB VCB STB VHM GAS
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 25 Tăng vs 9 Giảm
Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (Đảo chiều)

VNIndex -0.41% so với cuối tuần trước
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 20 Tăng vs 23 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: VTD HVG CLG HCD BCG
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: TTB C69 DRH FTM TVB

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 32 Tăng vs 24 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHH CLG TSC HVG
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR DRH MPC TTB

GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng
Điểm hỗ trợ 1000 -> kháng cự 1025
Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD: 10 Tăng & 17 Sideway vs 0 Giảm
Xu hướng hiện tại của Top10 tuần này: BCG MBG DRH
Xu hướng hiện tại của Top10 'con sông' gần đây: MBG CTR TIG
Khuyến nghị kỹ thuật mới: 8 Mua
Cổ phiếu hôm nay theo PTKT: HSG (xu hướng Tăng, khuyến nghị MUA)

ĐẦU TƯ

Danh mục PTĐT Rổ Việt: 54 cp
Kỳ vọng tốt nhất: LHG (+50%), PAC (+46%), DIG (+43%)
Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng Doanh thu: HDG CTG AST
Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng lợi nhuận: PHR VIC CTG
Khuyến nghị MUA với P/E 2019F thấp nhất: LTG ANV HAH

Nhóm ngành hôm nay: Thực phẩm
Đứng thứ 3/85 ngành về quy mô vốn hóa
Tổng giá trị vốn hóa: 412 113 tỷ đồng
B/q ngành (trọng số vốn hóa) ->: P/E trail 19.6, P/B 5.8

Cổ phiếu hôm nay: VNM

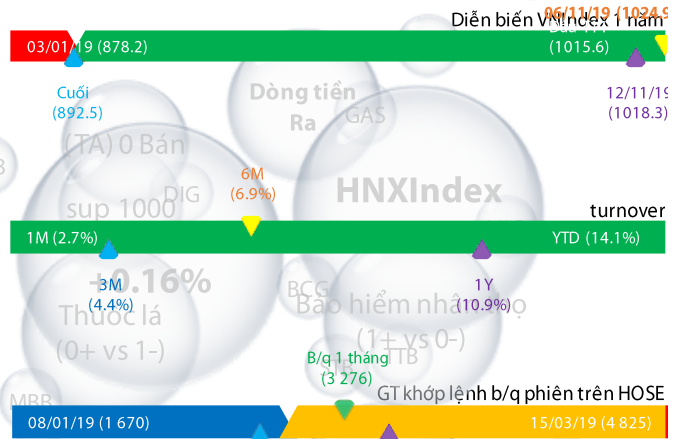
Ngành: Thực phẩm

HOSE - Nhóm Tỷ USD

Khuyến nghị: Tích lũy, giá mục tiêu của Rổ Việt: 135 k/cp
Sản xuất và Khai thác dầu khí (1+ vs 0-)

VNINDEX

1018.33 (+0.16%)



HNXINDEX

106.96 (+0.19%)

UPCOM INDEX

56.8 (+0.15%)

Nếu QUÝ VỊ có bất kỳ yêu cầu ngoài những nội dung trên
Làm ơn gửi đến ngay cho chúng tôi tại
<https://www.facebook.com/vdsc.com.vn/>

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN QUỐC TẾ

13/11/19 7:50 AM

Stock indexes		Daily	Weekly	Monthly
Dow Jones	27,687	-0.01%	0.72%	3.38%
S&P 500	3,092	0.17%	0.56%	4.24%
FTSE 100	7,357	0.41%	-0.31%	2.11%
NIKKEI 225	23,348	-0.68%	0.19%	5.14%
SHANGHAI	2,915	0.17%	-2.57%	-3.09%
KOSPI	2,125	-0.72%	-0.87%	2.81%
Hang Seng	27,065	0.52%	-2.23%	2.05%

Commodities		Daily	Weekly	Monthly
WTI	56.7	-0.12%	0.59%	5.77%
Brent	61.9	-0.09%	0.27%	4.31%
Natural gas	2.6	-0.06%	-7.38%	14.88%
Gold	1,461.5	0.07%	-1.88%	-2.04%
Milk	20.0	-0.60%	-1.28%	7.80%
Coffee	105.8	-0.19%	-0.19%	11.33%
Sugar	12.6	0.32%	-0.94%	0.56%
Rubber	163.9	0.86%	5.13%	8.83%
Copper	2.7	-0.30%	-1.60%	1.09%
Steel	3,539.0	1.67%	1.99%	-2.91%
Coal	69.7	1.01%	-0.88%	2.45%
Lead	2,091.5	-0.95%	-3.68%	-1.59%
Zinc	2,496.5	0.58%	-1.67%	3.16%



Trump nói Mỹ - Trung sắp đạt thỏa thuận, chỉ trích Bắc Kinh gian lận thương mại. Phát biểu tại Câu lạc bộ Kinh tế New York ngày 12/11, Tổng thống Donald Trump cho biết các nhà đàm phán Mỹ và Trung Quốc "sắp" đạt thỏa thuận thương mại giai đoạn 1. Tuy nhiên, ông vẫn công kích Trung Quốc vì "gian lận" trong thương mại. "Chúng ta sắp có kết quả. Thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 đáng chú ý với Trung Quốc có thể xuất hiện. Có thể sắp xuất hiện. Chúng ta sẽ chỉ chấp nhận thỏa thuận nếu tốt cho Mỹ, cho người lao động và doanh nghiệp Mỹ". Trump cảnh báo sẽ tăng thuế "rất đáng kể" nếu Trung Quốc không ký thỏa thuận với Mỹ. Ông chủ Nhà Trắng còn công kích Fed vì có chính sách tiền tệ khiến lãi suất ở Mỹ cao hơn so với nhiều nền kinh tế khác và nói ông thích lãi suất âm hơn. [Xem thêm](#)

Vàng thế giới giảm 4 phiên liên tiếp xuống thấp nhất kể từ tháng 8/2019. Các hợp đồng vàng tương lai giảm phiên thứ 4 liên tiếp vào ngày thứ Ba (12/11) và khép phiên tại mức thấp nhất kể từ tháng 8/2019. Trong khi đó, chứng khoán Mỹ vẫn tăng mạnh với chỉ số Dow Jones ghi nhận mức cao mọi thời đại lần thứ 9 trong năm 2019, còn chỉ số đồng USD (ICE U.S. Dollar Index) – thước đo diễn biến của đồng USD so với 6 đồng tiền chủ chốt khác – nhích 0.1% trong ngày thứ Ba. Chứng khoán tăng và đồng USD mạnh hơn có thể làm giảm sức hấp dẫn của các tài sản được xem là kênh trú ẩn an toàn như vàng. [Xem thêm](#)



Tỉ lệ thất nghiệp ở Anh giảm xuống mức thấp nhất trong 45 năm qua. Ngày 12/11, Văn phòng Thống kê quốc gia Anh (ONS) cho biết tỉ lệ thất nghiệp ở nước này đã giảm xuống mức thấp nhất trong 45 năm qua theo số liệu tổng hợp thị trường lao động trước thời điểm diễn ra cuộc tuyển cử ở nước này và Brexit (Anh rời Liên minh châu Âu - EU). Theo nhà kinh tế Howard Archer thuộc Câu lạc bộ EY Item, số liệu về việc làm biến động trên cho thấy thị trường lao động Anh hiện đang trong xu hướng giảm dần do thị trường tỏ ra lo ngại trước triển vọng kinh tế trong nước tăng trưởng thấp, kinh tế toàn cầu đang suy giảm, Brexit và tình hình chính trị trong nước bất ổn. [Xem thêm](#)

Thỏa thuận thương mại lớn nhất thế giới có thể được ký kết vào năm 2020. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), bao gồm toàn bộ 10 quốc gia từ Hiệp hội Các nước Đông Nam Á (ASEAN) và 5 đối tác thương mại quan trọng của khối này: Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, New Zealand và Hàn Quốc. Tính cả thảy, 15 quốc gia này chiếm gần 1/3 dân số thế giới và GDP toàn cầu, theo nguồn tin từ Reuters. Khối liên minh này còn lớn hơn các khối thương mại khu vực khác như Liên minh châu Âu (EU) và thỏa thuận Mỹ-Mexico-Canada (USMCA). Siêu thỏa thuận này khởi đầu với 16 quốc gia, nhưng Ấn Độ quyết định không tham gia vào thỏa thuận này vì lo ngại rằng nó sẽ gây tổn thương đến các nhà sản xuất nội địa. [Xem thêm](#)



Indonesia áp thuế 67% đối với hàng dệt may nhập khẩu. Bộ Tài chính Indonesia vừa chính thức áp thuế bổ sung tạm thời lên tới 67,7% đối với các sản phẩm dệt may nhập khẩu nhằm bảo vệ ngành công nghiệp quan trọng trong nước và khuyến khích sử dụng các sản phẩm nội địa. Theo đó, sản phẩm sợi tổng hợp và sợi nhân tạo nhập khẩu (trừ chỉ may) bị áp thuế từ 0,1 USD/kg. Sản phẩm vải nhập khẩu phải chịu thuế 1.318-9.521 rupiah/m ngoài thuế quảng cáo từ 36,3% đến 67,7%. Sản phẩm rèm cửa, màn hình, màn ngủ và các mặt hàng nội thất nhập khẩu khác bị đánh thuế 41.083 rupiah/kg. Thời hạn áp thuế với 121 sản phẩm dệt may nhập khẩu là 200 ngày kể từ ngày 9/11. [Xem thêm](#)

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► VIETNAM VS GLOBAL INDEXES

Số lượng chỉ số: 23

tradingeconomics.com/stocks Nov.13 2019 07:50 AM

Daily (+17 vs -5)		Weekly (+14 vs -9)	
U.S		U.S	
Dow Jones	-0.01%	+0.72%	Dow Jones
S&P 500	+0.17%	+0.56%	S&P 500
NASDAQ 100	+0.28%	+0.65%	NASDAQ 100
S&P MidCap 400	-0.42%		S&P MidCap 400
NYSE Composite		+0.36%	NYSE Composite
Europe		Europe	
FTSE 100		+0.41%	FTSE 100
DAX		+0.58%	DAX
CAC 40		+0.39%	CAC 40
Euronext 100		+0.43%	Euronext 100
Euro Stoxx 50		+0.32%	Euro Stoxx 50
Asia		Asia	
NIKKEI 225	-0.68%	+0.19%	NIKKEI 225
SHANGHAI	-2.57%	+0.17%	SHANGHAI
SENSEX		+0.05%	SENSEX
KOSPI	-0.72%		KOSPI
TAIEX	-1.06%	+0.81%	TAIEX
SET 50	-0.10%	+0.27%	SET 50
FKLCI		+0.1%	FKLCI
Hang Seng	-2.23%	+0.52%	Hang Seng
PSEi	-2.49%	+0.04%	PSEi
HNX		+0.19%	HNX
VN	-0.59%	+0.16%	VN
Australia		Australia	
ASX 50	-0.23%	+1.19%	ASX 50
NZX 50		+0.44%	NZX 50

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN TRONG NƯỚC



sách địa phương được dành để tạo nguồn cải cách tiền lương. [Xem thêm](#)

Quốc hội thông qua Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà năm 2020. Theo nghị quyết, tổng số thu ngân sách nhà nước là 1.512,3 nghìn tỷ, tổng chi là 1.747,1 nghìn tỷ đồng. Mức bội chi ngân sách nhà nước là 234,8 nghìn tỷ đồng tương đương 3,44% GDP. Quốc hội cũng đồng ý tổng mức vay của ngân sách nhà nước là 488, 921.352 nghìn tỷ đồng trong năm sau. Với nghị quyết này, Quốc hội giao Chính phủ thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng/tháng lên 1,6 triệu đồng/tháng. Từ 2019, 40% tăng thu thực hiện của ngân sách trung ương và 70% tăng thu thực hiện so với dự toán của ngân

Nhiều ngân hàng bất ngờ giảm lãi suất tiền gửi tiết kiệm. Đến mùa vụ cuối năm, thay vì phải tăng lãi suất tiền gửi để cạnh tranh huy động vốn, thì một số ngân hàng lại giảm nhẹ lãi suất huy động ở nhiều kỳ hạn. Động thái này đang đi ngược với xu hướng những năm trước. Theo SSI Research, trong ngắn hạn từ giờ đến cuối năm, lãi suất trên thị trường 1 vẫn khó giảm do tính mùa vụ. Dù một số nhà băng công bố điều chỉnh giảm nhẹ 0.1- 0.2 điểm phần trăm trên biểu lãi suất nhưng mức lãi suất thực tế không có nhiều thay đổi và mức giãn cách giữa các nhóm ngân hàng vẫn rất rộng. Còn theo BSC, nhờ việc huy động tăng trưởng tốt, áp lực về tỷ lệ LDR cao đang dần được cải thiện. Lãi suất huy động tại các kỳ hạn trung và dài hạn tăng mạnh do nhu cầu bổ sung vốn trung và dài hạn khi bị hạn chế tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn trong thời gian tới. [Xem thêm](#)



Thống kê, thị trường hàng hóa nhập khẩu 10 tháng của cả nước, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam với kim ngạch đạt 62 tỷ USD, tăng hơn 16% so với cùng kỳ năm trước. [Xem thêm](#)

Bất an với FDI từ Trung Quốc. Trong 10 tháng qua, Trung Quốc vươn lên trở thành nhà đầu tư thứ 2 về giá trị lẫn số lượng dự án vào Việt Nam, tương ứng 2,1 tỷ USD và 541 dự án, tăng lần lượt 169% và 83% so cùng kỳ. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch & Đầu tư), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Trung Quốc duy trì tốc độ tăng trưởng tốt lên đến 17%, trong khi nhiều nước khác đang giảm. Không chỉ gia tăng các dự án có nguy cơ ô nhiễm cao, nguy cơ công nghệ, máy móc lạc hậu, cũ từ Trung Quốc tràn vào Việt Nam theo đường dịch chuyển đầu tư này cũng rất lớn. Theo Tổng cục

Số doanh nghiệp bất động sản giải thể nhiều nhất trong 10 tháng 2019. Một báo cáo chi tiết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình doanh nghiệp thị trường 10 tháng năm 2019 ghi nhận gam màu ảm đạm, le lói. Trong 10 tháng năm 2019, có đến 74.347 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 17,3% so với cùng kỳ 2018. Trung bình mỗi tháng có 7.434 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Các ngành có tỷ lệ gia tăng doanh nghiệp giải thể mạnh nhất là: Kinh doanh bất động sản có 526 doanh nghiệp, tăng 46,5%; Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có 167 doanh nghiệp, tăng 39,2%. [Xem thêm](#)



chính tăng thuế nhập khẩu đối với mặt hàng Polypropylen (hạt nhựa PP thuộc nhóm HS 3902) từ 3% lên 5%. [Xem thêm](#)

Doanh nghiệp kiến nghị chưa tăng thuế nhập khẩu hạt nhựa lên 5%. Hiệp hội Nhựa (VPA) vừa có công văn gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương kiến nghị 2 bộ này xem xét không tăng thuế nhập khẩu nguyên liệu PP lên 5%, giữ nguyên mức thuế suất nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP ở mức 3% như hiện nay. Nguyên nhân của kiến nghị này là do trước đó, ngày 13-9, VPA nhận được công văn số 10756/BTC-CST của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 125/2017/NĐ-CP, trong đó Bộ Tài chính đề xuất điều

Doanh số ô tô nhập khẩu tăng 16% trong tháng 10. Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) vừa công bố số liệu bán hàng trong tháng 10/2019 tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên, nếu xét về nguồn gốc xuất xứ, lượng xe lắp ráp trong nước tiếp tục chứng kiến mức sụt giảm 3% và chỉ đạt 16.406 xe. Trái lại, số lượng xe nhập khẩu nguyên chiếc bán được lại đạt 12.542 xe, tăng 16% so với tháng trước. Đáng chú ý, lượng xe lắp ráp trong nước 10 tháng qua tiêu thụ giảm đến 12%, đạt 153.144 xe. Trong khi xe nhập khẩu nguyên chiếc tăng 118% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 106.138 xe. [Xem thêm](#)



TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN CHỨNG KHOÁN

VCB

HOSE

Tỷ USD

91.70

EPS (ttm): 5.27

1N: +0.4%

P/E: 17.4

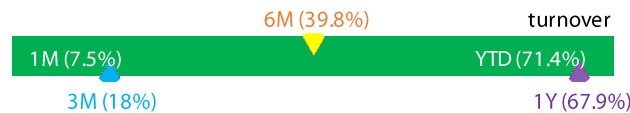
1Thg: +7.5%

BV: 21.92

YTD: +71.4%

P/B: 4.18

Vietcombank và FWD chính thức ký kết hợp tác độc quyền bancassurance. Sáng 12/11, Vietcombank tổ chức lễ ký kết hợp tác độc quyền 15 năm phân phối bảo hiểm qua ngân hàng với Tập đoàn Bảo hiểm FWD. Giao dịch hợp tác này là giao dịch có giá trị lớn nhất Việt Nam ở thời điểm này song mức cụ thể không được tiết lộ. Với thỏa thuận trên, 2 bên sẽ triển khai các phương án, điều khoản trong hợp đồng phân phối. Theo Bloomberg, trong một phần của thỏa thuận, FWD sẽ mua công ty bảo hiểm Vietcombank Cardif, thuộc sở hữu của Vietcombank và BNP Paribas SA. Thời gian hợp tác độc quyền là 15 năm. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Ngân hàng (18 cp), VCB xếp hạng 1 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VCB BID TCB CTG MBB VPB ACB HDB EIB STB TPB

VIC

HOSE

Tỷ USD

119.40

EPS (ttm): 1.36

1N: +0.4%

P/E: 87.7

1Thg: +1.2%

BV: 22.99

YTD: +25.3%

P/B: 5.19

VinMart+ mục tiêu đạt trên 10.000 cửa hàng năm 2025, gấp 4 lần hiện tại. Dự kiến đến năm 2025, con số này đạt hơn 300 siêu thị VinMart và gần 10.000 cửa hàng VinMart+, gấp lần lượt 2,6 lần và 4 lần hiện tại. Từ việc bao phủ ở 50 địa phương, VinCommerce đặt mục tiêu phủ khắp 63 tỉnh thành trên cả nước. Báo cáo tháng 10 của Vingroup cho biết tăng trưởng doanh số trên mỗi cửa hàng (SSSG) của VinMart là 14% và VinMart+ là 19,4%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, VinMart đạt doanh thu 10.443 tỷ đồng còn VinMart+ là 9.644 tỷ đồng, tăng lần lượt 51% và 88% cùng kỳ. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Bất động sản (117 cp), VIC xếp hạng 1 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VIC VHM VRE NVL BCM KDH SDI PDR DXG SIP NLG

MPC

UPCOM

Mid cap

22.21

EPS (ttm): 3.96

1N: +1.2%

P/E: 5.61

1Thg: -8.1%

BV: 25.4

YTD: -37.8%

P/B: 0.87

Minh Phú báo lãi hợp nhất 9 tháng giảm 36%, thực hiện 31% kế hoạch năm. Theo BCTC hợp nhất quý III, Tập đoàn thủy sản Minh Phú ghi nhận doanh thu thuần tăng 7% đạt 5.213 tỷ đồng. Biên lãi gộp quý III giảm từ 17% về 11,6%. Minh Phú lý giải biên lợi nhuận gộp giảm do nguồn cung nguyên liệu khan hiếm không đáp ứng đủ công suất sản xuất của nhà máy, để đáp ứng các đơn hàng công ty phải mua nguyên liệu với giá cao làm cho giá thành tăng trong khi giá bán không tăng tương ứng. Báo cáo xuất khẩu cho thấy doanh thu xuất khẩu của Minh Phú đã giảm 3 tháng liên tiếp theo mức độ tăng dần. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Nuôi trồng nông & hải sản (56 cp), MPC xếp hạng 5 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: HNG VHC GTN PRT MPC HAG ANV DBC SEA ASM HVG

YEG

HOSE

Mid cap

50.80

EPS (ttm): -5.53

1N: -1%

P/E: n/a

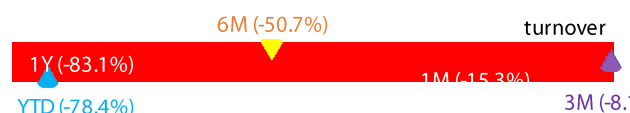
1Thg: -15.3%

BV: 39.66

YTD: -78.4%

P/B: 1.28

Yeah1 sắp giải ngân hết gần 1.200 tỷ đồng từ phát hành riêng lẻ. Tập đoàn Yeah1 vừa công bố báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần riêng lẻ vào tháng 8/2018. Cụ thể, tính đến 24/10, công ty đã giải ngân 924,4 tỷ đồng, tương đương 78,8% số tiền huy động được. Trong đó, mảng đầu tư kỹ thuật số và các mảng liên quan được tập đoàn rót tiền nhiều nhất với 584,6 tỷ đồng, mảng thương mại truyền thông 36,7 tỷ đồng, bổ sung vốn lưu động 136 tỷ đồng và mua cổ phiếu quỹ 141,7 tỷ đồng. Thời gian gần đây, Yeah1 liên tục thông báo đầu tư vào các công ty con. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Giải trí & Truyền thông (3 cp), YEG xếp hạng 2 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: CAB YEG RGC

TIN TỨC & BÌNH LUẬN ▶ TIN CHỨNG KHOÁN

PVS

HNX
Mid cap
EPS (ttm): 2.06
P/E: 9.19
BV: 25.59
P/B: 0.74

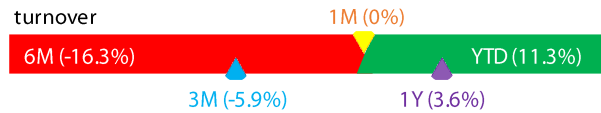
18.90

1N: 0%

1Thg: 0%

YTD: +11.3%

PVS giải thể liên doanh lỗ lũy kế hơn 1.800 tỷ đồng. Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam nhận được văn bản số 106/PTSC CGGV của Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý PTSC CGGV (PTSC CGGV) về việc đang tiến hành thủ tục giải thể theo quy định hiện hành. Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC là công ty liên doanh được thành lập từ vốn góp của Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam và Công ty CGGVeritas Services Holding B.V (Hà Lan. PTSC CGGV lỗ lũy kế tổng cộng 1,843 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2018. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (8 cp), PVS xếp hạng 1 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: **PVS** PVD PVB POS PVC PTV PEQ PVE

AAA

HOSE
Mid cap
EPS (ttm): 2.69
P/E: 5.81
BV: 16.8
P/B: 0.93

15.65

1N: +1.3%

1Thg: +4.7%

YTD: +9.6%

AAA sẽ thành lập Công ty An Phát International INC đầu tư vào thị trường Bắc Mỹ. Hội đồng Quản trị CTCP Nhựa An Phát Xanh vừa thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư ra thị trường nước ngoài. Cụ thể, Nhựa An Phát Xanh sẽ góp vốn vào Công ty An Phát International INC được thành lập tại Hoa Kỳ với tỉ lệ sở hữu tối đa 99,99% vốn điều lệ. An Phát International INC sẽ có vai trò đầu tư các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn tại thị trường Bắc Mỹ. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Nhựa, cao su & sợi (30 cp), AAA xếp hạng 3 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: GVR PHR **AAA** NHH DPR HRC TRC BRR RTB NNG DRI

DPG

HOSE
Mid cap
EPS (ttm): 0.95
P/E: 51.89
BV: 15.87
P/B: 3.12

49.45

1N: +3.8%

1Thg: +10.8%

YTD: +46.9%

Đạt Phương (DPG) huy động 300 tỷ trái phiếu, tiếp tục vay ngân hàng với hạn mức hơn ngàn tỷ. CTCP Đạt Phương đã thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu năm 2019 cùng phương án vay vốn, bảo lãnh tại Vietinbank. Dự kiến phát hành riêng lẻ trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo với giá trị tối đa 300 tỷ đồng, kỳ hạn 24 tháng. Hiện tại, nợ phải trả của Đạt Phương (DPG) tăng lên tới 4.087 tỷ đồng, chiếm 80% tổng nguồn vốn công ty, trong đó nợ vay chiếm 2.513 tỷ đồng. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Xây dựng (266 cp), DPG xếp hạng 13 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: PC1 CTR HBC SJG BOT **DPG** VPD BTC CTI FCN CC1

GHC

UPCOM
Small cap
EPS (ttm): 4.7
P/E: 8.1
BV: 18.59
P/B: 2.05

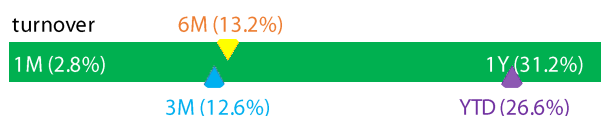
38.05

1N: +0.1%

1Thg: +2.8%

YTD: +26.6%

Cổ phiếu lập đỉnh, Thủy điện Gia Lai (GHC) tạm ứng tiếp 20% cổ tức bằng tiền đợt 2/2019. Ngày 20/11, CTCP Thủy điện Gia Lai sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền tỷ lệ 20%. Hời gian thanh toán kể từ ngày 10/12/2019. Như vậy tính cả đợt này cổ đông công ty nhận 35% cổ tức cho năm 2019. Mới đây Thủy điện Gia Lai vừa công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm với doanh thu và lợi nhuận lần lượt hoàn thành 69% và 70% mục tiêu kế hoạch cả năm. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Sản xuất & Phân phối Điện (40 cp), GHC xếp hạng 23 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: SJD S4A ND2 SEB SBA **GHC** ISH BTP HJS DRL TTE

RONG VIET
SECURITIES



Bản tin 6 giờ



Bản tin phái sinh



Báo cáo công ty



Báo cáo chiến lược



Báo cáo chuyên đề



Báo cáo thị trường chứng khoán



Phân tích cổ phiếu theo yêu cầu

**DỊCH VỤ
PHÂN TÍCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

+84 28 6299 2020

✉ cskh@vdsc.com.vn

🌐 www.vdsc.com.vn

THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG HÔM NAY (12/11/2019)

Top large cap tác động lên VNIndex: STB VHM VCB HPG SAB
Nhóm vốn hóa tỷ USD: 18 tăng giá & 5 đứng giá vs 8 giảm giá
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 25 Tăng vs 9 Giảm

THỊ TRƯỜNG TRONG TUẦN

VNIndex -0.41% so với cuối tuần trước
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 20 Tăng vs 23 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: VTD HVG CLG HCD BCG
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: TTB C69 DRH FTM TVB

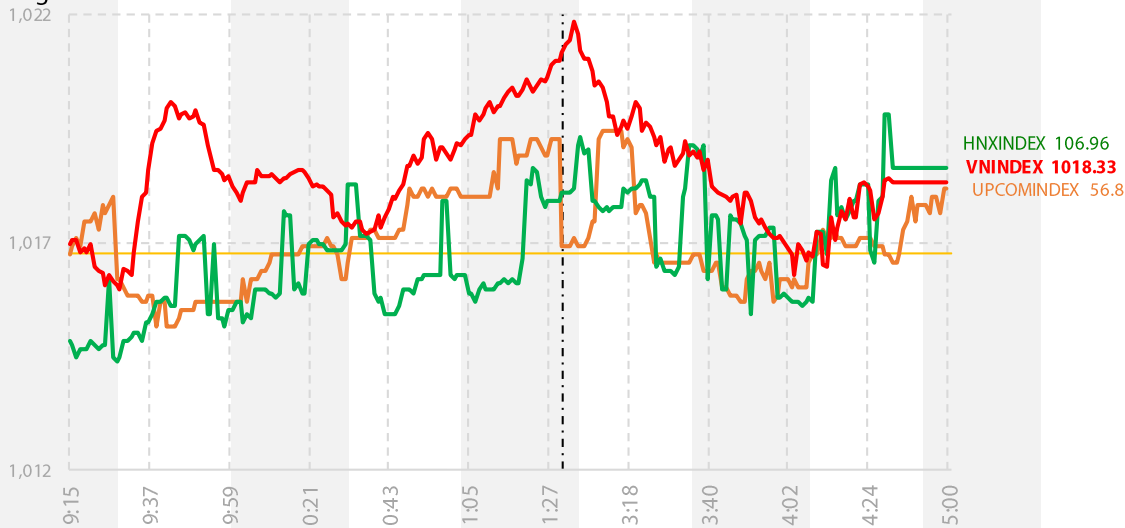
XU HƯỚNG GẦN ĐÂY

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 32 Tăng vs 24 Giảm
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHH CLG TSC HVG
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR DRH MPC TTB

DÒNG TIỀN

Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (Đảo chiều)
Dòng tiền trên HOSE: Ra (Đảo chiều)
Dòng tiền 5 phiên (3 sàn): Ra (tăng)
Dòng tiền 5 phiên trên HOSE: Ra (tăng)
Top5 dòng tiền VÀO: HPG FPT VHM MBB VCB
Top5 dòng tiền RA: ROS MWG VJC VRE PVS

Tổng số cổ phiếu **1608**
số cổ phiếu tăng giá **339**
giảm giá **279**



Công nghệ Thông tin	Dầu khí	Dược phẩm và Y tế	Ngân hàng	Tài chính	Viễn thông
9 tăng giá	4	12	5	54	3 tăng giá
15	6 đứng giá	31	6	56 đứng giá	2
5	1	11 giảm giá	7 giảm giá	58	3
Công nghiệp	Dịch vụ Tiêu dùng	Hàng Tiêu dùng	Nguyên vật liệu	Tiện ích	Cộng đồng
91 tăng giá	32	61	43	25 tăng giá	
447	82 đứng giá	142	109 đứng giá	94	
104	15	37 giảm giá	22	16	

THỊ TRƯỜNG ► **NGÀNH HOT HÔM NAY**

Số lượng nhóm ngành HOT hôm nay (phạm vi cả 3 sàn): 1

Lâm sản và Chế biến gỗ: tổng số 10 cp, 5 mã tăng giá b/q +11.2%/cp

Tên ngành (số cp tăng giá x mức tăng b/q)
Lâm sản và Chế biến gỗ (5 x b/q +11.2%/cp)

Phân phối hàng chuyên dụng (5 x +2.7%)

Lốp xe (3 x +3%)

Tài chính đặc biệt (4 x +4.9%)

TQN 78.1 +40%
VIF 22.4 +7.2%

Hàng không (3 x +0.4%)

SBV 6.77 +7%
VKC 3.10 +6.9%

Một số cp tăng nóng trong các nhóm ngành HOT:

Một số cp tăng nóng trong các nhóm ngành khác:

Nhóm ngành Hot là nhóm ngành có nhiều cổ phiếu tăng giá với mức tăng bình quân từ +5%/cp

Số lượng nhóm ngành HOT trong tuần này (phạm vi cả 3 sàn): 0

Tên ngành (số cp tăng giá x mức tăng b/q so với cuối tuần trước)

Một số nhóm ngành khác có cổ phiếu tăng tích cực

Viễn thông cố định (3 x +5.8%)

Tài chính đặc biệt (4 x +4.7%)

Phân phối hàng chuyên dụng (6 x +3.4%)

Bảo hiểm phi nhân thọ (6 x +3.2%)

BCG 8.80 +10%
FIT 4.42 +7%
BLI 7.40 +7.8%
PTP 12.70 +13.4%

Một số cp tăng nóng trong các nhóm ngành khác:

Nhóm ngành Hot là nhóm ngành có nhiều cổ phiếu tăng giá với mức tăng bình quân từ +7%/cp

Các nhóm ngành có diễn biến Tích cực trong tuần này

Phân phối hàng chuyên dụng (10 cp: 6 tăng vs 1 giảm)
Bảo hiểm phi nhân thọ (9 cp: 6+ vs 2-)
Tài chính đặc biệt (5 cp: 4+ vs 1-)
Viễn thông cố định (5 cp: 3+ vs 1-)

Các nhóm ngành có diễn biến Tiêu cực

Ngân hàng (18 cp: 5 tăng vs 12 giảm)
Môi giới chứng khoán (33 cp: 7+ vs 21-)

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU BỨT PHÁ

Danh sách cổ phiếu TĂNG NÓNG (ít nhất 2 phiên liên tiếp tăng giá tối thiểu +5%/phiên): 19

Cơ hội lướt sóng với các mã này?

Hãy quan tâm sớm các mã mới tăng 2 phiên

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc Small cap / thanh khoản Thấp

Stt			Nhóm ngành		GTĐT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	Số phiên tăng giá	Thị giá	Tổng mức tăng 2-3N
1	AGF	Thủy sản An Giang	Nuôi trồng nông & hải sản	HOSE	96	Small cap	10,503	Thấp	3	3.67	20.9%
2	CLG	Cotec Land	Bất động sản	HOSE	89	Small cap	50,736	Trung bình	3+	4.50	20.5%
3	HCD	SX và Thương mại HCD	Nhựa, cao su & sợi	HOSE	100	Small cap	199,919	Trung bình	3	3.96	20.4%
4	HVG	Thủy sản Hùng Vương	Nuôi trồng nông & hải sản	HOSE	1,510	Mid cap	2,222,800	Cao	3+	7.27	20.7%
5	MCG	Cơ điện và XD VN	Xây dựng	HOSE	138	Small cap	52,935	Trung bình	3+	2.79	19.0%
6	DNC	Điện nước Hải Phòng	Sản xuất & Phân phối Điện	HNX	109	Small cap	14,930	Thấp	3+	29.20	26.8%
7	DTN	Diêm Thống Nhất	Hàng cá nhân	UPCOM	26	Small cap	24	Thấp	3+	13.30	43.0%
8	DWS	Cấp nước Đồng Tháp	Nước	UPCOM	342	Small cap	19	Thấp	3	15.10	44.2%
9	VCX	Xi măng Yên Bình	Vật liệu xây dựng & Nội thất	UPCOM	72	Small cap	3,138	Thấp	3+	3.10	43.2%
10	VTD	Du lịch Vietourist	Vận tải hành khách & Du lịch	UPCOM	33	Small cap	60,575	Trung bình	3+	20.74	43.7%
11	BTT	TM - DV Bến Thành	Bán lẻ phức hợp	HOSE	479	Small cap	1,276	Thấp	2	37.95	13.8%
12	PTL	Petroland	Bất động sản	HOSE	416	Small cap	39,434	Thấp	2	4.50	13.7%
13	TCO	Vận tải Duyên Hải	Dịch vụ vận tải	HOSE	181	Small cap	100	Thấp	2	11.55	12.3%
14	TNT	TAI NGUYEN CORP	Khai khoáng	HOSE	43	Small cap	42,952	Thấp	2	1.81	13.4%
15	PPP	PP.Pharco	Dược phẩm	HNX	97	Small cap	724	Thấp	2	12.10	20.0%
16	VIG	CK TM và CN Việt Nam	Môi giới chứng khoán	HNX	38	Small cap	110,819	Trung bình	2	1.20	19.1%
17	GTS	Công trình Giao thông Sài Gòn	Xây dựng	UPCOM	293	Small cap	1,124	Thấp	2	11.50	22.7%
18	SRB	SARA	Phần mềm	UPCOM	9	Small cap	6,622	Thấp	2	1.20	19.1%
19	VIF	Lâm nghiệp Việt Nam	Lâm sản và Chế biến gỗ	UPCOM	7,311	Mid cap	1,795	Thấp	2	22.40	17.6%

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU TĂNG ĐÁNG CHÚ Ý

Danh sách cổ phiếu TĂNG đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 20



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc Small cap /

Cơ hội lướt sóng với các mã này?

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt		Nhóm ngành		GTTT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	KLGD hôm nay vs b/q 5N trước	Thị giá	+% giá
1	CLG	Cotec Land	Bất động sản	HOSE	89	Small cap	50,736	Trung bình	tăng mạnh	4.50 6.9%
2	EVE	Everpia	Hàng May mặc	HOSE	405	Small cap	27,893	Thấp	tăng mạnh	11.35 6.6%
3	HAI	Nông Dược H.A.I	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	HOSE	345	Small cap	2,209,114	Cao	tăng mạnh	2.02 6.9%
4	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	Thép và sản phẩm thép	HOSE	3,119	Mid cap	3,248,883	Cao	tăng mạnh	7.88 6.9%
5	HVG	Thủy sản Hùng Vương	Nuôi trồng nông & hải sản	HOSE	1,510	Mid cap	2,222,800	Cao	tăng mạnh	7.27 6.9%
6	MCG	Cơ điện và XD VN	Xây dựng	HOSE	138	Small cap	52,935	Trung bình	tăng mạnh	2.79 5.3%
7	TNT	TAI NGUYEN CORP	Khai khoáng	HOSE	43	Small cap	42,952	Thấp	tăng mạnh	1.81 6.5%
8	TSC	Kỹ thuật NN Cần Thơ	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	HOSE	523	Small cap	1,363,456	Cao	tăng mạnh	3.78 6.8%
9	IDJ	IDJ Financial	Bất động sản	HNX	225	Small cap	321,115	Trung bình	tăng mạnh	7.50 8.7%
10	MST	Xây dựng 1.1.6.8	Xây dựng	HNX	131	Small cap	225,340	Trung bình	tăng mạnh	3.90 5.4%
11	CEN	CENCON Việt Nam	Bán lẻ phức hợp	UPCOM	16	Small cap	3,649	Thấp	tăng mạnh	14.15 12.3%
12	HTM	Thương mại Hà Nội - Hapro	Bán lẻ phức hợp	UPCOM	3,093	Mid cap	113,466	Trung bình	tăng mạnh	14.66 4.3%
13	VCX	Xi măng Yên Bình	Vật liệu xây dựng & Nội thất	UPCOM	72	Small cap	3,138	Thấp	tăng mạnh	3.10 14.8%
14	VNA	Vận tải biển Vinaship	Vận tải Thủy	UPCOM	80	Small cap	86,053	Trung bình	tăng mạnh	4.25 5.6%
15	VTD	Du lịch Vietourist	Vận tải hành khách & Du lịch	UPCOM	33	Small cap	60,575	Trung bình	tăng mạnh	20.74 14.6%
16	CIG	Xây dựng COMA 18	Xây dựng	HOSE	54	Small cap	4,902	Thấp		1.79 5.3%
17	HKB	Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc	Thực phẩm	HNX	31	Small cap	78,278	Trung bình		0.70 16.7%
18	LIG	Licogi 13	Xây dựng	HNX	175	Small cap	102,101	Trung bình		4.40 7.3%
19	PTI	Bảo hiểm Bưu điện	Bảo hiểm phi nhân thọ	HNX	1,166	Small cap	10,423	Thấp		15.80 9.0%
20	BSG	Xe khách Sài Gòn	Vận tải hành khách & Du lịch	UPCOM	540	Small cap	586	Thấp		10.20 13.3%

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU SALE-OFF

(cảnh báo) Danh sách cổ phiếu Giảm mạnh (ít nhất 2 phiên liên tiếp giảm giá tối thiểu -5%/phiên): 6



Đa số cp thuộc sàn Upcom / Small cap / thanh khoản Thấp

Giảm nhiều phiên quá sẽ có cơ hội bắt đáy, nhưng...

Hãy lưu ý sớm các mã mới giảm 2 phiên

Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt				Nhóm ngành	GTTT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	Số phiên giảm giá	Thị giá	Tổng mức Giảm 2-3N
1	TTB	Tập đoàn Tiến Bộ	Vật liệu xây dựng & Nội thất	HOSE	773	Small cap	244,168	Trung bình	3	15.35	-20.6%
2	DBM	BAMEPHARM	Dược phẩm	UPCOM	45	Small cap	67	Thấp	3	20.57	-41.0%
3	DCR	Gạch men COSEVCO	Vật liệu xây dựng & Nội thất	UPCOM	62	Small cap	14	Thấp	3	8.10	-43.8%
4	PVH	Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Xây dựng	UPCOM	15	Small cap	157	Thấp	3	0.60	-37.9%
5	VDP	Dược phẩm VIDIPHA	Dược phẩm	HOSE	408	Small cap	1,491	Thấp	2	30.00	-12.7%
6	TID	Tổng Công ty Tín Nghĩa	Bất động sản	UPCOM	4,332	Mid cap	19,466	Thấp	2	20.10	-19.9%

THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU GIẢM ĐÁNG LƯU Ý

Danh sách cổ phiếu GIẢM đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 7



(cảnh báo)

Đa số cp thuộc sàn Upcom / Small cap / thanh khoản Thấp

(dấu hiệu) Xu hướng tiêu cực có thể bắt đầu...

Hãy lưu ý các mã giảm mạnh hôm nay

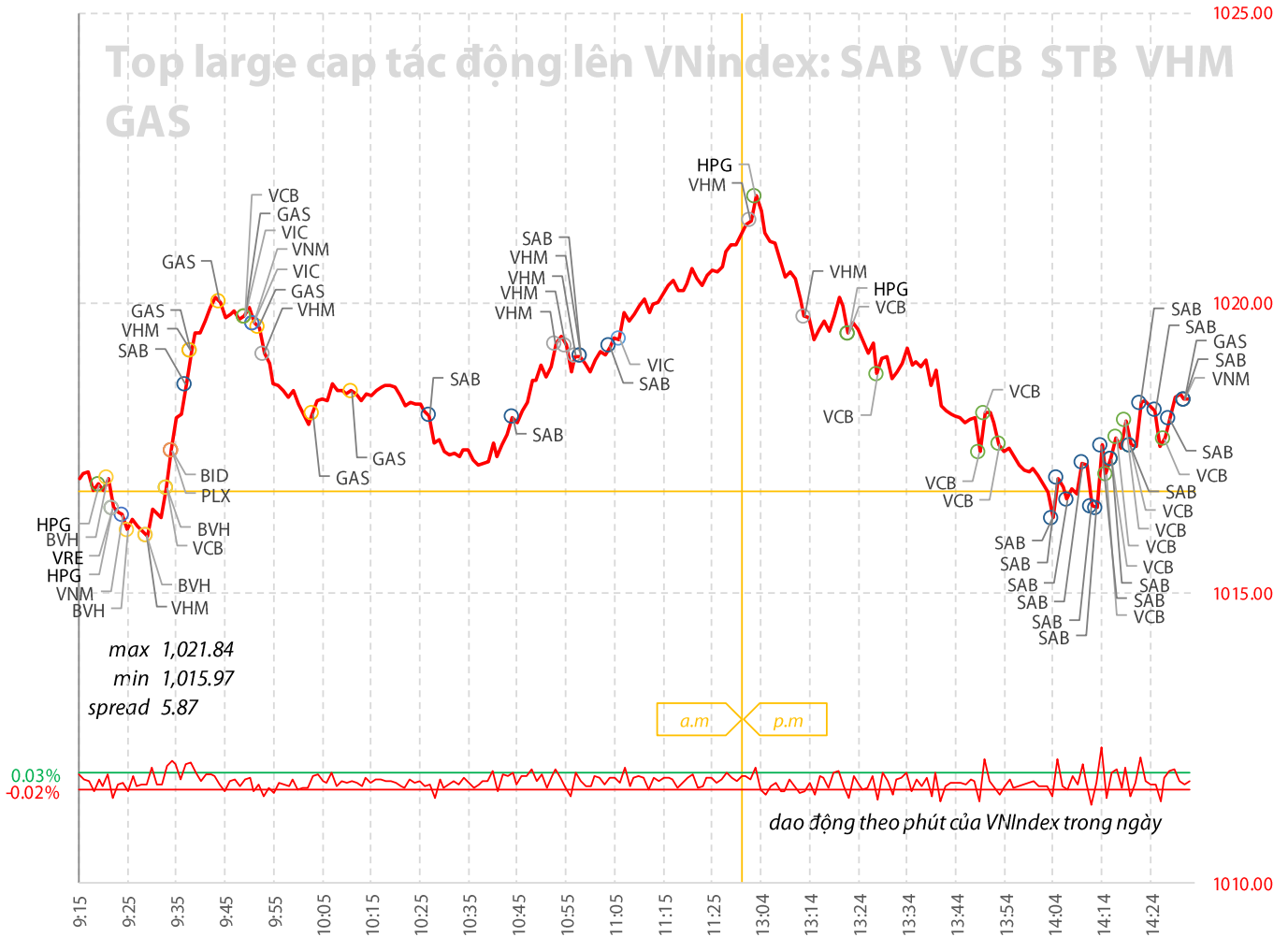
Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

Stt		Nhóm ngành		GTTT (tỷ đ)	Nhóm vốn hóa	KLGD b/q 1 tháng	Nhóm Thanh khoản	KLGD hôm nay vs b/q 5N trước	Thị giá	-% giá
1	HU1	Xây dựng HUD1	Xây dựng	HOSE	75	Small cap	425	Thấp	tăng mạnh	7.00 -6.0%
2	ILS	TM và Dịch vụ Quốc tế	Containers & Đóng gói	UPCOM	619	Small cap	5,905	Thấp	tăng mạnh	16.07 -6.6%
3	NCP	Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	Sản xuất & Phân phối Điện	UPCOM	1,812	Mid cap	443	Thấp	tăng mạnh	7.90 -14.1%
4	SBS	Chứng khoán Sacombank	Môi giới chứng khoán	UPCOM	149	Small cap	86,486	Trung bình	tăng mạnh	1.10 -6.5%
5	VHG	Đầu tư Cao su Quảng Nam	Công nghiệp phức hợp	UPCOM	105	Small cap	60,256	Trung bình	tăng mạnh	0.60 -14.3%
6	DNP	Nhựa Đồng Nai	Vật liệu xây dựng & Nội thất	HNX	1,650	Mid cap	23,231	Thấp		15.70 -4.8%
7	VE9	VNECO 9	Xây dựng	HNX	19	Small cap	4,095	Thấp		1.40 -6.7%

THỊ TRƯỜNG ▶ DIỄN BIẾN TRONG PHIÊN

Diễn biến VNIndex trong ngày và tác động của các cổ phiếu vốn hóa lớn lên chỉ số



Khái.TQ Lấy lại thăng bằng

Các chỉ số khá nỗ lực để ngăn chuỗi giảm điểm không kéo dài lên con số 3. VN-Index đóng cửa tại 1018.33 điểm (+1.58 điểm, tương đương 0.16%). HNX-Index có thêm 0.2 điểm (0.19%), kết thúc ngày tại 106.96 điểm. Thanh khoản ở mức khá tốt khi tăng nhẹ trên HOSE và đi ngang trên HNX. Số cổ phiếu tăng nhiều hơn số cổ phiếu giảm nhưng mức chênh lệch không quá lớn.

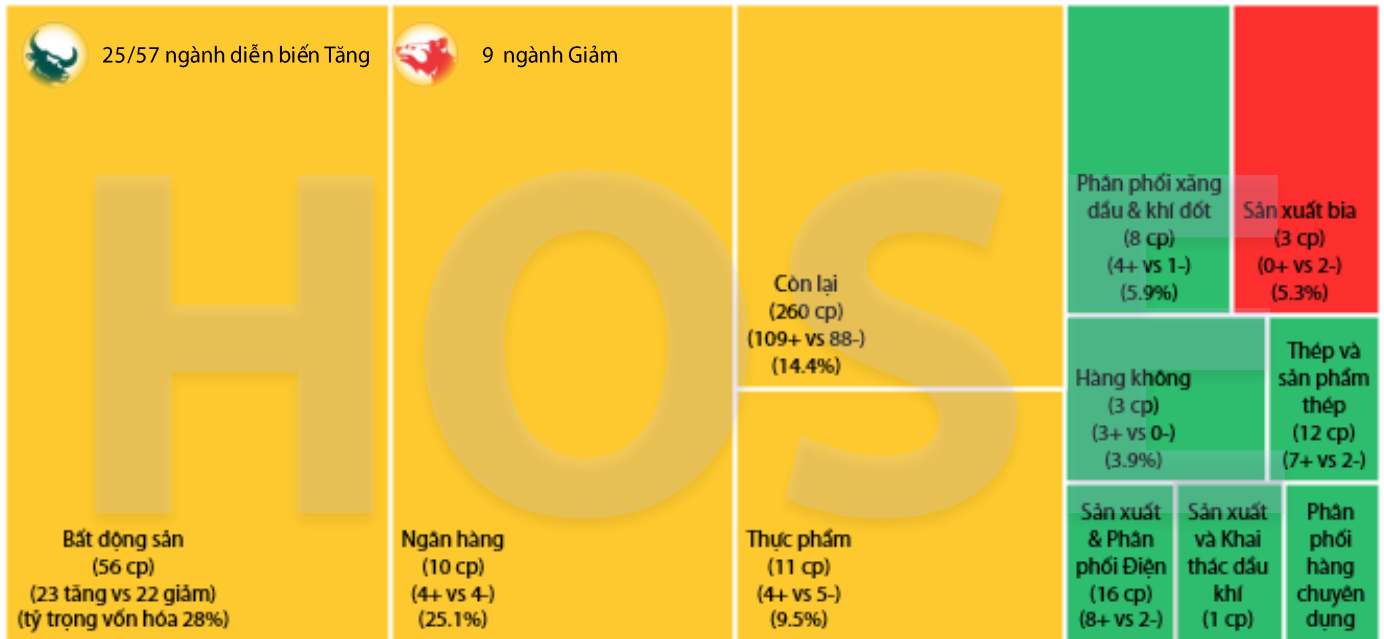
Nhóm VN30 khá cân bằng với 14 cổ phiếu tăng và 12 cổ phiếu giảm khiến chỉ số VN30-Index gần như không đổi. Phía tăng điểm dẫn đầu là DPM (+3.6%), BID (+1.9%), FPT (+1.7%), HPG (+0.9%) ... Phía giảm điểm có CTD (-2.3%), VNM (-1.4%), VPB (-1.1%), ROS (-1.0%) ... Cổ phiếu VNM tiếp tục xu hướng tiêu cực dưới áp lực bán ròng rất mạnh của khối ngoại.

Nhóm vốn hóa vừa và nhỏ tỏ ra tích cực hơn khi có tương đối nhiều cổ phiếu tăng mạnh. Nhóm tăng trần đang chú ý có IDJ (+8.7%), CLG (+6.9%), HAI (+6.9%), HSG (+6.9%), HCD (+6.7%), EVE (+6.6%), TNT (+6.5%), trong đó đáng chú ý nhất là HSG với hơn 10 triệu cổ phiếu được khớp lệnh. Ngoài ra, một số cổ phiếu có mức tăng khá là DPG (+3.8%), DPM (+3.6%), FIT (+3.5%), TDC (+3.2%), TCH (+3%), GTN (+2.9%), VRC (+2.9%), DIG (+2.7%) ...

Khối ngoại sau 3 phiên mua ròng thì đã quay lại bán ròng trên HOSE, với giá trị lên tới 150.8 tỷ, tập trung chủ yếu ở VNM (-173 tỷ), VIC (-54 tỷ), SSI (-12.2 tỷ), POW (-10 tỷ) ... Phía mua ròng là các cổ phiếu như HPG (+33.7 tỷ), VHM (+27.7 tỷ), ROS (+23.3 tỷ), VRE (+20 tỷ), BID (+11.8 tỷ) ...

THỊ TRƯỜNG ► BIẾN ĐỘNG GIÁ HOSE HÔM NAY

Biến động giá cp theo nhóm ngành trong ngày 12/11 trên HOSE



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Dược phẩm (11 cp: 6 tăng vs 2 giảm)
Lốp xe (3 cp: 2+ vs 1-)
Hàng cá nhân (2 cp: 2+ vs 0-)
Nhựa, cao su & sợi (14 cp: 7+ vs 3-)
Lâm sản và Chế biến gỗ (3 cp: 2+ vs 0-)
Khai khoáng (7 cp: 5+ vs 1-)
Bảo hiểm nhân thọ (1 cp: 1+ vs 0-)
Tài chính đặc biệt (4 cp: 4+ vs 0-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Dịch vụ Máy tính (1 cp: 0 tăng vs 1 giảm)
Containers & Đóng gói (3 cp: 0+ vs 2-)
Giải trí & Truyền thông (1 cp: 0+ vs 1-)
Khách sạn (2 cp: 0+ vs 2-)
Thiết bị y tế (1 cp: 0+ vs 1-)
Nuôi trồng nông & hải sản (19 cp: 5+ vs 10-)
Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)
Bảo hiểm phi nhân thọ (3 cp: 1+ vs 2-)

Top10 HOSE tăng giảm giá trong ngày theo nhóm vốn hóa:

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 13 tăng vs 6 giảm		
BID	42.1	1.9%	VNM	127.5	-1.4%
FPT	61	1.7%	VPB	21.65	-1.1%
HPG	23	0.9%	VHM	97.8	-0.9%
PLX	59.6	0.8%	MBB	23.3	-0.6%
GAS	105	0.7%	HDB	29.5	-0.3%
MSN	75	0.7%	SAB	255	0.0%
HVN	36.15	0.6%			
VJC	143.5	0.5%			
VCB	91.7	0.4%			
VIC	119.4	0.4%			

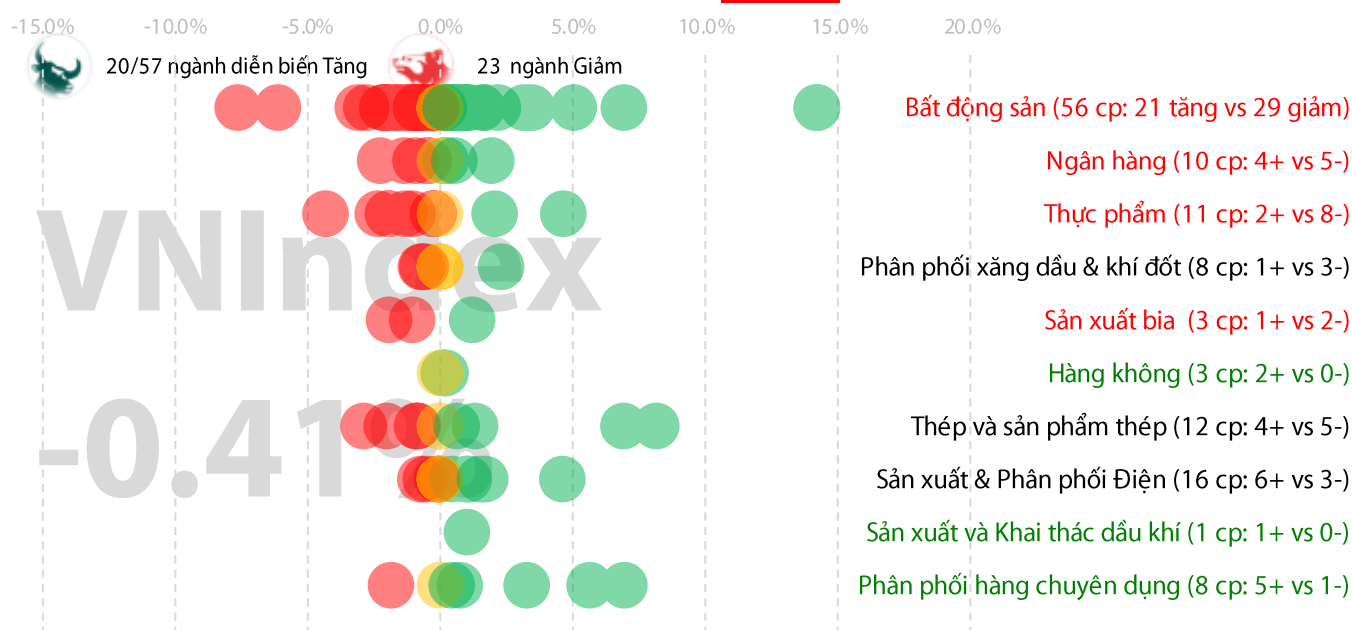
Large cap còn lại			3 tăng vs 4 giảm		
PNJ	85.3	0.7%	KDH	26.25	-2.1%
EIB	18.5	0.5%	ROS	25.15	-1.0%
DHG	94	0.1%	BHN	75.6	-0.5%
			STB	10.75	-0.5%

Mid cap			60 tăng vs 48 giảm		
HRC	46.9	7.0%	THI	27.05	-6.1%
HSG	7.88	6.9%	CTI	24	-3.6%
HVG	7.27	6.9%	CTD	71.3	-2.3%
VSH	20.4	6.3%	VIS	27	-2.2%
PGD	39	6.0%	BWE	24.8	-1.8%
STG	13.25	5.6%	DBD	56.5	-1.7%
DPG	49.45	3.8%	PHR	56.9	-1.7%
DPM	14.2	3.6%	STK	18.05	-1.4%
TCH	24.35	3.0%	FCN	11.7	-1.3%
GTN	21.3	2.9%	ITA	3.13	-1.3%

Small cap			92 tăng vs 70 giảm		
EMC	10.7	7.0%	PTC	6.51	-7.0%
AGF	3.67	7.0%	TTB	15.35	-7.0%
SBV	6.77	7.0%	VPS	10.05	-6.9%
BTT	37.95	6.9%	NVT	9.29	-6.9%
CLG	4.5	6.9%	LAF	9.31	-6.9%
PTL	4.5	6.9%	PIT	3.6	-6.5%
HAI	2.02	6.9%	HTL	18.1	-6.5%
TSC	3.78	6.8%	VDP	30	-6.3%
GDT	33.1	6.8%	SGR	16.9	-6.1%
ST8	17.35	6.8%	HU1	7	-6.0%

THỊ TRƯỜNG ► SO VỚI TUẦN TRƯỚC

Biến động giá cp theo nhóm ngành từ cuối tuần trước 08/11 đến nay trên HOSE



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Bán lẻ phức hợp (4 cp: 2 tăng vs 0 giảm)
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa (1 cp: 1+ vs 0-)
Công nghệ sinh học (2 cp: 1+ vs 1-)
Dược phẩm (11 cp: 7+ vs 2-)
Hàng cá nhân (2 cp: 1+ vs 1-)
Khai khoáng (7 cp: 4+ vs 1-)
Bảo hiểm nhân thọ (1 cp: 1+ vs 0-)
Tài chính đặc biệt (4 cp: 4+ vs 0-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Sản xuất ô tô (7 cp: 2 tăng vs 4 giảm)
Lốp xe (3 cp: 1+ vs 2-)
Đồ uống & giải khát (3 cp: 1+ vs 2-)
Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0+ vs 1-)
Hàng May mặc (11 cp: 4+ vs 6-)
Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)
Sản xuất giấy (4 cp: 1+ vs 2-)
Bảo hiểm phi nhân thọ (3 cp: 1+ vs 2-)

Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ cuối tuần trước

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 10 tăng vs 13 giảm		
FPT	61	2.3%	MSN	75	-2.3%
BID	42.1	1.9%	VPB	21.65	-2.3%
HPG	23	1.3%	SAB	255	-1.9%
PLX	59.6	1.0%	MWG	122.3	-1.8%
BVH	73.8	0.3%	CTG	22	-1.3%
VCB	91.7	0.2%	VNM	127.5	-1.3%
VJC	143.5	0.2%	VIC	119.4	-0.9%
TCB	25.15	0.2%	POW	13.4	-0.7%
VRE	34.7	0.1%	VHM	97.8	-0.7%
HVN	36.15	0.1%	GAS	105	-0.7%

Large cap còn lại			2 tăng vs 5 giảm		
ROS	25.15	0.6%	KDH	26.25	-2.8%
EIB	18.5	0.5%	BHN	75.6	-1.0%
			HNG	14.75	-1.0%
			STB	10.75	-0.9%
			PNJ	85.3	-0.5%

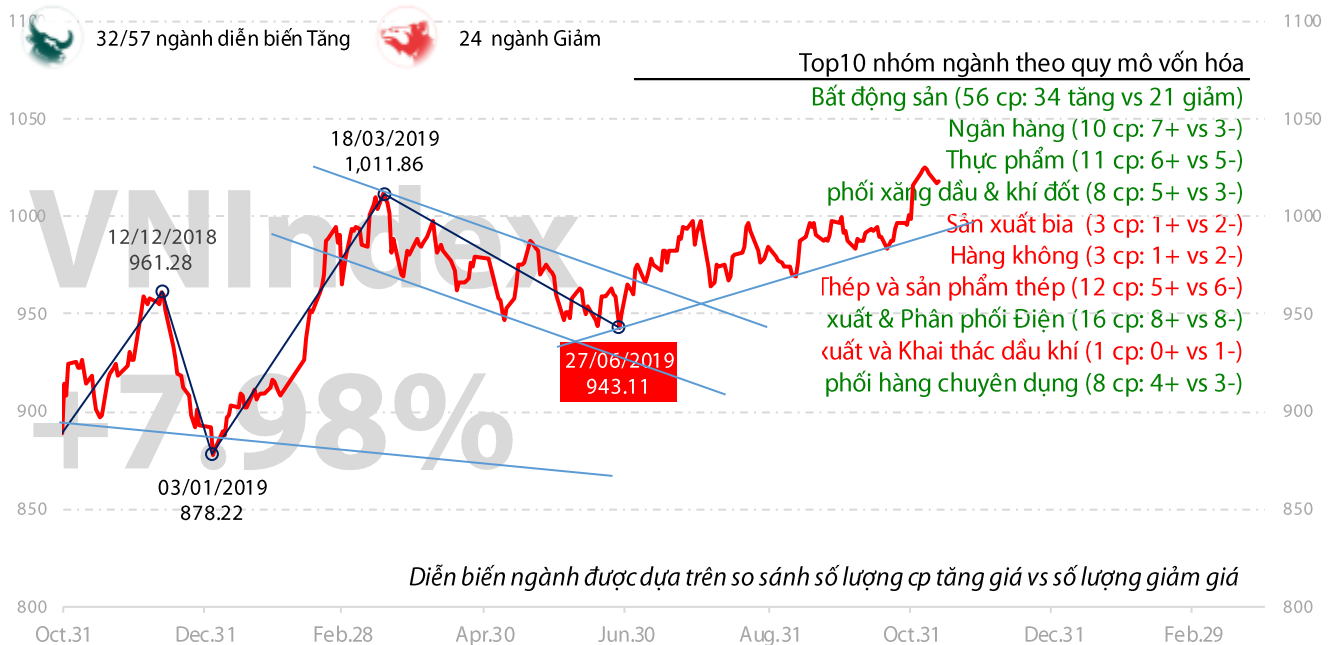
Mid cap			45 tăng vs 64 giảm		
HVG	7.27	14.3%	THI	27.05	-6.1%
DTL	27.85	8.2%	CTD	71.3	-4.3%
HRC	46.9	7.0%	CTI	24	-3.6%
HSB	7.88	6.9%	LGC	38.1	-3.5%
VSH	20.4	4.6%	STK	18.05	-3.0%
DPG	49.45	4.1%	VIS	27	-2.9%
TCH	24.35	3.6%	PAC	26	-2.8%
DPM	14.2	3.3%	VNG	21.65	-2.7%
GTN	21.3	2.9%	PDN	65.2	-2.4%
SGN	87.5	2.8%	PHR	56.9	-2.2%

Small cap			83 tăng vs 95 giảm		
AGF	3.67	14.3%	TTB	15.35	-13.3%
BTT	37.95	14.3%	VDP	30	-12.3%
CLG	4.5	14.2%	VDS	6.83	-10.1%
PTL	4.5	14.2%	PTC	6.51	-8.3%
HCD	3.96	14.1%	PXT	1.15	-8.0%
TNT	1.81	13.8%	DRH	4.36	-7.6%
TCO	11.55	12.7%	VPS	10.05	-6.9%
MCG	2.79	12.5%	SGR	16.9	-6.1%
BCG	8.8	10.0%	HU1	7	-5.9%
DHA	32.8	9.3%	MHC	3.57	-5.8%

QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

THỊ TRƯỜNG ▶ XU HƯỚNG HIỆN TẠI

Biến động giá cp theo nhóm ngành từ ngày 27/06 đến nay trên HOSE



Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Phần mềm (2 cp: 1 tăng vs 0 giảm)
Phần cứng (1 cp: 1+ vs 0-)
Thiết bị viễn thông (2 cp: 1+ vs 1-)
Vật liệu xây dựng & Nội thất (20 cp: 11+ vs 8-)
Hàng điện & điện tử (4 cp: 3+ vs 1-)
Thiết bị điện (4 cp: 2+ vs 2-)
Máy công nghiệp (3 cp: 2+ vs 1-)
Dịch vụ vận tải (5 cp: 3+ vs 2-)

Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (1 cp: 0 tăng vs 1 giảm)
Bán lẻ phức hợp (4 cp: 1+ vs 3-)
Giải trí & Truyền thông (1 cp: 0+ vs 1-)
Vận tải hành khách & Du lịch (4 cp: 1+ vs 3-)
Công nghệ sinh học (2 cp: 0+ vs 2-)
Nuôi trồng nông & hải sản (19 cp: 8+ vs 11-)
Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0+ vs 1-)
Thiết bị gia dụng (3 cp: 0+ vs 3-)

Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ sau ngày 27/06/2019

Nhóm Tỷ USD			tổng cộng 16 tăng vs 7 giảm		
FPT	61	36.9%	HVN	36.15	-12.3%
BID	42.1	36.1%	BVH	73.8	-8.8%
MWG	122.3	34.4%	MSN	75	-8.5%
VCB	91.7	31.9%	POW	13.4	-7.3%
VHM	97.8	27.7%	SAB	255	-5.7%
TCB	25.15	24.5%	PLX	59.6	-3.7%
MBB	23.3	22.2%	NVL	58.1	-2.4%
VJC	143.5	15.3%			
VPB	21.65	14.9%			
HDB	29.5	11.1%			

Large cap còn lại			2 tăng vs 7 giảm		
PNJ	85.3	19.7%	ROS	25.15	-15.9%
KDH	26.25	7.1%	DHG	94	-12.5%
			HNG	14.75	-9.5%
			BHN	75.6	-7.4%
			STB	10.75	-4.9%
			EIB	18.5	-1.1%
			TPB	22.6	-0.4%

Mid cap			73 tăng vs 51 giảm		
HVG	7.27	118.3%	YEG	50.8	-33.2%
HDC	23.4	56.5%	CTD	71.3	-28.0%
IJC	15.5	47.6%	PAC	26	-27.4%
BIC	25.9	40.0%	STK	18.05	-22.9%
DBD	56.5	32.9%	SJS	15.45	-22.8%
DPG	49.45	32.9%	FRT	40.5	-22.4%
D2D	86.5	27.9%	HAG	4.14	-21.0%
DRC	23.05	26.0%	THI	27.05	-20.4%
HRC	46.9	23.4%	TCM	21.85	-19.1%
SMB	41.7	23.0%	HBC	12.3	-17.7%

Small cap			102 tăng vs 123 giảm		
CLG	4.5	133.2%	FTM	3.19	-86.6%
TSC	3.78	130.5%	SFG	6.77	-49.3%
TNA	19.8	61.0%	YBM	4.6	-45.3%
BCG	8.8	55.8%	SBV	6.77	-42.9%
HOT	50.9	47.8%	VPK	2	-42.7%
JVC	4.13	43.9%	GMC	21.4	-41.7%
TCO	11.55	40.4%	DIC	1.75	-41.7%
SVI	70	40.0%	DRH	4.36	-41.1%
LAF	9.31	39.6%	TGG	1.84	-38.5%
MCG	2.79	39.5%	CIG	1.79	-38.3%

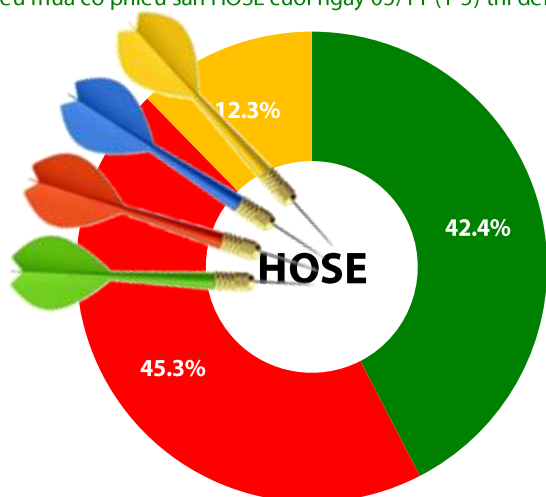
QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

THỊ TRƯỜNG ► TRADING T+ DỄ HAY KHÓ?

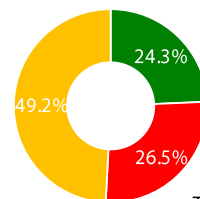
Giả sử quý vị mua NGẪU NHIÊN 1 cổ phiếu nào đó trên sàn HOSE vào cuối ngày 07/11 (T-3) thì đến cuối hôm nay, 12/11 (T) khả năng quý vị mua trúng mã tăng giá:

42.4%

Nếu mua cổ phiếu sàn HOSE cuối ngày 05/11 (T-5) thì đến cuối hôm nay, cơ hội mua trúng mã tăng giá là 41.4 %

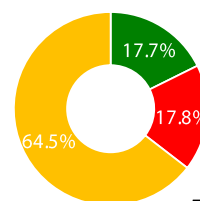
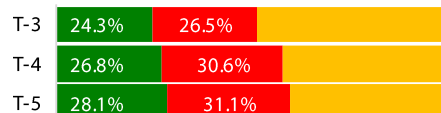


Tổng số cổ phiếu vào ngày T-3: 382



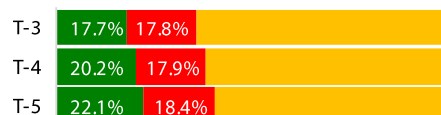
HNX

Tổng số cp ngày T-3: 366



Upcom

Tổng số cp ngày T-3: 860



Cơ hội tăng giá cho nhóm cổ phiếu vốn hóa tỷ USD



Tổng số cp ngày T-3:

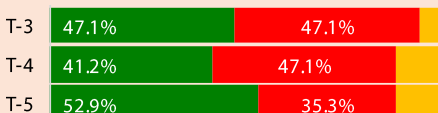
Nhóm Tỷ USD: 31

Large cap: 17

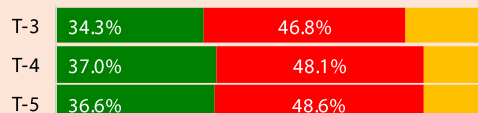
Mid cap: 216

Small cap: 1344

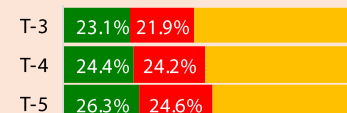
Nhóm largecap còn lại



Midcap

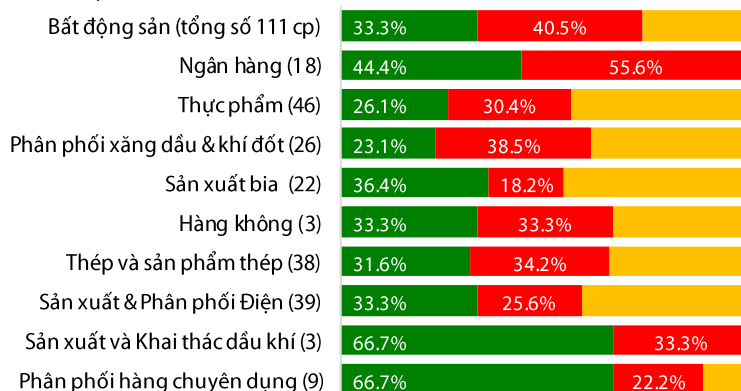


Smallcap



Cơ hội tăng giá của Top10 nhóm ngành

(theo quy mô vốn hóa)



Một số nhóm ngành khác có cơ hội tăng giá cao (8)

(tổng số cp : cơ hội tăng giá T3)

- Đồ gia dụng một lần (1 : 100%)
- Công nghệ sinh học (2 : 100%)
- Thiết bị văn phòng (1 : 100%)
- Internet (1 : 100%)
- Bảo hiểm phi nhân thọ (8 : 75%)
- Dịch vụ Máy tính (3 : 66.7%)
- Dịch vụ giải trí (6 : 66.7%)
- Tài chính đặc biệt (5 : 60%)

(hãy chú ý các nhóm có cơ hội tăng giá T-3 cao hơn 50%, nếu cả T-4 và T-5 cũng cao thì càng tốt)

GIAO DỊCH

Khải.TQ DỰ BÁO CHỈ SỐ VNINDEX

Chỉ số VN-Index (1.018,33)

Xu hướng ngắn hạn: Tăng

Hỗ trợ ngắn hạn: 1.000

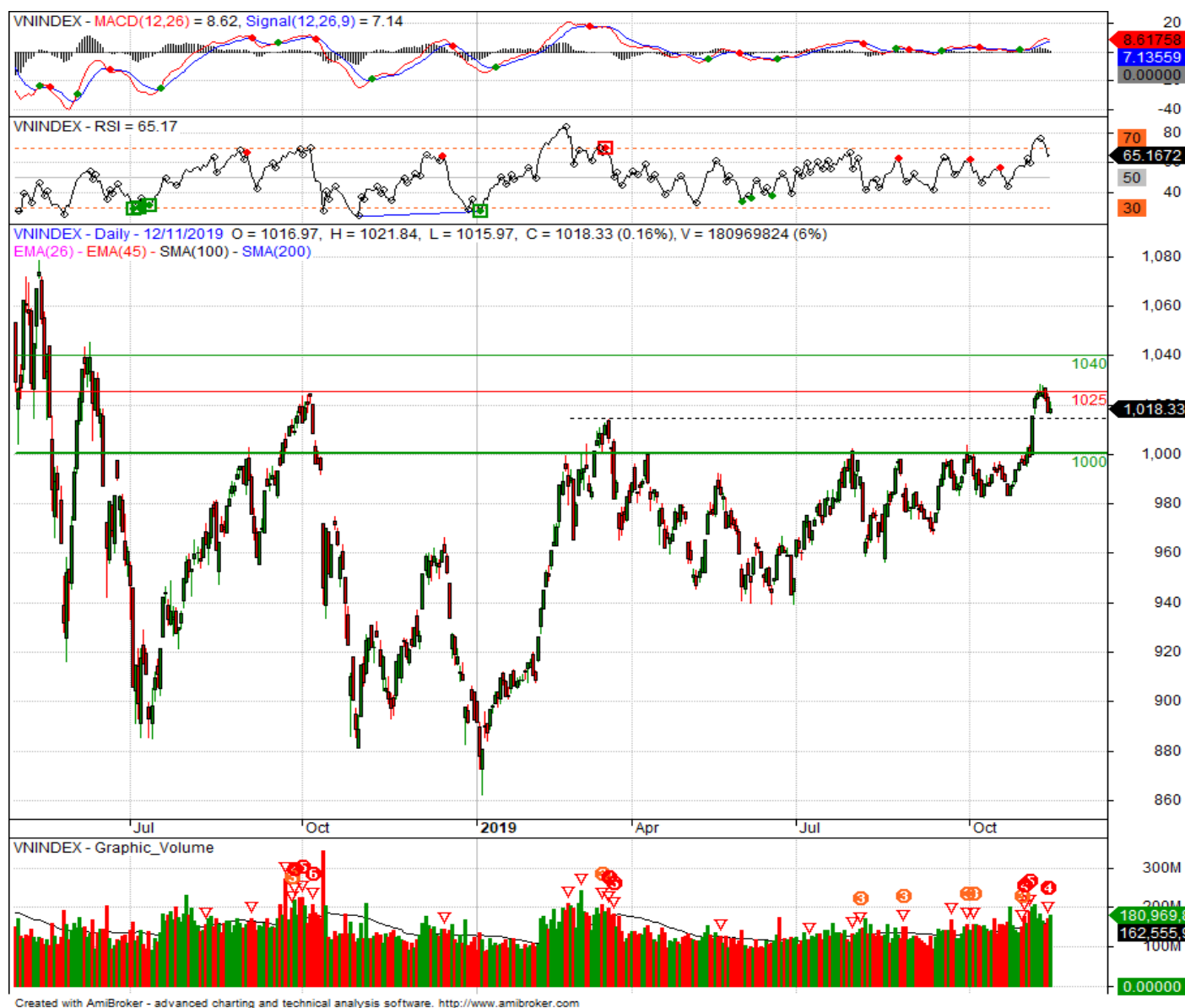
Kháng cự ngắn hạn: 1.025

Xu hướng trung hạn: Tăng

Hỗ trợ trung hạn: 990

KHUYẾN NGHỊ

Các chỉ số phục hồi nhẹ sau khi đã giảm khá mạnh 2 phiên trước đó. Nhóm vốn hóa lớn đã lấy lại sự cân bằng, trong khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ thu hút được dòng tiền tương đối mạnh. Đây có thể chỉ là nhịp điều chỉnh ngắn hạn, do vậy NĐT cần tập trung quan sát tại các ngưỡng hỗ trợ để tìm cơ hội giải ngân vào các cổ phiếu mục tiêu với mức giá hợp lý hơn.



GIAO DỊCH ► NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ



Phường.NH

SÀN HSX:

VN-Index tăng 1.58 điểm (+0.16%), đóng cửa tại 1018.33 điểm. Thanh khoản gia tăng với 181 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

VN-Index đang được hỗ trợ tại vùng 1015 điểm nhưng tạm thời vẫn chịu áp lực bán sau phiên suy yếu. Kết phiên, chỉ số chỉ hồi phục nhẹ và hình thành nến Inverted Hammer. Chỉ báo kỹ thuật MACD đang điều chỉnh nhẹ, RSI hồi nhẹ và lưỡng lự tại vùng 65.

Mặc dù VN-Index trong nhịp suy yếu nhưng đang được hỗ trợ tại vùng 1015 điểm, đồng thời xu hướng tăng ngắn hạn vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc rõ ràng. Do đó, cần phải theo dõi thêm diễn biến của VN-Index để có nhận định cụ thể hơn; hiện tại nhiều khả năng chỉ số sẽ tiếp tục được hỗ trợ tại vùng 1015 điểm và hồi phục trở lại.



SÀN HNX:

HNX-Index tăng 0.2 điểm (+0.19%), đóng cửa tại 106.96 điểm. Thanh khoản giảm nhẹ với 20 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

HNX-Index đang thể hiện sự lưỡng lự và được hỗ trợ trên mức 106.5 điểm, đồ thị giá xuất hiện nến hỗ trợ Hammer. Chỉ báo kỹ thuật MACD và RSI đều thể hiện lưỡng lự trong xu hướng tăng nhẹ.

Điều này cho thấy mặc dù bị kháng cự và suy yếu nhưng HNX-Index vẫn đang trong kênh tăng giá. Dự kiến, chỉ số sẽ tiếp tục được hỗ trợ trên mức 106.5 điểm và tăng điểm trở lại.



Khuyến nghị: Mặc dù cả hai chỉ số đều trong nhịp suy yếu nhưng đang được hỗ trợ với dấu hiệu nền tích cực, đồng thời vẫn đang trong kênh tăng giá. Do đó, vẫn có khả năng thị trường sẽ tiếp tục được hỗ trợ và hồi phục trở lại trong thời gian gần tới. Quý nhà đầu tư vẫn nên quan sát thị trường và chờ động thái xu hướng rõ nét hơn.

GIAO DỊCH ▶ CẬP NHẬT XU HƯỚNG

Tổng hợp những Bình luận về Xu hướng hiện tại của chỉ số và cổ phiếu

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng

Nhóm ngành	Tăng	Sideway	Giảm
1 Phần mềm	LCG	FPT	VHC
2 Vật liệu xây dựng & Nội thất		HT1 BMP	
3 Xây dựng		PC1	
4 Máy công nghiệp	TNA	VEA	VHC
5 Nuôi trồng nông & hải sản			
6 Thực phẩm	EVE		
7 Hàng May mặc		VPB SHB	
8 Ngân hàng		DCM	
9 Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	DPM DGC		
10 Thép và sản phẩm thép	HSG		
11 Bảo hiểm phi nhân thọ		BMI	
12 Bất động sản		VRE NLG BCM	
13 Môi giới chứng khoán		VND	
14 Sản xuất & Phân phối Điện		PPC	
15 Phân phối xăng dầu & khí đốt		ASP	

Một số nhận định kỹ thuật mới nhất trong ngày (23):

1	VRE	Điều chỉnh và hỗ trợ tại vùng 34.5, vẫn đang trong kênh giá tăng ngắn hạn
2	VPB	Kiểm tra lại vùng hỗ trợ 21.5
3	VNIndex	Sau hai phiên giảm thì đã tăng nhẹ trở lại để lấy lại cân bằng. Thanh khoản tăng là điểm tích cực.
4	VND	Có dấu hiệu tạo đáy dài hạn quanh vùng giá 13.x
5	VHC	Vẫn đang dao động đi ngang trong biên độ 77-83
6	VEA	Tại vùng hỗ trợ 49 nhưng vẫn bị cản tại vùng 50 và xu hướng giảm vẫn đang chiếm ưu thế
7	TNA	Tiếp tục tăng hướng về vùng đỉnh lịch sử 21.5
8	SHB	Đảo chiều tăng giá ngắn hạn. Trung dài hạn vẫn chưa tích cực do nằm dưới SMA(200).
9	PPC	Dao động đi ngang trong biên độ 24-27
10	PC1	Xu hướng giảm chứng lại quanh mốc Fibonacci Retracement 50% và có thể xuất hiện nhịp phục hồi nhẹ.
11	NLG	Dao động sideway trong trung hạn
12	LCG	Phục hồi nhẹ nhưng chưa thoát khỏi downtrend trung hạn.
13	HT1	Vẫn duy trì xu hướng tăng trung hạn nhưng với tốc độ chậm, ngắn hạn bị cản bởi Fibonacci Retracement 61.8%
14	HSG	Vượt qua kháng cự quan trọng 7.5 với thanh khoản lớn
15	FPT	Xu hướng tăng vẫn được mở rộng
16	EVE	Bật tăng mạnh sau khi giảm sâu trước đó. Tuy vậy sự phục hồi chưa có dấu hiệu bền vững.
17	DPM	Đà giảm dừng lại tại ngưỡng Fibonacci Retracement 61.8% và bắt đầu phục hồi
18	DGC	Xu hướng giảm dừng lại ở vùng 25.x và tăng nhẹ trở lại nhưng chưa đủ để tạo tín hiệu đảo chiều.
19	DCM	Kiểm tra vùng đáy cũ, cần chờ dấu hiệu hỗ trợ cụ thể
20	BMP	Xu hướng tăng trung hạn đang suy yếu rõ rệt. Rủi ro tăng cao nếu giảm dưới 52.
21	BMI	Trung hạn đang dao động sideway với biên độ hẹp dần. Vùng 28 tỏ ra là kháng cự mạnh.
22	BCM	Xu hướng giảm trung hạn tiếp tục kéo dài dù mức độ không mạnh.
23	ASP	Có dấu hiệu sẽ phục hồi ngắn hạn

GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

Bình luận về xu hướng hiện tại TOP30 nhóm vốn hóa tỷ USD

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

13/11/2019

Tổng số cổ phiếu 30

Xu hướng Tích cực 10

Xu hướng Tiêu cực

Trung lập 17

Vốn hóa (tỷ đ) 3,296,350

Tăng 1,451,911

Giảm

Sideway 1,696,521

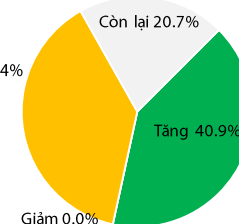
Tính riêng sàn HOSE

Tăng 1,421,179

Giảm

Sideway 1,335,282

Nhóm tỷ USD trong
cơ cấu sàn HOSE



STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1	04/11	-0.9%	Tăng	VIC HOSE	397,832	119.4	Bất động sản		Sau một thời gian sideway trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên.
2	07/11	0.2%	Tăng	VCB HOSE	338,621	91.7	Ngân hàng		Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.
3	06/11	-0.7%	Tăng	VHM HOSE	330,597	97.8	Bất động sản		Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.
4	07/11	-1.3%	Sideway	VNM HOSE	225,160	127.5	Thực phẩm		Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.
5	07/11	-0.7%	Sideway	GAS HOSE	199,625	105.0	Phân phối xăng dầu & khí đốt		Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.
6	01/11	0.2%	Sideway	ACV UPCOM	169,662	78.3	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng		Xu hướng phục hồi tiếp tục tốt, thanh khoản có cải thiện.
7	12/11	1.9%	Sideway	BID HOSE	166,109	42.1	Ngân hàng		Bị cản tại ngưỡng 42 nhưng vẫn trong kênh tăng giá
8	07/11	-1.9%	Sideway	SAB HOSE	163,591	255.0	Sản xuất bia		Ngưỡng kháng cự 260 đang phát huy tác dụng. Nhịp điều chỉnh đang bắt đầu.
9	07/11	-1.0%	Sideway	VGI UPCOM	96,032	31.4	Viễn thông di động		Trend giảm đang hình thành.
10	11/11	0.2%	Tăng	TCB HOSE	88,029	25.2	OCT31:119.200B342		Xu hướng tăng tiếp tục được mở rộng
11	07/11	-2.3%	Sideway	MSN HOSE	87,087	75.0	Thực phẩm		Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.
12	07/11	-1.3%	Sideway	CTG HOSE	81,729	22.0	OCT31:100.227B326		Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.
13	13/11	0.1%	Sideway	VRE HOSE	80,810	34.7	OCT31:100.219M335		Điều chỉnh và hỗ trợ tại vùng 34.5, vẫn đang trong kênh giá tăng ngắn hạn

GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mức tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
14	07/11	0.2%	Sideway	VJC HOSE Hàng không ★🔥📈📉📊	74,804	143.5			Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.
15	31/10	1.0%	Tăng	PLX HOSE Sản xuất và Khai thác dầu khí ★🔥📈📉📊	69,195	59.6			Hình thành mô hình hai đáy tuy nhiên giá hiện tại nằm khá gần các ngưỡng kháng cự mạnh phía trên.
16	13/11	-0.6%	Sideway	VEA UPCOM Máy công nghiệp ★🔥📈📉📊	65,643	49.5			Tại vùng hỗ trợ 49 nhưng vẫn bị cản tại vùng 50 và xu hướng giảm vẫn đang chiếm ưu thế
17	12/11	1.3%	Tăng	HPG HOSE OCT31:150.225B320 ★🔥📈📉📊	62,952	23.0			Đang trong xu hướng tích cực khi giá cắt lên trên đường SMA(100), thanh khoản có sự gia tăng
18		-0.2%		GVR UPCOM Nhựa, cao su & sợi ★🔥📈📉📊	55,200	13.8			
19	12/11	-0.4%	Sideway	MBB HOSE OCT31:100.217B312 ★🔥📈📉📊	54,537	23.3			Đang gặp khó khăn tại vùng kháng cự mạnh 23.7 tạo bởi Fibonacci Retracement 61.8%. Lực bán gia tăng mạnh mẽ, có thể xuất hiện
20	12/11	-0.3%	Sideway	NVL HOSE OCT31:106.200.300 ★🔥📈📉📊	54,456	58.1			Xu hướng giảm trung hạn đã hình thành và vẫn đang phát triển.
21	12/11	-1.8%	Sideway	MWG HOSE Phân phối hàng chuyên dụng ★🔥📈📉📊	53,970	122.3			Sau nhịp đi ngang thì MWG đang có dấu hiệu đuối sức. Giá đã cắt xuống dưới EMA(26) và EMA(45). Khả năng cao sẽ còn tiếp tục điều
22	13/11	-2.3%	Sideway	VPB HOSE OCT31:100.200B311 ★🔥📈📉📊	52,708	21.7			Kiểm tra lại vùng hỗ trợ 21.5
23		0.4%		MCH UPCOM Thực phẩm ★🔥📈📉📊	51,801	73.5			
24	04/11	0.3%	Tăng	BVH HOSE Bảo hiểm nhân thọ ★🔥📈📉📊	51,585	73.8	79.5	7.7%	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x
25	04/11	0.1%	Tăng	HVN HOSE Hàng không ★🔥📈📉📊	50,988	36.2			Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39
26	07/11	-0.4%		ACB HNX OCT31:103.239M300 ★🔥📈📉📊	40,916	24.7			Sideway trong vùng 23-26 trend trung hạn. Ngắn hạn có xu hướng tăng giá nhẹ về vùng 27-28.
27	13/11	2.3%	Sideway	FPT HOSE Phần mềm ★🔥📈📉📊	40,697	61.0			Xu hướng tăng vẫn được mở rộng
28	07/11	-0.7%	Tăng	POW HOSE OCT31:100.200B318 ★🔥📈📉📊	31,381	13.4			Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.
29	06/11	-0.1%	Tăng	BSR UPCOM OCT31:126.243.346 ★🔥📈📉📊	30,732	10.0	10.7	6.9%	Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua.
30	13/11	-1.1%	Sideway	BCM UPCOM Bất động sản ★🔥📈📉📊	29,902	28.8			Xu hướng giảm trung hạn tiếp tục kéo dài dù mức độ không mạnh.

GIAO DỊCH ► NHÓM TĂNG VÀ GIẢM NÓNG

Bình luận về xu hướng hiện tại 1 số cổ phiếu tăng/giảm nóng hay thuộc các nhóm ngành HOT

Danh sách bao gồm cả cổ phiếu tăng & giảm giá khác trong các ngành hot.

Một số ngành HOT hôm nay & trong tuần

Lâm sản và Chế biến gỗ: tổng số 10 cổ phiếu, 5 mã tăng giá b/q +11.2%/cp

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

13/11/2019

STT	Ngày khuyến nghị	KLGD b/q 1 tháng	Xu hướng hiện tại	CK	Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1	13/11	148,287	Sideway	ASP HOSE 	Phân phối xăng dầu & khí đốt	258	7.1		Có dấu hiệu sẽ phục hồi ngắn hạn
2	13/11	200,664	Sideway	BMI HOSE 	Bảo hiểm phi nhân thọ	2,439	26.4		Trung hạn đang dao động sideway với biên độ hẹp dần. Vùng 28 tỏ ra là kháng cự mạnh.
3	13/11	167,972	Sideway	BMP HOSE 	Vật liệu xây dựng & Nội thất	4,314	52.4		Xu hướng tăng trung hạn đang suy yếu rõ rệt. Rủi ro tăng cao nếu giảm dưới 52.
4	13/11	367,910	Tăng	DPM HOSE 	OCT31:100.246.349	5,361	14.2		Đà giảm dừng lại tại ngưỡng Fibonacci Retracement 61.8% và bắt đầu phục hồi
5	13/11	27,893	Tăng	EVE HOSE 	Hàng May mặc	405	11.4		Bật tăng mạnh sau khi giảm sâu trước đó. Tuy vậy sự phục hồi chưa có dấu hiệu bền vững.
6	13/11	1,614,848	Sideway	FPT HOSE 	Phần mềm	40,697	61.0		Xu hướng tăng vẫn được mở rộng
7	13/11	3,248,883	Tăng	HSG HOSE 	OCT31:129.204B303	3,119	7.9	8.5 7.9%	Vượt qua kháng cự quan trọng 7.5 với thanh khoản lớn
8	13/11	188,788	Sideway	HT1 HOSE 	OCT31:144.200.300	5,857	15.6		Vẫn duy trì xu hướng tăng trung hạn nhưng với tốc độ chậm, ngắn hạn bị cản bởi Fibonacci Retracement 61.8%
9	13/11	445,550	Tăng	LCG HOSE 	OCT31:100.214M332	838	8.6		Phục hồi nhẹ nhưng chưa thoát khỏi downtrend trung hạn.
10	13/11	528,644	Sideway	NLG HOSE 	Bất động sản	7,017	28.3		Dao động sideway trong trung hạn
11	13/11	148,887	Sideway	PC1 HOSE 	Xây dựng	3,051	19.3		Xu hướng giảm chững lại quanh mốc Fibonacci Retracement 50% và có thể xuất hiện nhịp phục hồi nhẹ.
12	13/11	239,364	Sideway	PPC HOSE 	Sản xuất & Phân phối Điện	8,288	26.0		Dao động đi ngang trong biên độ 24-27
13	13/11	864,527	Tăng	TNA HOSE 	OCT31:100.205B309	673	19.8		Tiếp tục tăng hướng về vùng đỉnh lịch sử 21.5
14	13/11	141,689	Giảm	VHC HOSE 	Nuôi trồng nông & hải sản	7,205	78.9		Vẫn đang dao động đi ngang trong biên độ 77-83
15	13/11	422,832	Sideway	VND HOSE 	Môi giới chứng khoán	2,962	14.2		Có dấu hiệu tạo đáy dài hạn quanh vùng giá 13.x

GIAO DỊCH ► TOP10 TUẦN QUA

Cổ phiếu còn tăng giá hay đã đến lúc chốt lời?

từ 08/11 đến 12/11

Tăng giá vs cuối tuần trước

Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên

STT	Ngày khuyến nghị	Tăng giá vs cuối tuần trước	Xu hướng hiện tại	CK	KL khớp lệnh b/q 1 tháng	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1		31.3%		VTD 	UPCOM	Vận tải hành khách & Du lịch	60,575	20.7	
2		14.3%		HVG 	HOSE	OCT31:147.242B330	2,222,800	7.3	
3		14.2%		CLG 	HOSE	Bất động sản	50,736	4.5	
4		14.1%		HCD 	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	199,919	4.0	
5	12/11	10.0%	Tăng	BCG 	HOSE	Tài chính đặc biệt	408,597	8.8	9.2 4.5% Xuất hiện phiên bứt phá mạnh khỏi vùng tích lũy, xu hướng tăng tiếp
6	30/10	9.9%	Tăng	MBG 	HNX	Vật liệu xây dựng & Nội thất	309,052	51.0	38.0 -25.5% Đã tăng rất nóng và có phân kỳ âm với RSI, có thể đảo chiều bất kỳ lúc
7		7.3%		LIG 	HNX	Xây dựng	102,101	4.4	
8		7.1%		TSC 	HOSE	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất	1,363,456	3.8	
9		7.0%		FIT 	HOSE	Tài chính đặc biệt	688,558	4.4	
10		6.9%		HAR 	HOSE	OCT31:127.223.324	252,337	4.0	

Cổ phiếu còn giảm giá hay đã đến lúc bắt đáy?

Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên

STT	Ngày khuyến nghị	Giảm giá vs cuối tuần trước	Xu hướng hiện tại	CK	KL khớp lệnh b/q 1 tháng	Thị giá	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật
1		-13.3%		TTB 	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	244,168	15.4	
2		-9.2%		C69 	HNX	Xây dựng	348,338	12.8	
3	12/11	-7.6%	Giảm	DRH 	HOSE	Bất động sản	544,421	4.4	Xu hướng vẫn đang tiêu cực nhưng đang trong vùng hỗ trợ có thể tạo
4		-4.8%		FTM 	HOSE	OCT31:100.238B333	645,421	3.2	
5		-4.8%		TVB 	HOSE	Môi giới chứng khoán	106,405	14.0	
6		-4.5%		GAB 	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	109,640	10.5	
7		-4.3%		CTD 	HOSE	Xây dựng	80,176	71.3	
8		-4.0%		PVC 	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	198,976	7.2	
9		-3.6%		CTI 	HOSE	OCT31:100.207B307	726,160	24.0	
10		-3.3%		AAV 	HNX	Bất động sản	85,304	8.8	

GIAO DỊCH ▶ TOP10 DÒNG TIỀN 5 PHIÊN

Dòng tiền vào (tỷ đồng)

STT	Ngày khuyến nghị	Dòng tiền 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Tăng/giảm giá 5 phiên	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật	
1	12/11	612	Tăng	HPG	HOSE	OCT31:150.225B320	62,952	23.0	1.3%		Đang trong xu hướng tích cực khi giá cắt lên trên đường SMA(100),	
2	13/11	198	Sideway	FPT	HOSE	Phản mềm	40,697	61.0	2.3%		Xu hướng tăng vẫn được mở rộng	
3	06/11	194	Tăng	VHM	HOSE	Bất động sản	330,597	97.8	-0.7%		Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	
4	12/11	165	Sideway	MBB	HOSE	OCT31:100.217B312	54,537	23.3	-0.4%		Đang gặp khó khăn tại vùng kháng cự mạnh 23.7 tạo bởi	
5	07/11	148	Tăng	VCB	HOSE	Ngân hàng	338,621	91.7	0.2%		Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	
6	11/11	146	Tăng	TCB	HOSE	OCT31:119.200B342	88,029	25.2	0.2%		Xu hướng tăng tiếp tục được mở rộng	
7	13/11	111	Tăng	HSG	HOSE	OCT31:129.204B303	3,119	7.9	6.9%	8.5	7.9%	Vượt qua kháng cự quan trọng 7.5 với thanh khoản lớn
8	12/11	92	Sideway	AAA	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	2,645	15.7	-1.3%			Bị cản trước ngưỡng 16 và điều chỉnh, cần thêm thời gian
9	13/11	71	Tăng	TNA	HOSE	OCT31:100.205B309	673	19.8	2.1%			Tiếp tục tăng hướng về vùng đỉnh lịch sử 21.5
10	07/11	70	Sideway	PNJ	HOSE	OCT31:107.200.300	18,851	85.3	-0.5%			Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn

Dòng tiền ra

STT	Ngày khuyến nghị	Dòng tiền 5 phiên	Xu hướng hiện tại	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Tăng/giảm giá 5 phiên	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Nhận định kỹ thuật	
1		-2,102		ROS	HOSE	OCT31:100.203M308	14,417	25.2	0.6%			
2	12/11	-192	Sideway	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	53,970	122.3	-1.8%		Sau nhịp đi ngang thì MWG đang có dấu hiệu đuối sức. Giá đã cắt	
3	07/11	-187	Sideway	VJC	HOSE	Hàng không	74,804	143.5	0.2%		Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.	
4	13/11	-177	Sideway	VRE	HOSE	OCT31:100.219M335	80,810	34.7	0.1%		Điều chỉnh và hỗ trợ tại vùng 34.5, vẫn đang trong kênh giá	
5	06/11	-161	Tăng	PVS	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	9,034	18.9	-0.5%	20.3	7.4%	Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích
6	07/11	-140	Tăng	POW	HOSE	OCT31:100.200B318	31,381	13.4	-0.7%			Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm
7		-126		SCR	HOSE	OCT31:112.212M321	2,046	6.0	-0.2%			
8	07/11	-116	Sideway	CTG	HOSE	OCT31:100.227B326	81,729	22.0	-1.3%			Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.
9		-102		FLC	HOSE	OCT31:128.201B306	3,174	4.5	-2.2%			
10	13/11	-98	Sideway	VPB	HOSE	OCT31:100.200B311	52,708	21.7	-2.3%			Kiểm tra lại vùng hỗ trợ 21.5

GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT

Khuyến nghị mua bán MỚI 3 phiên (trong T3) theo tín hiệu kỹ thuật

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

13/11/2019

Tổng số cổ phiếu 8

Khuyến nghị Mua 8

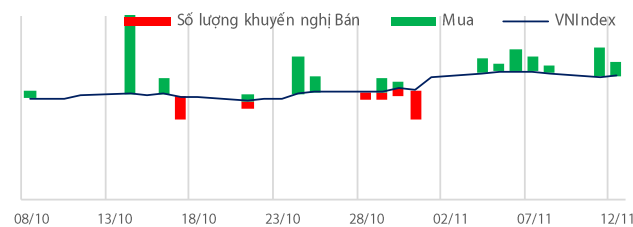
Khuyến nghị Bán

Vốn hóa (tỷ.đ) 53,162

Mua 53,162

Bán

NEW



STT	Ngày khuyến nghị	Diễn biến giá 5 phiên	Khuyến nghị	CK		Vốn hóa (tỷ đ)	Thị giá	Giá khuyến nghị	Mục tiêu 2 tuần	Kỳ vọng	Cắt lỗ	Nhận định kỹ thuật	
1	13/11	6.9%	Mua	HSG	HOSE	OCT31:129.204B303	3,119	7.9	7.8	8.5	7.9%	7.4	Vượt qua kháng cự quan trọng 7.5 với thanh khoản lớn
2	12/11	0.6%	Mua	SAM	HOSE	OCT31:113.200.300	2,093	8.1	8.2	9.2	13.6%	7.6	Dấu hiệu dẫn vượt vùng đỉnh cũ sau thời gian tích lũy
3	12/11	10.0%	Mua	BCG	HOSE	Tài chính đặc biệt	925	8.8	8.6	9.2	4.5%	8.0	Xuất hiện phiên bứt phá mạnh khỏi vùng tích lũy, xu hướng tăng tiếp tục.
4	11/11		Mua	TPB	HOSE	Ngân hàng	18,681	22.6	22.6	25.0	10.6%	21.4	Dấu hiệu dẫn tích cực sau giai đoạn tích lũy quanh 22.5
5	11/11		Mua	DHG	HOSE	Dược phẩm	12,277	94.0	93.0	107.0	13.8%	89.0	Tích lũy trên nền giá 90. Dấu hiệu tăng sắp bắt đầu. Trend trung hạn ổn định.
6	11/11	-1.1%	Mua	CTF	HOSE	Sản xuất ô tô	1,093	23.0	23.0	25.0	8.7%	22.0	Xu hướng tích cực. ADX báo hiệu trend tăng mạnh.
7	11/11	0.5%	Mua	CMG	HOSE	Dịch vụ Máy tính	3,950	39.4	39.0	43.0	9.1%	37.5	Tích lũy và chuẩn bị bước vào xu hướng tăng ngắn hạn.
8	08/11	-1.8%	Mua	SSI	HOSE	Môi giới chứng khoán	11,025	21.7	22.1	23.5	8.5%	21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.

GIAO DỊCH ► CỔ PHIẾU HÔM NAY THEO PTKT



Khải.TQ HSG sau nhịp tích lũy dưới kháng cự 7.5 thì đã có phiên bứt phá mạnh mẽ với thanh khoản đột biến để tiếp tục xu hướng tăng. Các chỉ báo MACD và RSI đều đã trở nên tích cực. HSG cũng đã cắt lên SMA(200) một cách dứt khoát.



GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT



Bảng theo dõi khuyến nghị Mua - Bán sau T3 theo tín hiệu kỹ thuật

Khuyến nghị gốc (14)						Vị thế hiện tại (28.6%)			Cập nhật trạng thái		
STT	Ngày khuyến nghị	CK	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Mục tiêu Cắt lỗ	Vị thế	Thị giá	+/-%/Giá khuyến nghị	Ngày cập nhật	Xu hướng hiện tại	Nhận định kỹ thuật
1	07/11	CTR	MUA	50.5	55.0 48.0	Mở	48.939	-3.1%	07/11	Sideway	Dấu hiệu tăng trưởng trở lại. ADX cho xu hướng tốt.
2	07/11	MFS	MUA	22.2	26.0 20.9	Mở	22.304	0.5%	07/11	Sideway	Đang được hỗ trợ và tích lũy khá lâu trên mức 22
3	06/11	VCS	MUA	90.9	98.0 85.0	Mở	87.8	-3.4%	06/11	Tăng	Tích lũy một thời gian tại vùng hỗ trợ sau đó bật tăng mạnh, vượt lên EMA(26) và EMA(45)
4	06/11	BSR	MUA	10.0	10.7 9.5	Mở	10.006	0.1%	06/11	Tăng	Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua
5	06/11	PVS	MUA	19.3	20.3 18.6	Mở	18.9	-2.1%	06/11	Tăng	Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích lũy. Đã cắt lên trên EMA(26)
6	05/11	STB	MUA	10.9	11.6 10.6	Mở	10.75	-1.4%	05/11	Sideway	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại
7	04/11	BVH	MUA	74.0	79.5 71.5	Mở	73.8	-0.3%	04/11	Tăng	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x
8	04/11	HCM	MUA	23.9	25.8 22.5	Mở	25.55	6.9%	04/11	Tăng	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%
9	31/10	D2D	BÁN	83.9	78.0 86.5	Đóng	86.5	-3.1%			
10	31/10	IDI	BÁN	5.4	4.9 5.8	Mở	5.38	-0.4%	31/10	Giảm	Thủng hỗ trợ mạnh 5.6 và có xu hướng giảm về đáy cũ quanh 4.8-4.9
11	31/10	PHR	BÁN	59.0	55.0 62.5	Mở	56.9	3.6%	31/10	Giảm	Đà phục hồi bị cản mạnh tại vùng 62-63 tạo bởi SMA(200) và Fibonacci Retracement 50%
12	31/10	TIG	BÁN	4.4	4.1 4.6	Đóng	5.7	-29.5%			
13	30/10	MBG	BÁN	44.0	38.0 48.0	Đóng	51	-15.9%			
14	30/10	CCL	MUA	7.2	8.0 6.5	Mở	6.69	-6.4%	30/10	Sideway	Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục

Thông tin về chứng quyền (15)

(bảng 1) ITM : OTM = 12 : 3

Thông tin về chứng khoán cơ sở (4)

										Khuyến nghị Giao dịch					Khuyến nghị Đầu tư				
CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 12/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 12/11	VNIndex 1Thg: +2.7%	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)	
1	CDPM1901 KIS Chuyển đổi: 1:1	Call 4T 1.75 (1.9)	1N: +13.6% PH: -7.9%	13.99 (ITM)	15.74	HT: -9.8%	HT: 0.21	Cắt lỗ	07/01	DPM	14.2	1N: +3.6% 1Thg: -1.7% Beta: -0.28	Tăng 13/11			Đà giảm dừng lại tại ngưỡng Fibonacci Retracement 61.8% và bắt đầu phục hồi	Mua 01/11	16.4 +15.5%	0.7 -> 19.9
2	CFPT1903 SSI Chuyển đổi: 0.9812:1	Call 6T 16.30 (6)	1N: +3.8% PH: +171.7%	46.00 (ITM)	61.99	HT: -1.6%	HT: 15.29	Cắt lỗ	26/12	FPT	61.0	1N: +1.7% 1Thg: +8% Beta: 1.27	Sideway 13/11			Xu hướng tăng vẫn được mở rộng	Mua 01/11	70.0 +14.8%	4.9 -> 12.5
3	CFPT1904 MBS Chuyển đổi: 3:1	Call 3T 2.91 (1.7)	1N: +11.5% PH: +71.2%	52.00 (ITM)	60.73	HT: +0.4%	HT: 3	Thực hiện quyền	19/11	FPT									
4	CFPT1905 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 11.06 (9.9)	1N: +2.8% PH: +11.7%	55.00 (ITM)	66.06	HT: -7.7%	HT: 6	Cắt lỗ	20/04	FPT									
5	CFPT1906 HSC Chuyển đổi: 5:1	Call 6T 2.12 (1.7)	1N: +6% PH: +24.7%	57.00 (ITM)	67.60	HT: -9.8%	HT: 0.8	Cắt lỗ	06/04	FPT									
6	CFPT1907 VNDS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T 4.33 (4.2)	1N: +0.9% PH: +3.1%	53.00 (ITM)	61.66	HT: -1.1%	HT: 4	Cắt lỗ	07/01	FPT									
7	CHPG1902 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 6T 0.07 (1)	1N: -12.5% PH: -93%	42.00 (OTM)	42.35	HT: -45.7%	HT: 0	Bỏ quyền	09/12	HPG	23.0	1N: +0.9% 1Thg: +7% Beta: 0.61	Tăng 12/11			Đang trong xu hướng tích cực khi giá cắt lên trên đường SMA(100), thanh khoản có sự gia tăng	Mua 01/11	29.7 +29.1%	2.9 -> 7.8
8	CHPG1905 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6T 1.37 (3.3)	1N: +6.2% PH: -58.5%	23.10 (OTM)	24.47	HT: -6%	HT: 0	Bỏ quyền	26/12	HPG									
9	CHPG1906 KIS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T 0.02 (1.5)	1N: +100% PH: -98.7%	28.09 (OTM)	28.13	HT: -18.2%	HT: 0	Bỏ quyền	14/11	HPG									
10	CHPG1907 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 4.21 (4.2)	1N: +1.4% PH: +0.2%	21.00 (ITM)	25.21	HT: -8.8%	HT: 2	Cắt lỗ	20/04	HPG									
11	CMBB1902 HSC Chuyển đổi: 0.9259:1	Call 6T 3.91 (3.2)	1N: -2% PH: +22.2%	21.80 (ITM)	25.42	HT: -8.3%	HT: 1.62	Cắt lỗ	13/12	MBB	23.3	1N: -0.6% 1Thg: +2.4% Beta: 1.26	Sideway 12/11			Đang gặp khó khăn tại vùng kháng cự mạnh 23.7 tạo bởi Fibonacci Retracement 61.8%. Lực bán gia tăng	Mua 01/11	28.5 +22.3%	3.1 -> 7.5
12	CMBB1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T 4.02 (4)	1N: +0.2% PH: +0.5%	22.00 (ITM)	26.02	HT: -10.5%	HT: 1.3	Cắt lỗ	20/04	MBB									
13	CMBB1904 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 3.5T 2.98 (2.9)	1N: -6% PH: +2.8%	22.00 (ITM)	24.98	HT: -6.7%	HT: 1.3	Cắt lỗ	20/01	MBB									
14	CMBB1905 HSC Chuyển đổi: 2:1	Call 6T 1.73 (1.7)	1N: -0.6% PH: +1.8%	23.00 (ITM)	26.46	HT: -11.9%	HT: 0.15	Cắt lỗ	06/04	MBB									
15	CMBB1906 VNDS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T 2.18 (2.1)	1N: -3.1% PH: +3.8%	20.00 (ITM)	24.36	HT: -4.4%	HT: 1.65	Cắt lỗ	07/01	MBB									

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCB

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

Thông tin về chứng quyền (15)

(bảng 2) ITM : OTM = 11 : 4

Thông tin về chứng khoán cơ sở (7)

										VNIndex 1Thg: +2.7%		Khuyến nghị Giao dịch				Khuyến nghị Đầu tư		
CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 12/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	CK	Thị giá 12/11	1N: +0.7% 1Thg: -2.6% Beta: 1.34	Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)
16 CMSN1901 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	0.80 (1.92)	1N: +2566.7% PH: -58.3%	88.89 (OTM)	92.89	HT: -19.3%	HT: 0	Bỏ quyền	14/11	MSN	75.0	Sideway 07/11			Nhịp hồi phục yếu và đang quay đầu xu hướng giảm chính.			
17 CMWG1902 VNDS Chuyển đổi: 4:1	Call 6T	8.20 (2.99)	1N: -1.2% PH: +174.2%	90.00 (ITM)	122.80	HT: -0.4%	HT: 8.08	Cắt lỗ	09/12	MWG	122.3	Sideway 12/11			Sau nhịp đi ngang thì MWG đang có dấu hiệu đuối sức. Giá đã cắt xuống dưới EMA(26) và EMA(45). Khả năng	Mua 01/11	167.0 +36.5%	8.6 -> 14.3
18 CMWG1903 HSC Chuyển đổi: 5:1	Call 6T	5.80 (2.7)	1N: -3.3% PH: +114.8%	95.00 (ITM)	124.00	HT: -1.4%	HT: 5.46	Cắt lỗ	24/12	MWG								
19 CMWG1904 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6T	34.09 (14)	1N: -3.2% PH: +143.5%	90.00 (ITM)	124.09	HT: -1.4%	HT: 32.3	Cắt lỗ	26/12	MWG								
20 CMWG1905 VCSC Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	5.81 (5.6)	1N: +1% PH: +3.8%	94.00 (ITM)	123.05	HT: -0.6%	HT: 5.66	Cắt lỗ	05/12	MWG								
21 CMWG1906 MBS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T	1.52 (2.85)	1N: 0% PH: -46.7%	120.90 (ITM)	128.50	HT: -4.8%	HT: 0.28	Cắt lỗ	12/12	MWG								
22 CMWG1907 HSC Chuyển đổi: 10:1	Call 6T	1.65 (1.9)	1N: 0% PH: -13.2%	125.00 (OTM)	141.50	HT: -13.6%	HT: 0	Bỏ quyền	06/04	MWG								
23 CNVL1901 KIS Chuyển đổi: 4:1	Call 5T	1.59 (1.9)	1N: -1.9% PH: -16.3%	62.09 (OTM)	68.45	HT: -15.1%	HT: 0	Bỏ quyền	05/02	NVL	58.1	Sideway 12/11			Xu hướng giảm trung hạn đã hình thành và vẫn đang phát triển.			
24 CREE1901 MBS Chuyển đổi: 3:1	Call 3T	0.12 (1.26)	1N: +9.1% PH: -90.5%	37.55 (ITM)	37.91	HT: -0.8%	HT: 0.02	Cắt lỗ	19/11	REE	37.6	Tăng 30/10			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +15.2%	5.2 -> 7.3
25 CREE1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 3.5T	4.58 (5.6)	1N: -1.7% PH: -18.2%	36.00 (ITM)	40.58	HT: -7.3%	HT: 1.6	Cắt lỗ	20/01	REE								
26 CREE1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T	6.98 (7.6)	1N: +3.4% PH: -8.2%	36.00 (ITM)	42.98	HT: -12.5%	HT: 1.6	Cắt lỗ	20/04	REE								
27 CREE1904 VNDS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T	2.65 (3.4)	1N: -5.4% PH: -22.1%	34.00 (ITM)	39.30	HT: -4.3%	HT: 1.8	Cắt lỗ	07/01	REE								
28 CSTB1901 KIS Chuyển đổi: 1:1	Call 4T	1.23 (1.39)	1N: -1.6% PH: -11.5%	10.89 (OTM)	12.12	HT: -11.3% GD: -4.3%	HT: 0 GD: 0.71	Bỏ quyền Cắt lỗ	07/01	STB	10.8	Sideway 05/11	Mua 05/11	MT: 11.6 (+7.9%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại			
29 CTCB1901 MBS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T	1.72 (1.68)	1N: -0.6% PH: +2.4%	23.50 (ITM)	26.94	HT: -6.6%	HT: 0.82	Cắt lỗ	15/01	TCB	25.2	Tăng 11/11			Xu hướng tăng tiếp tục được mở rộng			
30 CVHM1901 KIS Chuyển đổi: 4:1	Call 5T	4.69 (3.1)	1N: -3.1% PH: +51.3%	89.89 (ITM)	108.65	HT: -10% ĐT: -6.1%	HT: 1.98 ĐT: 3.03	Cắt lỗ Cắt lỗ	05/02	VHM	97.8	Tăng 06/11			Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	Khả quan (#1)	102.0 +4.3%	6.1 -> 16.1

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PTKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCTB

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

GIAO DỊCH ► CHỨNG QUYỀN

Thông tin về chứng quyền (11)

(bảng 3) ITM : OTM = 5 : 6

Thông tin về chứng khoán cơ sở (5)

Khuyến nghị Giao dịch

Khuyến nghị Đầu tư

CW	Loại Kỳ hạn	Thị giá 12/11 (PH)	Tăng/Giảm	Giá thực hiện quyền	Giá t/h quyền + CW	Giá Kỳ vọng	Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn	Ngày GD cuối cùng	VNIndex 1Thg: +2.7%				Xu hướng hiện tại	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	EPS -> P/E (f)
									CK	Thị giá 12/11	1N: -0.9% 1Thg: +10.6% Beta: 1.91	Tăng							
31	CVHM1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T (18.6)	1N: -1.2% PH: +18.8%	85.00 (ITM)	107.10	HT: -8.7%	HT: 12.8 Cắt lỗ	20/04	VHM	97.8	1N: -0.9% 1Thg: +10.6% Beta: 1.91	Tăng	06/11			Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.	Khả quan (#1)	102.0 +4.3%	6.1 -> 16.1
32	CVIC1901 KIS Chuyển đổi: 5:1	Call 3T (1.96)	1N: +60% PH: -95.9%	140.89 (OTM)	141.29	HT: -15.5%	HT: 0 Bỏ quyền	14/11	VIC	119.4	1N: +0.4% 1Thg: +1.2% Beta: 1.02	Tăng	04/11			Sau một thời gian sideway trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên.	Giảm	106.7 -10.7%	1.6 -> 75.9
33	CVIC1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T (22.7)	1N: -1% PH: -8.9%	115.00 (ITM)	135.68	HT: -12%	HT: 4.4 Cắt lỗ	20/04	VIC										
34	CVJC1901 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 5T (1.8)	1N: +0.8% PH: +43.3%	145.68 (OTM)	171.48	HT: -16.3%	HT: 0 Bỏ quyền	26/02	VJC	143.5	1N: +0.5% 1Thg: +2.9% Beta: 0.67	Sideway	07/11			Nhịp tăng kết thúc và đang điều chỉnh trong ngắn hạn về 133.	Nắm giữ	138.0 -3.8%	10 -> 14.3
35	CVJC1902 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T (27.9)	1N: +0.3% PH: +4.7%	130.00 (ITM)	159.20	HT: -9.9%	HT: 13.5 Cắt lỗ	20/04	VJC										
36	CVNM1901 KIS Chuyển đổi: 9.8362:1	Call 6T (1.2)	1N: -20% PH: -83.3%	158.89 (OTM)	160.86	HT: -20.7%	HT: 0 Bỏ quyền	11/12	VNM	127.5	1N: -1.4% 1Thg: -0.4% Beta: 0.24	Sideway	07/11			Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.	Tích lũy 11/11	135.0 +5.9%	5.6 -> 22.9
37	CVNM1902 KIS Chuyển đổi: 10:1	Call 6T (1.84)	1N: -4% PH: +31%	133.33 (OTM)	157.43	HT: -19%	HT: 0 Bỏ quyền	26/03	VNM										
38	CVNM1903 SSI Chuyển đổi: 1:1	Call 6.5T (26.6)	1N: -2.2% PH: -6.6%	120.00 (ITM)	144.85	HT: -12%	HT: 7.5 Cắt lỗ	20/04	VNM										
39	CVNM1904 HSC Chuyển đổi: 10:1	Call 6T (1.9)	1N: -6.6% PH: -18.4%	133.00 (OTM)	148.50	HT: -14.1%	HT: 0 Bỏ quyền	06/04	VNM										
40	CVRE1901 KIS Chuyển đổi: 2:1	Call 3T (1.9)	1N: -50% PH: -99.5%	40.89 (OTM)	40.91	HT: -15.2%	HT: 0 Bỏ quyền	14/11	VRE	34.7	1N: 0% 1Thg: +7.3% Beta: 1.61	Sideway	13/11			Điều chỉnh và hỗ trợ tại vùng 34.5, vẫn đang trong kênh giá tăng ngắn hạn	Tích lũy	38.6 +11.1%	1.3 -> 27.6
41	CVRE1902 HSC Chuyển đổi: 4:1	Call 6T (1.3)	1N: -6.1% PH: +19.2%	32.50 (ITM)	38.70	HT: -10.3%	HT: 0.55 Cắt lỗ	06/04	VRE										

ĐẦU TƯ

Số cổ phiếu **54**

DANH MỤC PTĐT RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 43.9% toàn thị trường
23 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%
Top3 kỳ vọng: LHG (+50%), PAC (+46%) & DIG (+43%)

DANH MỤC TVCN RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 1.2% toàn thị trường
3 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%
Top kỳ vọng: TCW (+81%), WSB (+52%) & ANV (+29%)

CHỨNG KHOÁN HÔM NAY

Nhóm ngành (L4): Thực phẩm

Đứng thứ 3/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng giá trị vốn hóa: 412 113 tỷ đồng

Cổ phiếu hôm nay: VNM

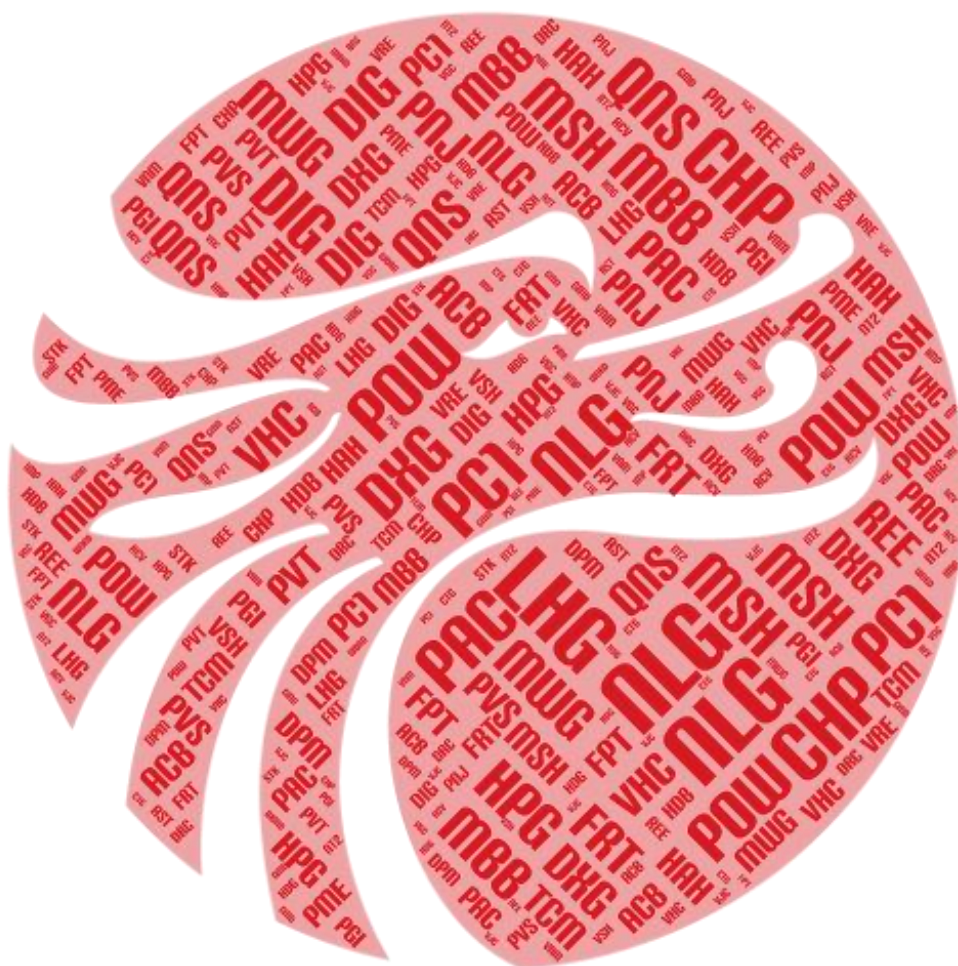
VINAMILK, Ngành: Thực phẩm, Nhóm Tỷ USD, Thanh khoản:

Cao, Khuyến nghị: Tích lũy, Giá mục tiêu của Rồng Việt: 135 k/cp

BCTC cập nhật đến 30/09/2019

Tổng số BCTC được cập nhật

1027



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT

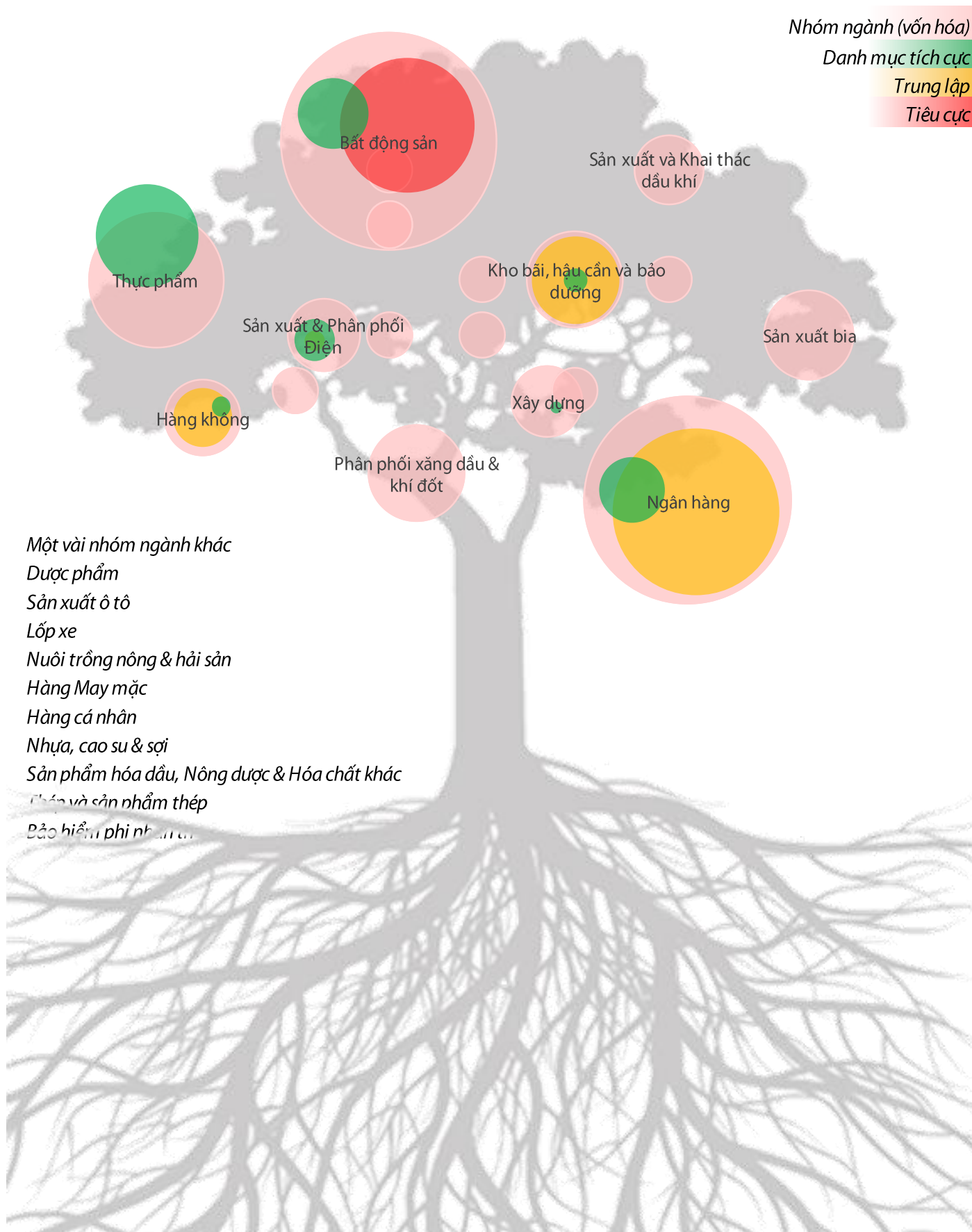
Danh mục Đầu tư Rong Việt trong Top10 ngành lớn nhất thị trường

Nhóm ngành (vốn hóa)

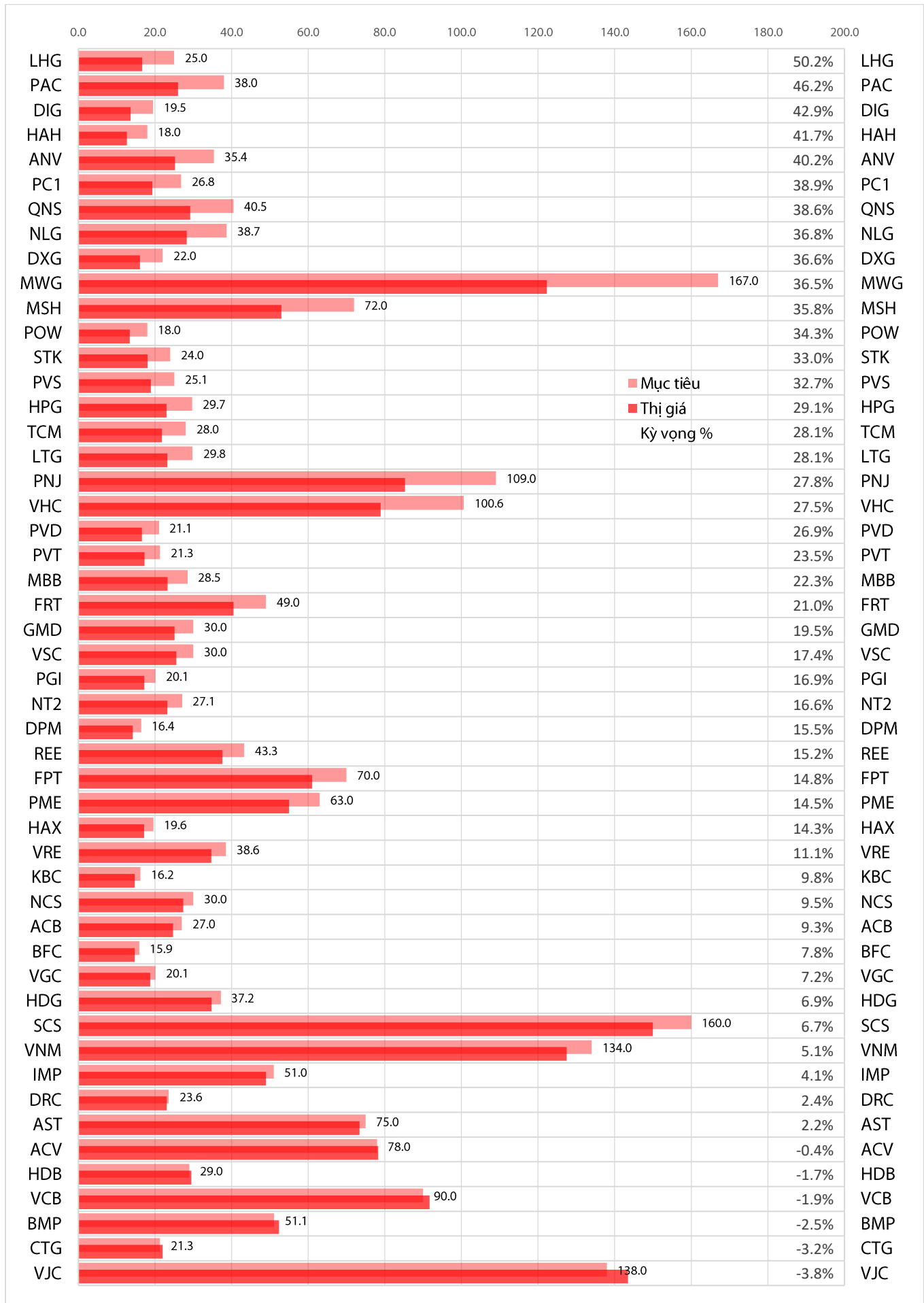
Danh mục tích cực

Trung lập

Tiêu cực



ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ GIÁ MỤC TIÊU & KỶ VỌNG



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG DOANH THU

Top20 dự phóng tăng trưởng Doanh thu 2019F

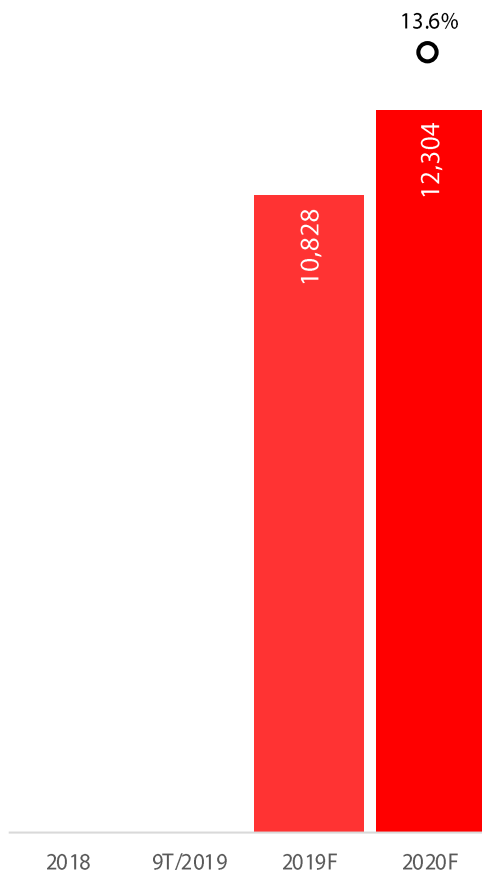
Stt	CK			Nhóm vốn hóa	DT 2019F yoy	LNST cty yoy mẹ2019F	EPS 2019F
1	HDG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	4,744 48.1%	654 7.7%	5.5
2	CTG	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	39,269 36.6%	8,002 47.6%	1.6
3	AST	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap	1,146 32.5%	198 23.3%	4.4
4	BID	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	48,199 23.5%	7,583 11.7%	1.7
5	FPT	HOSE	Phần mềm	Tỷ USD	28,598 23.2%	3,319 26.9%	4.9
6	MBB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	24,060 23.1%	7,588 23.4%	3.1
7	PC1	HOSE	Xây dựng	Mid cap	6,197 22.2%	407 -11.6%	2.3
8	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Tỷ USD	105,327 21.7%	3,888 35.0%	8.6
9	HPG	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Tỷ USD	67,968 19.7%	8,612 -2.6%	2.9
10	VCB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	47,022 19.7%	18,698 27.7%	4.5
11	PVS	HNX	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap	17,258 17.9%	1,130 7.9%	2.3
12	PNJ	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap	17,043 16.9%	1,156 20.4%	4.8
13	HDB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	10,828 14.7%	3,340 17.5%	3.4
14	MSH	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	4,497 13.8%	433 17.0%	8.2
15	ACV	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Tỷ USD	18,220 13.2%	7,147 16.5%	3.0
16	VJC	HOSE	Hàng không	Tỷ USD	60,600 13.1%	6,778 27.0%	10.0
17	KBC	HOSE	Bất động sản	Mid cap	2,829 12.9%	847 13.3%	1.8
18	ACB	HNX	Ngân hàng	Tỷ USD	15,843 12.9%	6,038 17.5%	3.6
19	SCS	HOSE	Hàng không	Mid cap	759 12.4%	478 14.9%	8.9
20	FRT	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Mid cap	17,195 12.4%	385 10.6%	4.7
					tỷ đồng	tỷ đồng	k/cp

tỷ đồng

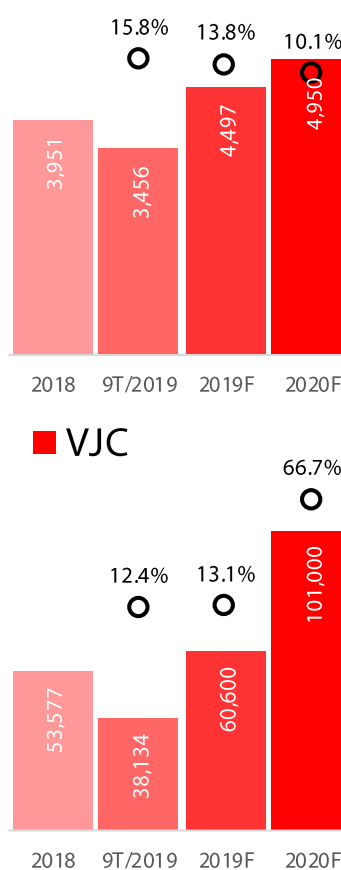
tỷ đồng

k/cp

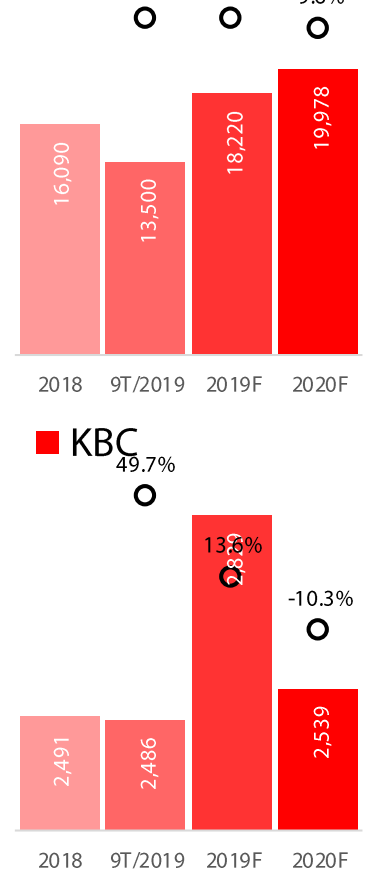
HDB • yoy



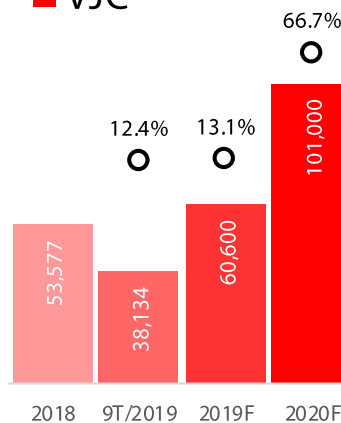
MSH



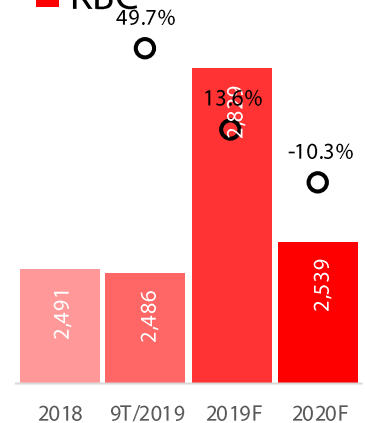
ACV



VJC



KBC



ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG LỢI NHUẬN

Top20 dự phóng tăng trưởng LNST cổ đông cty mẹ 2019F

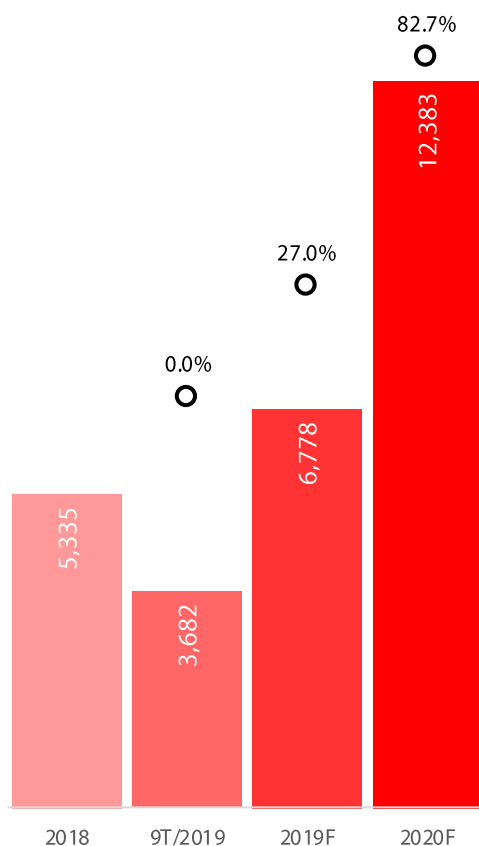
Stt	CK			Nhóm vốn hóa	DT 2019F yoy	LNST cty yoy mẹ 2019F	EPS 2019F
1	PHR	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap	1,497 -9.4%	1,018 211.4%	6.1
2	VIC	HOSE	Bất động sản	Tỷ USD	131,946 7.6%	5,020 50.0%	1.6
3	CTG	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	39,269 36.6%	8,002 47.6%	1.6
4	POW	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Tỷ USD	34,111 4.4%	2,441 45.6%	1.0
5	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Tỷ USD	105,327 21.7%	3,888 35.0%	8.6
6	NLG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	3,263 -8.2%	972 27.8%	3.8
7	VCB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	47,022 19.7%	18,698 27.7%	4.5
8	VJC	HOSE	Hàng không	Tỷ USD	60,600 13.1%	6,778 27.0%	10.0
9	FPT	HOSE	Phần mềm	Tỷ USD	28,598 23.2%	3,319 26.9%	4.9
10	DIG	HOSE	Bất động sản	Mid cap	2,131 -9.2%	403 26.5%	1.3
11	MBB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	24,060 23.1%	7,588 23.4%	3.1
12	AST	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap	1,146 32.5%	198 23.3%	4.4
13	LTG	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	Mid cap	8,498 -5.7%	504 22.9%	5.3
14	VRE	HOSE	Bất động sản	Tỷ USD	9,276 2.5%	2,927 21.7%	1.3
15	STK	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	2,533 5.2%	215 20.8%	2.7
16	PNJ	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap	17,043 16.9%	1,156 20.4%	4.8
17	ACB	HNX	Ngân hàng	Tỷ USD	15,843 12.9%	6,038 17.5%	3.6
18	HDB	HOSE	Ngân hàng	Tỷ USD	10,828 14.7%	3,340 17.5%	3.4
19	MSH	HOSE	Hàng May mặc	Mid cap	4,497 13.8%	433 17.0%	8.2
20	ACV	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Tỷ USD	18,220 13.2%	7,147 16.5%	3.0
					tỷ đồng	tỷ đồng	k/cp

tỷ đồng

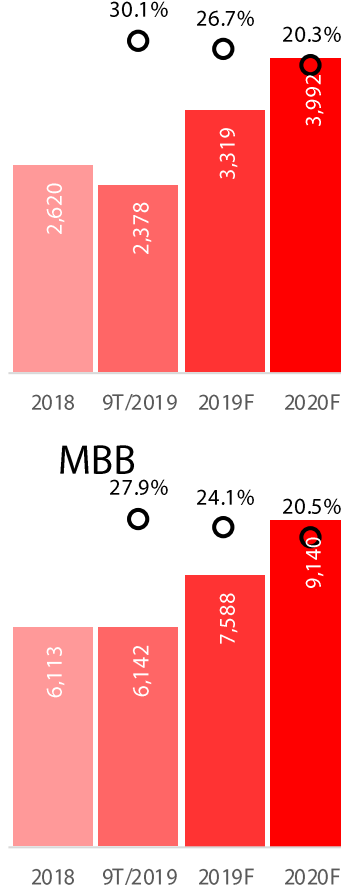
tỷ đồng

k/cp

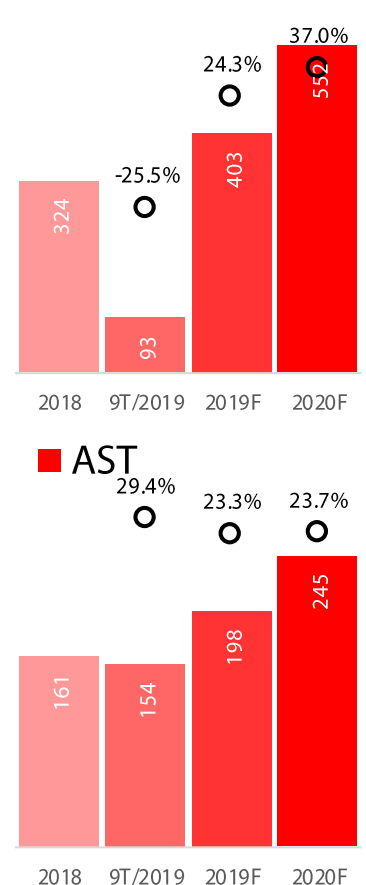
■ VJC • yoy



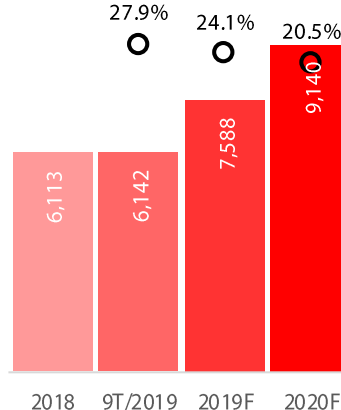
■ FPT



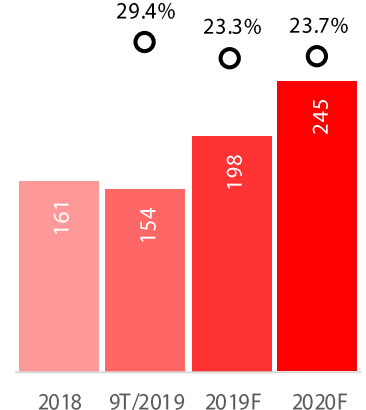
■ DIG



■ MBB

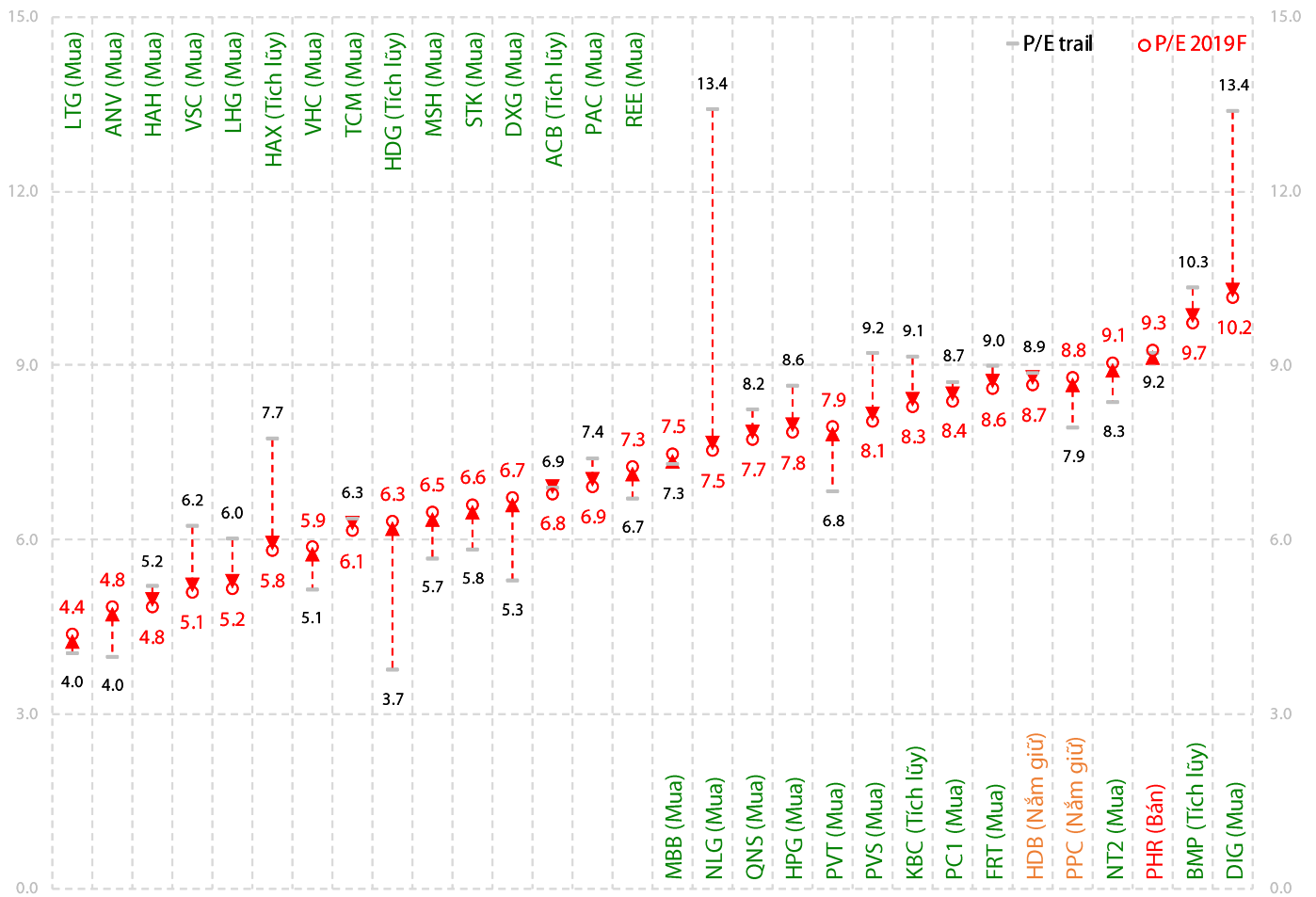


■ AST

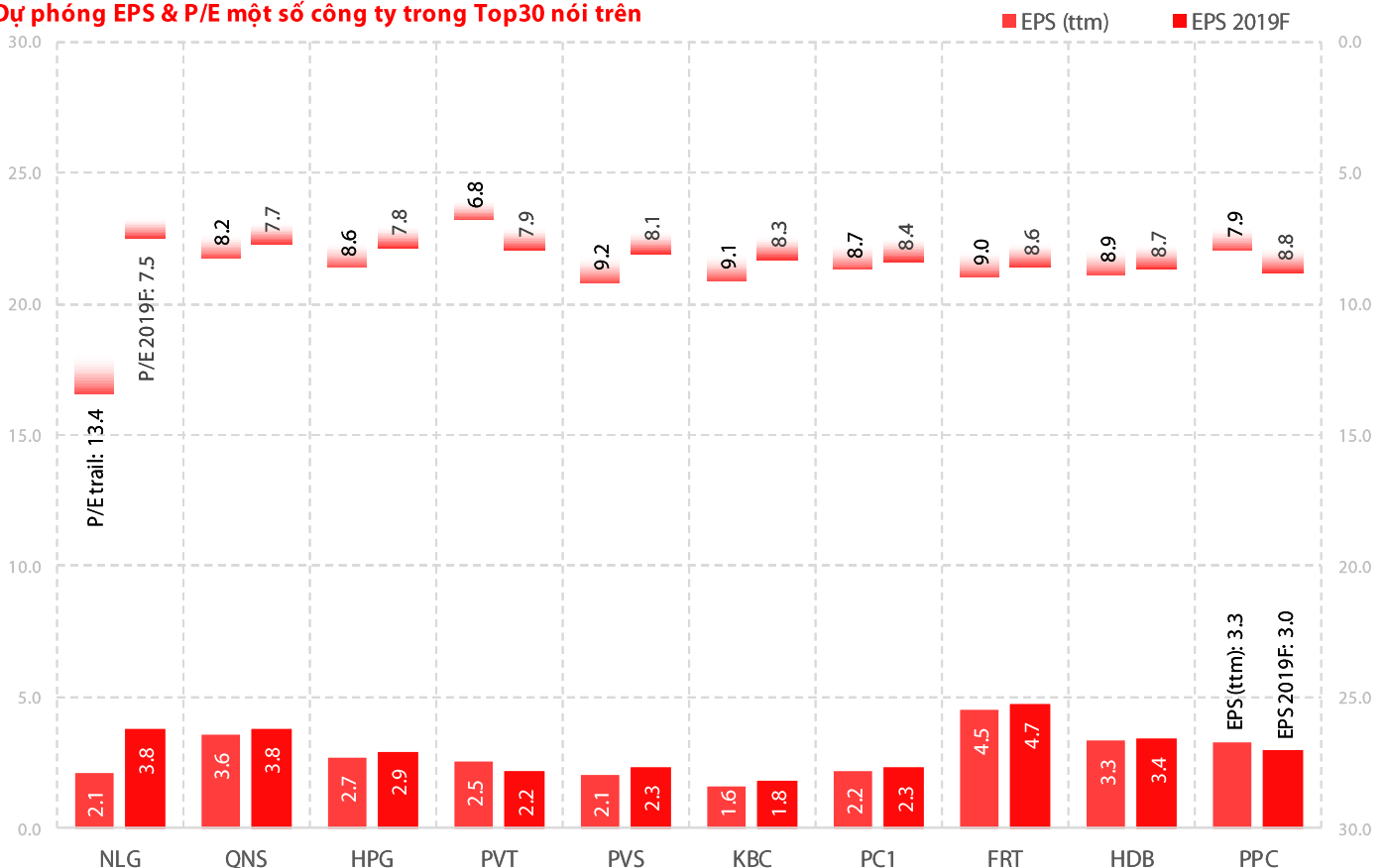


ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ DỰ PHÓNG EPS & P/E

Top30 PE forward



Dự phóng EPS & P/E một số công ty trong Top30 nói trên



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Hàng Tiêu dùng

Thực phẩm và đồ uống

Sản xuất thực phẩm

Thực phẩm

Đứng thứ 3/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng số cổ phiếu: 46

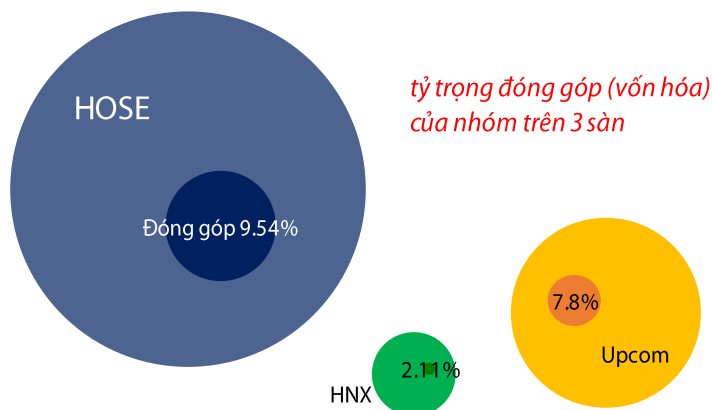
Tổng giá trị vốn hóa: 412 113 tỷ đồng

chiếm tỷ trọng 8.87% toàn thị trường

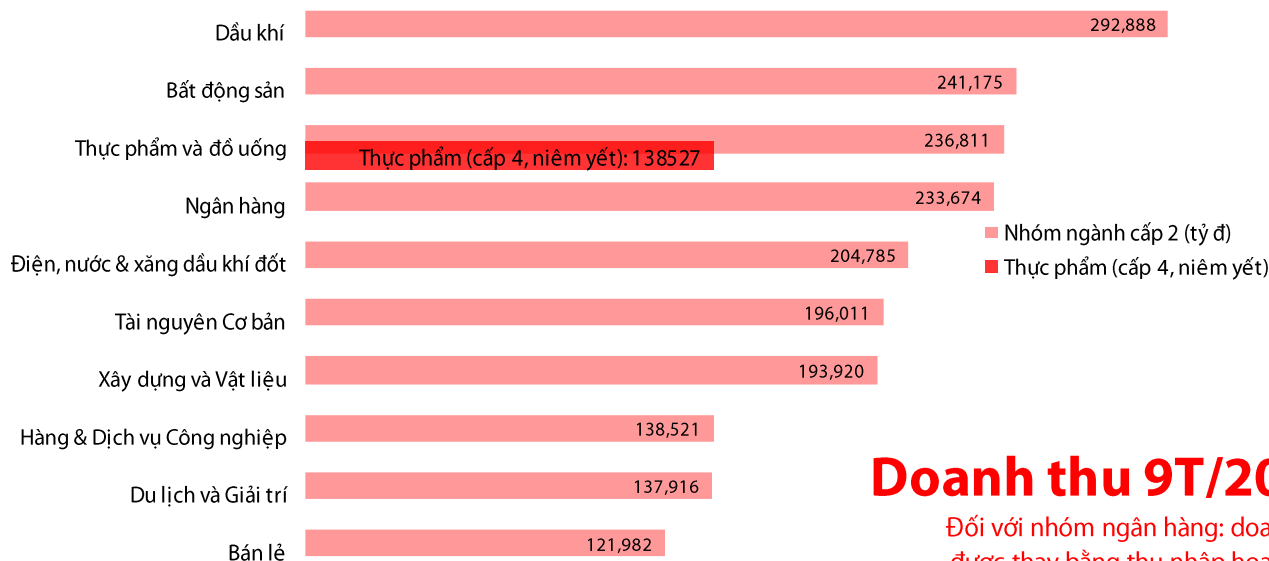
xung quanh tâm điểm **VNM**

VNM xếp hạng 1 về GTT

Số lượng cp	HOSE	HNX	Upcom	Tổng
Nhóm Tỷ USD	2		1	3
Large cap				
Mid cap	2	1	6	9
Small cap	7	10	17	34
Tổng	11	11	24	46



33/46 công ty niêm yết trong ngành đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19

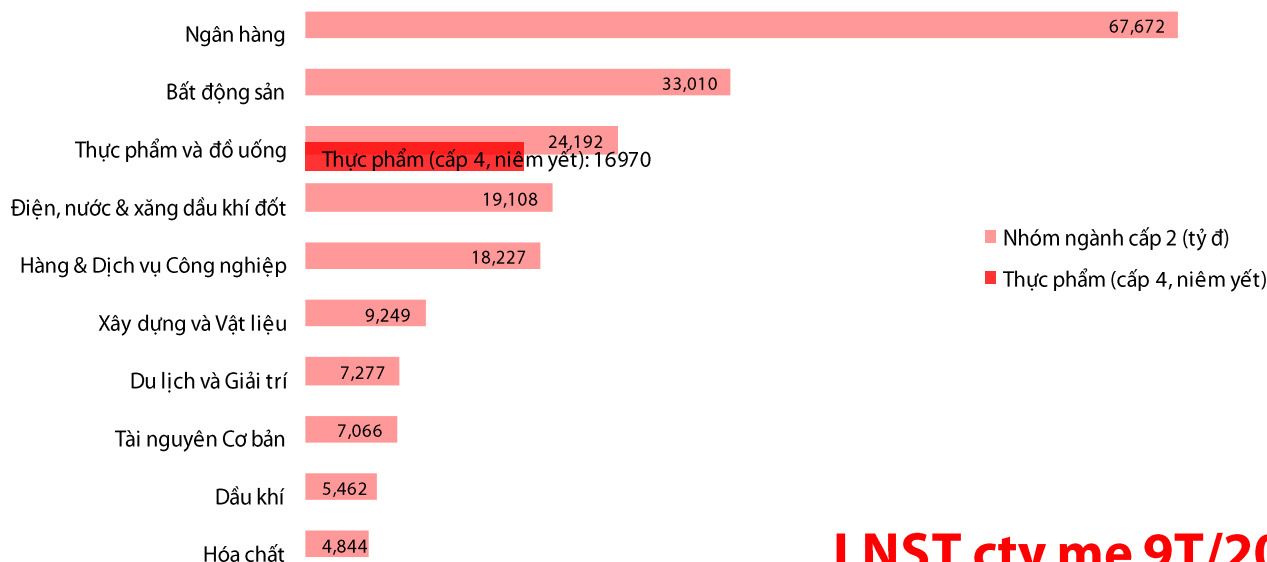


Doanh thu 9T/2019

Đối với nhóm ngân hàng: doanh thu được thay bằng thu nhập hoạt động.

1044 công ty đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19, một số công ty khác sắp công bố BCTC.

Một số nhóm ngành bao gồm cả công ty OTC.

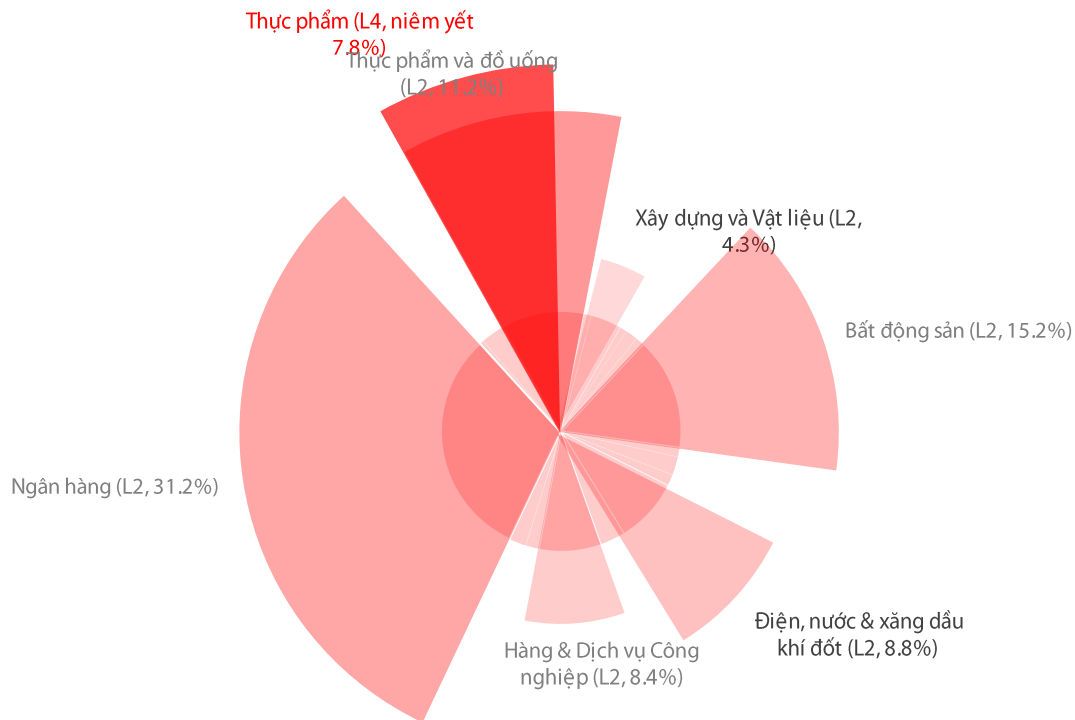


LNST cty mẹ 9T/2019

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

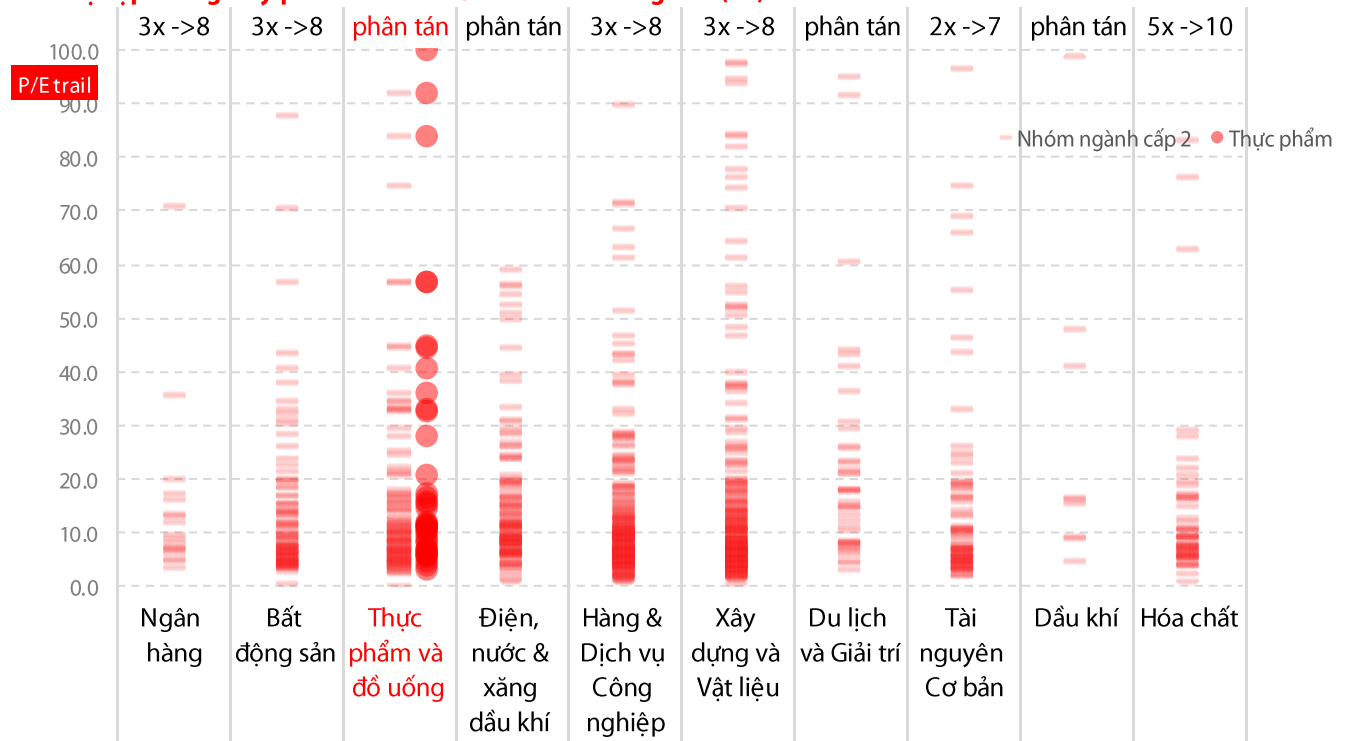
Thực phẩm và đồ uống (L2) -> Thực phẩm (L4)

Tỷ trọng ngành theo LNST cty mẹ 9T/2019



Phân bố P/E theo nhóm ngành (L2)

Mức độ tập trung hay phân tán của P/E theo nhóm ngành (L2):



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Thực phẩm

Khuyến nghị ĐT gần đây

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh
tâm điểm VNM

				GTĐT (tỷ đồng)	P/E trail	P/B	Khuyến nghị ĐT	Mục tiêu 1 năm	Kỳ vọng 1 năm
1	VNM	VINAMILK	HOSE	225,160	20.8	8.1	Nắm giữ	124.6	-2.3%
2	MSN	Tập đoàn Masan	HOSE	87,087	16.7	2.6			
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	UPCOM	51,801	15.3	4.9			
4	SBT	Mía đường Thành Thành Công	HOSE	11,498	36.1	1.6			
5	QNS	Đường Quảng Ngãi	UPCOM	10,414	8.2	1.7	Mua	40.5	38.6%
6	KDC	Tập đoàn KIDO	HOSE	4,525	40.7	0.8			
7	VSF	Vinafood 2	UPCOM	3,450		1.1			
8	VSN	VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)	UPCOM	2,929	14.8	2.5			
9	KDF	Thực phẩm Đông lạnh KIDO	UPCOM	1,936	15.6	2.6			
10	HHC	Bánh kẹo Hải Hà	HNX	1,840	44.8	4.7			

B/q ngành (trọng số vốn hóa) -> 19.6 5.8

VNM



Xếp hạng 1 (theo GTĐT)
trong ngành

VINAMILK
HOSE
Nhóm Tỷ USD
Thanh khoản Cao

EPS (ttm): 6.1
P/E trail: 20.8
BV: 15.7
P/B: 8.1

1N: -1.4%
1Thg: -0.4%
YTD: +9.3%

~~129,300~~
127,500

Khuyến nghị ĐT ngày 08/11 (Cty #8)

Nắm giữ

Mục tiêu 1 năm

124,600 -2.3%

P/E 2019F: 22.9

EPS (ttm): 4.8 Hàng Tiêu Dùng MaSan
P/E trail: 15.3 UPCOM
BV: 15.1 Nhóm Tỷ USD
P/B: 4.9 Thanh khoản Thấp

MCH



73,485

73,500

1N: +0%
YTD: -12.2%

EPS (ttm): 0.5 Mía đường Thành Thành Côn...
P/E trail: 36.1 HOSE
BV: 11.6 Mid cap
P/B: 1.6 Thanh khoản Cao

SBT



OCT31:140.221M327

18,900

1N: 0%
YTD: -1.4%

MSN



Tập đoàn Masan
HOSE
Nhóm Tỷ USD
Thanh khoản Cao

EPS (ttm): 4.5
P/E trail: 16.7
BV: 28.8
P/B: 2.6

74,500

75,000

1N: +0.7%
YTD: -3.2%

EPS (ttm): 3.6 Đường Quảng Ngãi
P/E trail: 8.2 UPCOM
BV: 16.8 Mid cap
P/B: 1.7 Thanh khoản Trung bình

QNS



OCT31:111.200.300

RongViet (01/11)

Mua

40,500 +38.6%

29,175

29,217

1N: +0.1%
YTD: -14.4%

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

Thực phẩm

Doanh thu

LNST cổ đông cty mẹ

D/s 10 cổ phiếu có Doanh thu xung quanh tâm điểm VNM

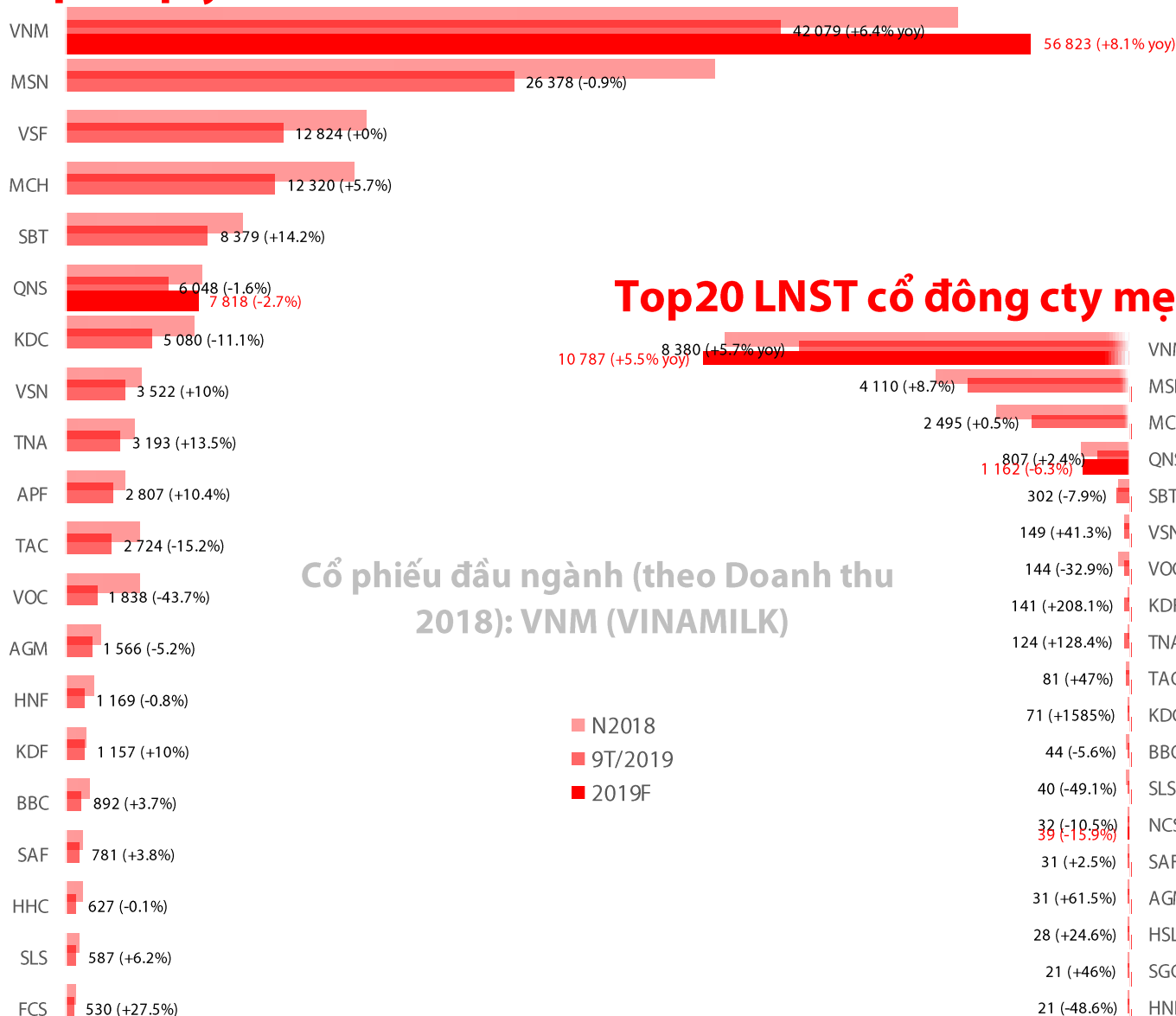
				9T/2018	9T/2019	+/- yoy	9T/2018	9T/2019	+/- yoy
1	VNM	VINAMILK	Nhóm Tỷ USD	39,558	42,079	6.4%	7,928	8,380	5.7%
2	MSN	Tập đoàn Masan	Nhóm Tỷ USD	26,630	26,378	-0.9%	3,779	4,110	8.7%
3	VSF	Vinafood 2	Mid cap		12,824			-73	
4	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	Nhóm Tỷ USD	11,659	12,320	5.7%	2,484	2,495	0.5%
5	SBT	Mía đường Thành Thành Công	Mid cap	7,339	8,379	14.2%	328	302	-7.9%
6	QNS	Đường Quảng Ngãi	Mid cap	6,145	6,048	-1.6%	788	807	2.4%
7	KDC	Tập đoàn KIDO	Mid cap	5,712	5,080	-11.1%	4	71	1585.0%
8	VSN	VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)	Mid cap	3,202	3,522	10.0%	105	149	41.3%
9	TNA	XNK Thiên Nam	Small cap	2,812	3,193	13.5%	54	124	128.4%
10	APF	Nông sản Quảng Ngãi	Small cap	2,544	2,807	10.4%	79	7	-91.2%

VNM xếp hạng 1 về quy mô Doanh thu 9T/2019

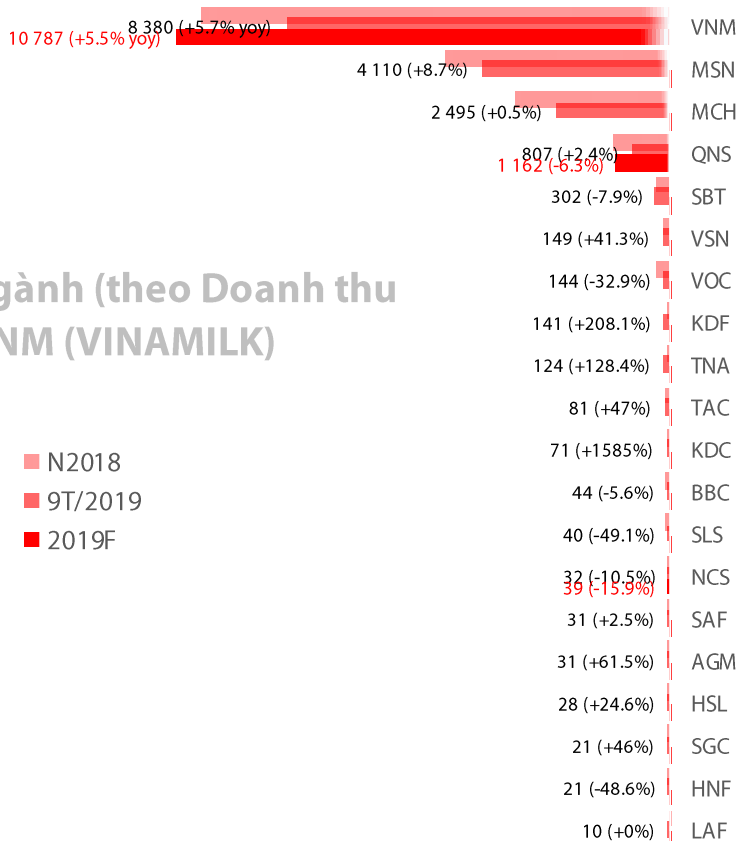
tỷ đồng

tỷ đồng

Top20 quy mô Doanh thu



Top20 LNST cổ đông cty mẹ



Cổ phiếu đầu ngành (theo Doanh thu 2018): VNM (VINAMILK)

■ N2018
■ 9T/2019
■ 2019F

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

Thực phẩm

Đòn bẩy tài chính

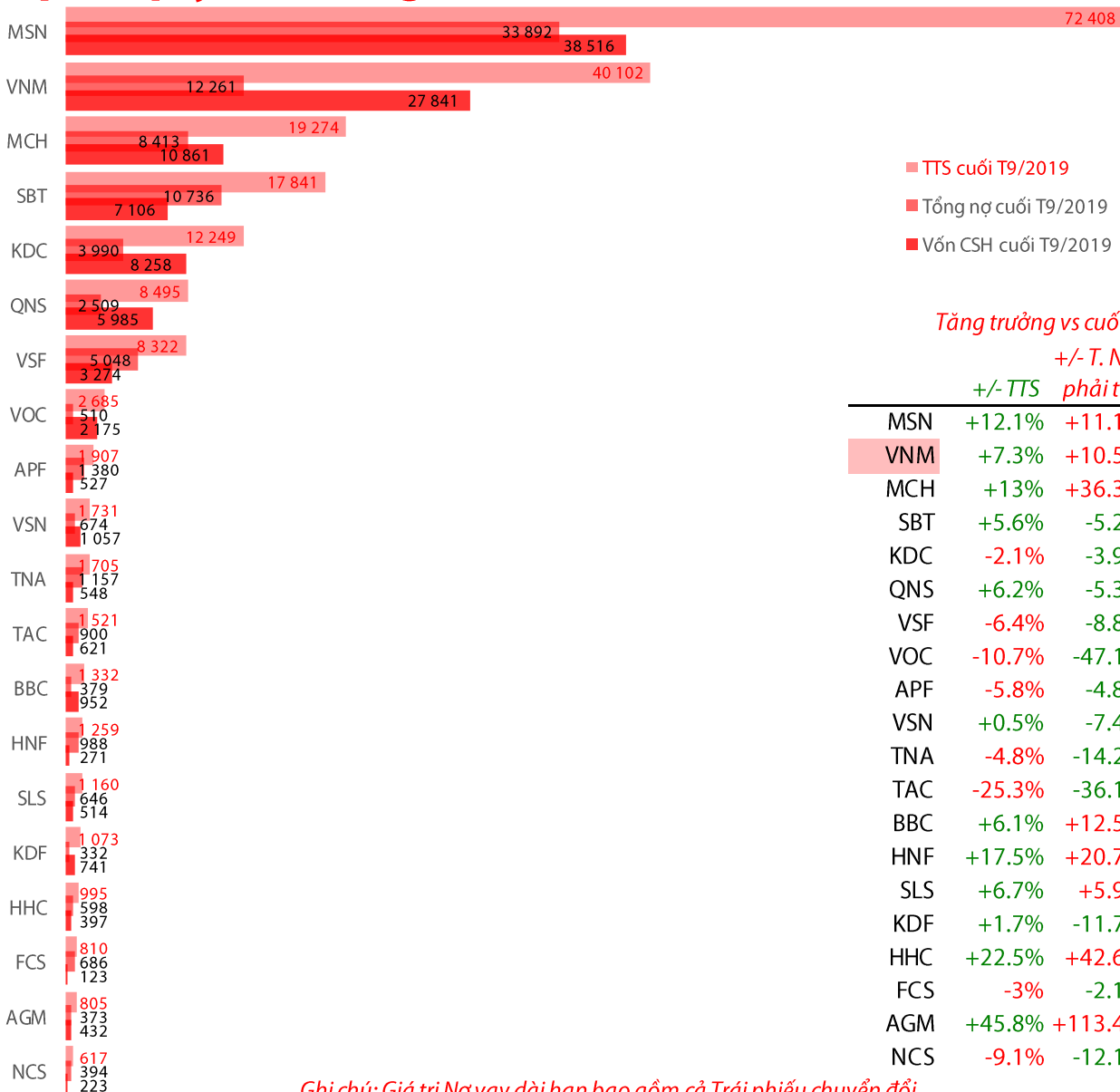
D/s 10 cổ phiếu có quy mô tổng Tài sản xung quanh tâm điểm VNM			TTS/Vốn CSH cuối T9/2019	TTS cuối T9/2019	TTS cuối 2018	+/- ytd	Vốn CSH cuối T9/2019	Vốn CSH cuối 2018	+/- ytd
1	MSN	Tập đoàn Masan	1.88	72,408	64,579	12.1%	38,516	34,080	13.0%
2	VNM	VINAMILK	1.44	40,102	37,366	7.3%	27,841	26,271	6.0%
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	1.77	19,274	17,053	13.0%	10,861	10,881	-0.2%
4	SBT	Mía đường Thành Thành Công	2.51	17,841	16,903	5.6%	7,106	5,576	27.4%
5	KDC	Tập đoàn KIDO	1.48	12,249	12,512	-2.1%	8,258	8,358	-1.2%
6	QNS	Đường Quảng Ngãi	1.42	8,495	8,002	6.2%	5,985	5,353	11.8%
7	VSF	Vinafood 2	2.54	8,322	8,892	-6.4%	3,274	3,357	-2.5%
8	VOC	Dầu thực vật Việt Nam	1.23	2,685	3,008	-10.7%	2,175	2,044	6.4%
9	APF	Nông sản Quảng Ngãi	3.62	1,907	2,023	-5.8%	527	575	-8.3%
10	VSN	VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)	1.64	1,731	1,722	0.5%	1,057	994	6.4%

VNM xếp hạng 2 về Tổng tài sản

tỷ đồng

tỷ đồng

Top20 quy mô Tổng Tài sản



Tăng trưởng vs cuối năm trước

	+/- TTS	+/- T. Nợ phải trả	+/- Vốn CSH
MSN	+12.1%	+11.1%	+13%
VNM	+7.3%	+10.5%	+6%
MCH	+13%	+36.3%	-0.2%
SBT	+5.6%	-5.2%	+27.4%
KDC	-2.1%	-3.9%	-1.2%
QNS	+6.2%	-5.3%	+11.8%
VSF	-6.4%	-8.8%	-2.5%
VOC	-10.7%	-47.1%	+6.4%
APF	-5.8%	-4.8%	-8.3%
VSN	+0.5%	-7.4%	+6.4%
TNA	-4.8%	-14.2%	+23.9%
TAC	-25.3%	-36.1%	-0.9%
BBC	+6.1%	+12.5%	+3.8%
HNF	+17.5%	+20.7%	+7.3%
SLS	+6.7%	+5.9%	+7.8%
KDF	+1.7%	-11.7%	+9%
HHC	+22.5%	+42.6%	+1.1%
FCS	-3%	-2.1%	-7.3%
AGM	+45.8%	+113.4%	+14.5%
NCS	-9.1%	-12.1%	-3.2%

Ghi chú: Giá trị Nợ vay dài hạn bao gồm cả Trái phiếu chuyển đổi

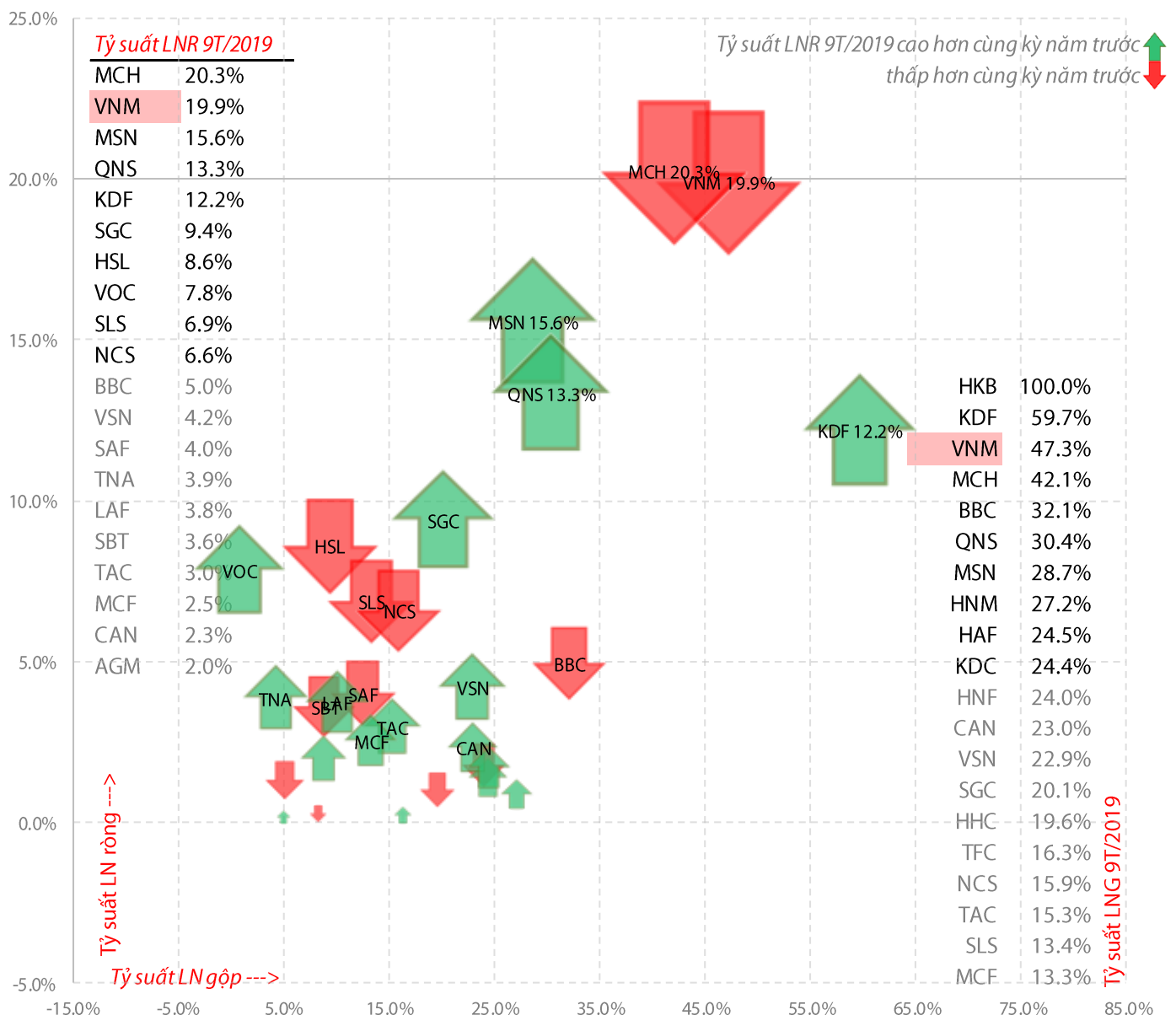
ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

Thực phẩm

D/s 10 cổ phiếu có Tỷ suất LN ròng xung quanh tâm điểm VNM				Tỷ suất lợi nhuận					
			Doanh thu 9T/2019	Tỷ suất LNG 9T/2018	Tỷ suất LNG 9T/2019	+/- yoy	Tỷ suất LN ròng 9T/2018	Tỷ suất LNR 9T/2019	+/- yoy
1	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	12,320	45.4%	42.1%	-3.3%	21.3%	20.3%	-1.0%
2	VNM	VINAMILK	42,079	46.6%	47.3%	0.6%	20.0%	19.9%	-0.1%
3	MSN	Tập đoàn Masan	26,378	31.3%	28.7%	-2.7%	14.2%	15.6%	1.4%
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	6,048	27.3%	30.4%	3.2%	12.8%	13.3%	0.5%
5	KDF	Thực phẩm Đông lạnh KIDO	1,157	53.3%	59.7%	6.4%	4.4%	12.2%	7.8%
6	SGC	Bánh phồng tôm Sa Giang	228	16.9%	20.1%	3.2%	7.1%	9.4%	2.3%
7	HSL	CB Nông sản Hồng Hà Sơn La	322	12.7%	9.4%	-3.3%	12.6%	8.6%	-4.0%
8	VOC	Dầu thực vật Việt Nam	1,838	2.4%	0.8%	-1.6%	6.6%	7.8%	1.3%
9	SLS	Mía đường Sơn La	587	22.5%	13.4%	-9.1%	14.4%	6.9%	-7.5%
10	NCS	Suất ăn Hàng không Nội Bài	488	14.7%	15.9%	1.2%	7.6%	6.6%	-1.0%

VNM xếp hạng 2 về Tỷ suất LN ròng 9T/2019 tỷ đồng

Tỷ suất LNR 9T/2019



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

Thực phẩm

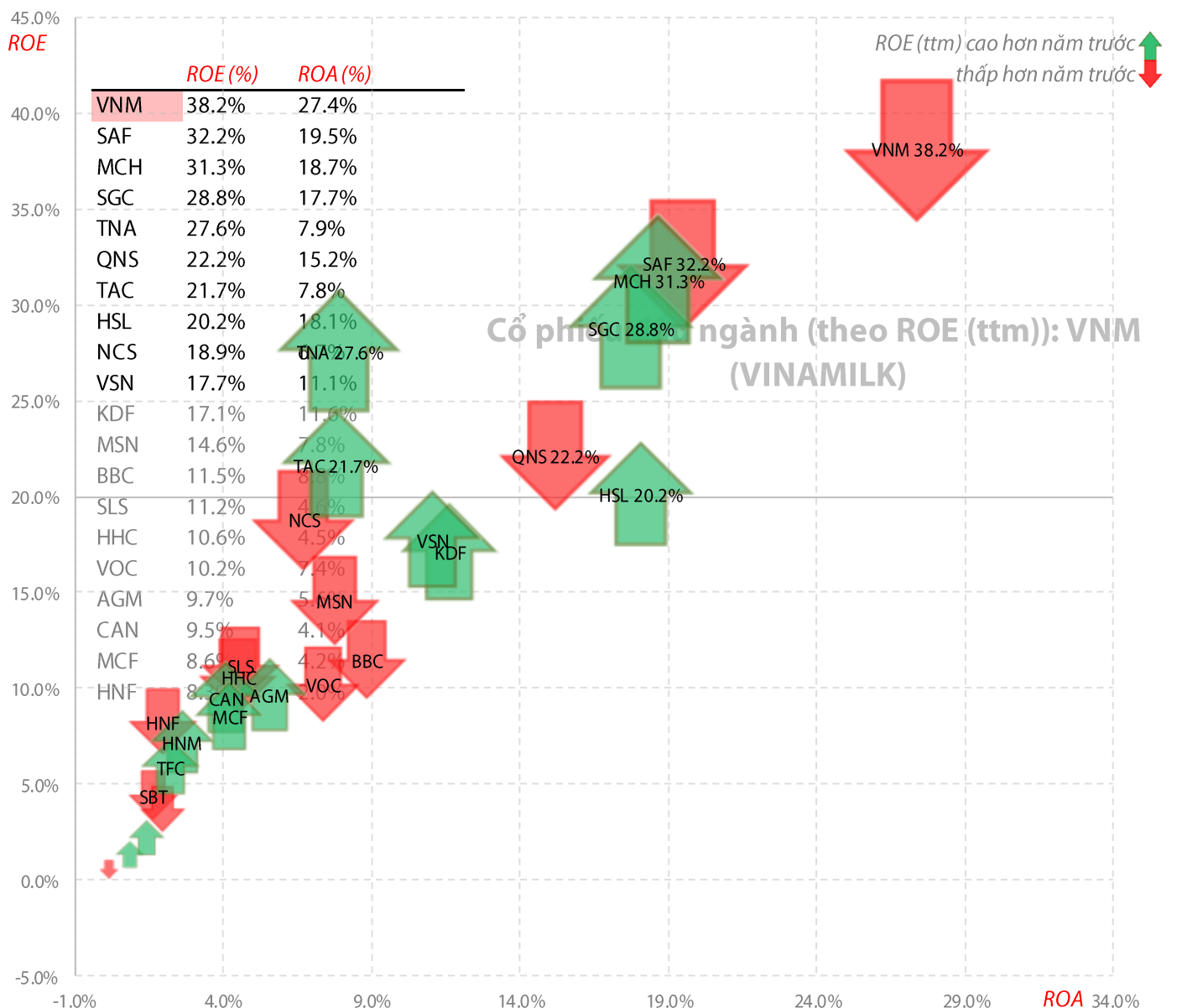
Cấu thành ROE

D/s 10 cổ phiếu có ROE (ttm) xung quanh tâm điểm VNM

			ROA (ttm)	ROE (ttm)	ROE 2018	+/-	Tỷ suất LN ròng	Vòng quay TTS b/q	TTS/ Vốn CSH b/q
1	VNM	VINAMILK	27.4%	38.2%	40.8%	-2.6%	19.4%	1.41	1.39
2	SAF	Thực Phẩm SAFOCO	19.5%	32.2%	33.1%	-0.9%	3.9%	4.95	1.65
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	18.7%	31.3%	30.3%	1.0%	19.3%	0.97	1.67
4	SGC	Bánh phồng tôm Sa Giang	17.7%	28.8%	20.9%	8.0%	9.5%	1.86	1.62
5	TNA	XNK Thiên Nam	7.9%	27.6%	14.1%	13.5%	2.9%	2.70	3.48
6	QNS	Đường Quảng Ngãi	15.2%	22.2%	25.2%	-3.0%	15.8%	0.96	1.46
7	TAC	Dầu Tường An	7.8%	21.7%	17.7%	4.0%	3.4%	2.28	2.77
8	HSL	CB Nông sản Hồng Hà Sơn La	18.1%	20.2%	19.6%	0.6%	8.9%	2.04	1.12
9	NCS	Suất ăn Hàng không Nội Bài	6.7%	18.9%	19.8%	-0.9%	6.7%	1.01	2.81
10	VSN	VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)	11.1%	17.7%	14.2%	3.6%	3.8%	2.90	1.61

VNM xếp hạng 1 về ROE (ttm)

ROA & ROE (ttm)



ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Thực phẩm

Dự phóng

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh
tâm điểm VNM

			Thị giá	Doanh thu 2019F	+/-% mẹ 2019F	LNST cty 2019F	+/-% mẹ 2019F	EPS 2019F	P/E 2019F
1	VNM	VINAMILK	127.50	56,823	8.1	10,787	5.5	5.57	22.87
2	MSN	Tập đoàn Masan	75.00						
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	73.50						
4	SBT	Mía đường Thành Thành Công	18.90						
5	QNS	Đường Quảng Ngãi	29.22	7,818	-2.7	1,162	-6.3	3.78	7.73
6	KDC	Tập đoàn KIDO	21.80						
7	VSF	Vinafood 2	6.90						
8	VSN	VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)	33.17						
9	KDF	Thực phẩm Đông lạnh KIDO	34.58						
10	HHC	Bánh kẹo Hải Hà	114.50						

tỷ đồng

tỷ đồng

KDC



Xếp hạng 6 (theo GTT)
trong ngành

Tập đoàn KIDO
HOSE
Mid cap
Thanh khoản Trung bình
OCT31:110.200.300

EPS (ttm): 0.5
P/E trail: 40.7
BV: 28.7
P/B: 0.8

1N: -0.9%
1Thg: +1.9%
YTD: -9.9%

~~22,000~~
21,800

EPS (ttm): 2.0
P/E trail: 14.8
BV: 13.1
P/B: 2.5

VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)
UPCOM
Mid cap
Thanh khoản Thấp

VSN



36,200

33,167

1N: -8.4%
YTD: -16.2%

EPS (ttm): 2.0
P/E trail: 15.6
BV: 13.2
P/B: 2.6

Thực phẩm Đông lạnh KIDO
UPCOM
Mid cap
Thanh khoản Trung bình
OCT31:149.206M323

KDF



34,578

1N: 0%
YTD: +103%

VSF



Vinafood 2
UPCOM
Mid cap
Thanh khoản Thấp

EPS (ttm): -2.9
P/E trail: 0
BV: 6.3
P/B: 1.1

6,900

1N: 0%
YTD: -21.6%

EPS (ttm): 2.6
P/E trail: 44.8
BV: 24.2
P/B: 4.7

Bánh kẹo Hải Hà
HNX
Mid cap
Thanh khoản Thấp

HHC



~~112,000~~
114,500

1N: +2.2%
YTD: -3.6%

ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

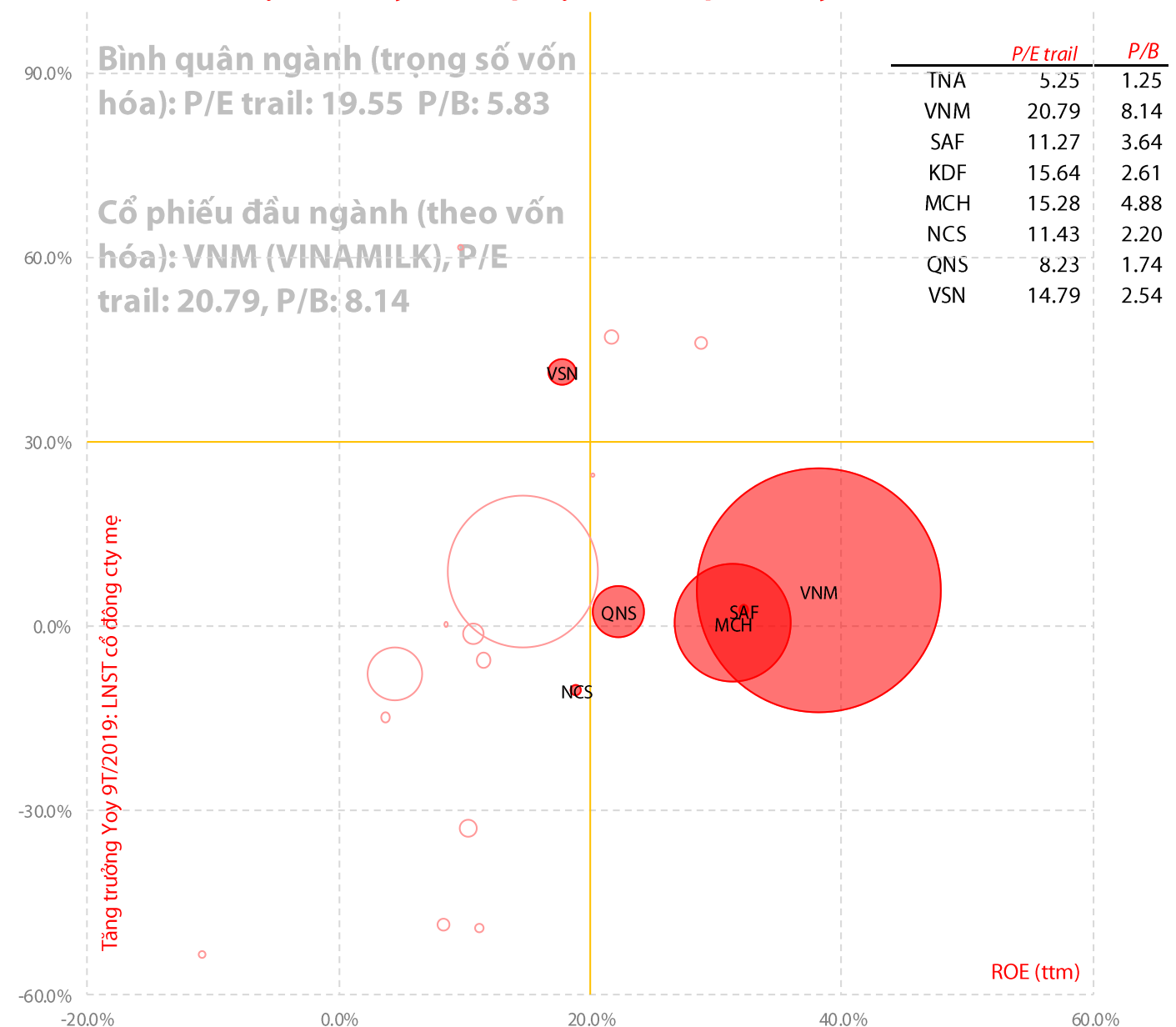
Thực phẩm

Một số cổ phiếu ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ & ĐÁNG CHÚ Ý khác trong ngành (không thuộc Top10 vốn hóa bên trên):

				Khuyến nghị ĐT gần đây			Tăng trưởng Yoy 9T/2019		
			GTĐT (tỷ đồng)	Khuyến nghị ĐT	Mục tiêu 1 năm	Kỳ vọng 1 năm	Doanh thu	LNST cổ đông cty mẹ	ROE (ttm)
1	TNA	XNK Thiên Nam	673				13.5%	128.4%	27.6%
2	SAF	Thực Phẩm SAFOCO	513				3.8%	2.5%	32.2%
3	KDF	Thực phẩm Đông lạnh KIDO	1,936				10.0%	208.1%	17.1%
4	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	51,801				5.7%	0.5%	31.3%
5	NCS	Suất ăn Hàng không Nội Bài	492	Tích lũy	30.0	9.5%	2.6%	-10.5%	18.9%
6	VSN	VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)	2,929				10.0%	41.3%	17.7%

Cổ phiếu Đáng chú ý chủ yếu gồm (1) tăng trưởng LNST từ +30% yoy, hoặc (2) ROE (ttm) $\geq 20\%$; (3) P/E trail khá thấp so với bình quân ngành, và 1 số tiêu chí phụ khác... Quý vị hãy chọn ít nhất 1 mã và xem xét cơ hội đầu tư cho mình!

Cổ phiếu được khuyến nghị & đáng chú ý



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY

VNM



Xếp hạng 1 (theo GTT)
trong ngành

VINAMILK

HOSE

Nhóm Tỷ USD

GTTT (tỷ đ): 225 160

GTTT (tr.USD): 9 581

Thanh khoản: Cao

~~129,300~~

127,500

1N: -1.4%

1Thg: -0.4%

YTD: +9.3%

Khuyến nghị ĐT ngày 11/11 (RongViet)

Tích lũy

Mục tiêu 1 năm

135,000 +5.9%

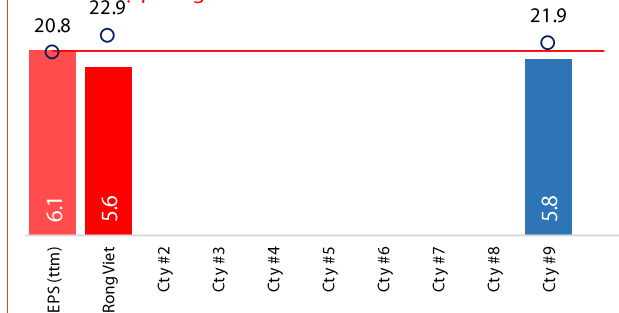
P/E 2019F: 22.9

trích báo cáo RongViet

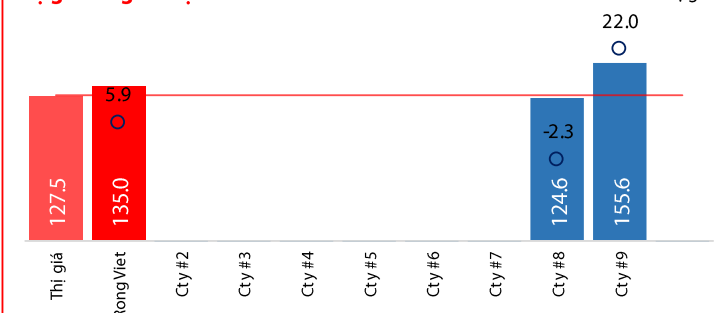
11/11/2019

Kết thúc Q3 2019, LNST cổ đông công ty mẹ của VNM tăng trưởng 5% YoY và doanh thu thuần tăng trưởng 4% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng đóng góp bởi sự phục hồi nhu cầu sữa nội địa (+5% YoY) và tăng trưởng khả quan từ các công ty con ở nước ngoài (+6% YoY). Tỷ suất lợi nhuận gộp toàn công ty giảm nhẹ còn 47,0% từ 47,3% trong Q3 2018 chủ yếu đến từ việc tăng giá nguyên liệu bột sữa, tuy nhiên được bù đắp phần nào bởi việc gia tăng giá bán trung bình. Thị trường xuất khẩu tiếp tục ghi nhận mức tỷ suất lợi nhuận gộp vượt trội vào khoảng 63%, dẫn dắt bởi thị trường chính Trung Đông (chiếm hơn 85% tổng giá trị xuất khẩu) do VNM chủ yếu xuất khẩu sữa bột - sản phẩm mang lại biên lợi nhuận gộp cao nhất sang thị trường này. Rong Viet Securities kết hợp hai phương pháp định giá FCFF và PE để xác định giá trị hợp lý của VNM. Chúng tôi ước tính giá mục tiêu của cổ phiếu vào khoảng 135.000 đồng/cp, kết hợp với cổ tức bằng tiền mặt dự kiến 5.000 đồng/cp trong 12 tháng tới cho ra mức sinh lời 8% dựa trên giá đóng cửa ngày 11/11/2019. Do đó, chúng tôi khuyến nghị TÍCH LŨY đối với cổ phiếu này.

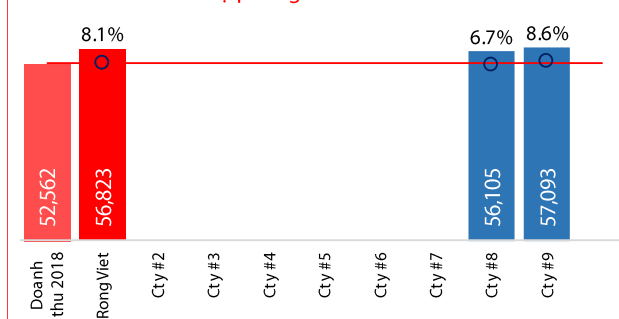
EPS & P/E dự phóng 2019



Thị giá vs giá mục tiêu



Doanh thu 2018 vs dự phóng 2019



Bình luận về doanh nghiệp

11/11/2019 (RongViet) Tuy nhiên tỷ suất LN gộp các sp này được đánh giá là không cao khi VNM phải chia sẻ LN với bên gia c...

(RongViet) VNM đang tiếp tục chiến lược cao cấp hóa dòng sp để cạnh tranh với các dòng sp nhập khẩu và xách tay...

(RongViet) VNM đặt mục tiêu thâm nhập vào các thị trường ngách & chú trọng vào chiến lược khác biệt hóa sp tại ...

(RongViet) BLĐ cho biết nhiều khả năng VNM sẽ được cấp giấy phép xuất khẩu sang Trung Quốc ngay trong T11 này...

(RongViet) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn đang trên đà tăng do một số dự án ưu đãi thuế đã hết hiệu l...

(RongViet) VNM sẽ giảm số lượng sp mới ra mắt trong Q4 này nhưng tăng chi phí bán hàng để đẩy mạnh quảng bá.

(RongViet) Xuất khẩu được dẫn dắt bởi tt Trung Đông, chủ yếu là sữa bột, ghi nhận tỷ suất LN gộp vượt trội khoả...

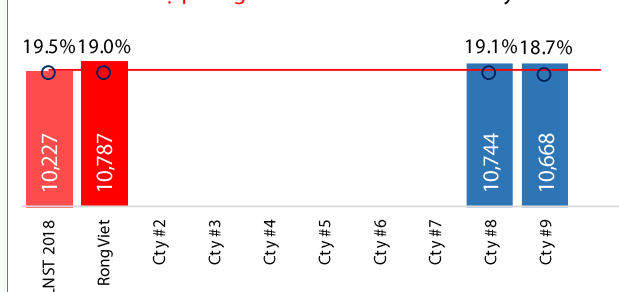
(RongViet) Tỷ suất LN gộp giảm nhẹ Q3/2019 chủ yếu đến từ việc tăng giá bột sữa, nhưng được bù đắp khi tăng giá...

(RongViet) VNM đã tăng thêm được 0,3% thị phần về sản lượng từ đầu năm đến nay.

(RongViet) VNM đã trúng thầu 15 trên 17 tỉnh thành của chương trình sữa học đường.

(có thể một số báo cáo TVCN chỉ thu thập được bản tiếng Anh)

LNST 2018 vs dự phóng 2019



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG



127,500

1N: -1.4%
1Thg: -0.4%
YTD: +9.3%

VINAMILK

HOSE

Nhóm Tỷ USD

GTTT (tỷ đ): 225 160

GTTT (tr.USD): 9 581

Ngành: Thực phẩm

Tổng số cổ phiếu: 46

33/46 BCTC cập nhật đến 30/09/19

VNM xếp hạng 1 về GTTT

VNM xếp hạng 1 về quy mô Doanh thu 9T/2019

VNM xếp hạng 1 về LNST cty mẹ 9T/2019

xem thêm chi tiết trên các trang về nhóm ngành này

tham chiếu ->

GTN

21,300

GTNFOODS

HOSE

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 5 175

GTTT (tr.USD): 220

HNMI

4,500

HANOIMILK

HNX

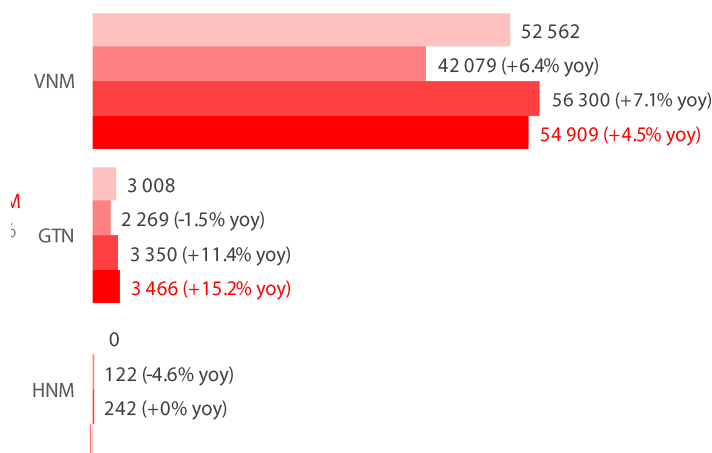
Small cap

GTTT (tỷ đ): 90

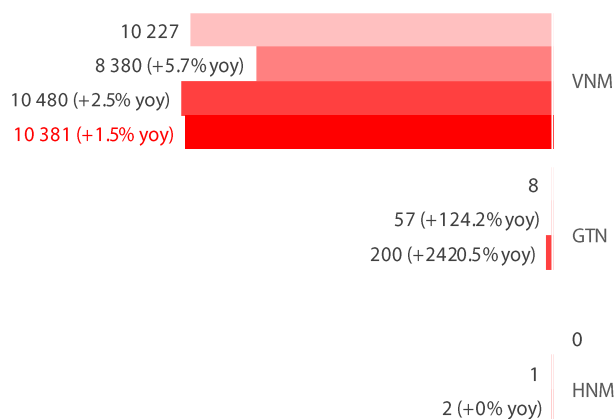
GTTT (tr.USD): 4

Tăng trưởng Doanh thu

■ N2018 (tỷ.đ) ■ 9T/2019 ■ KH2019 ■ 2019F

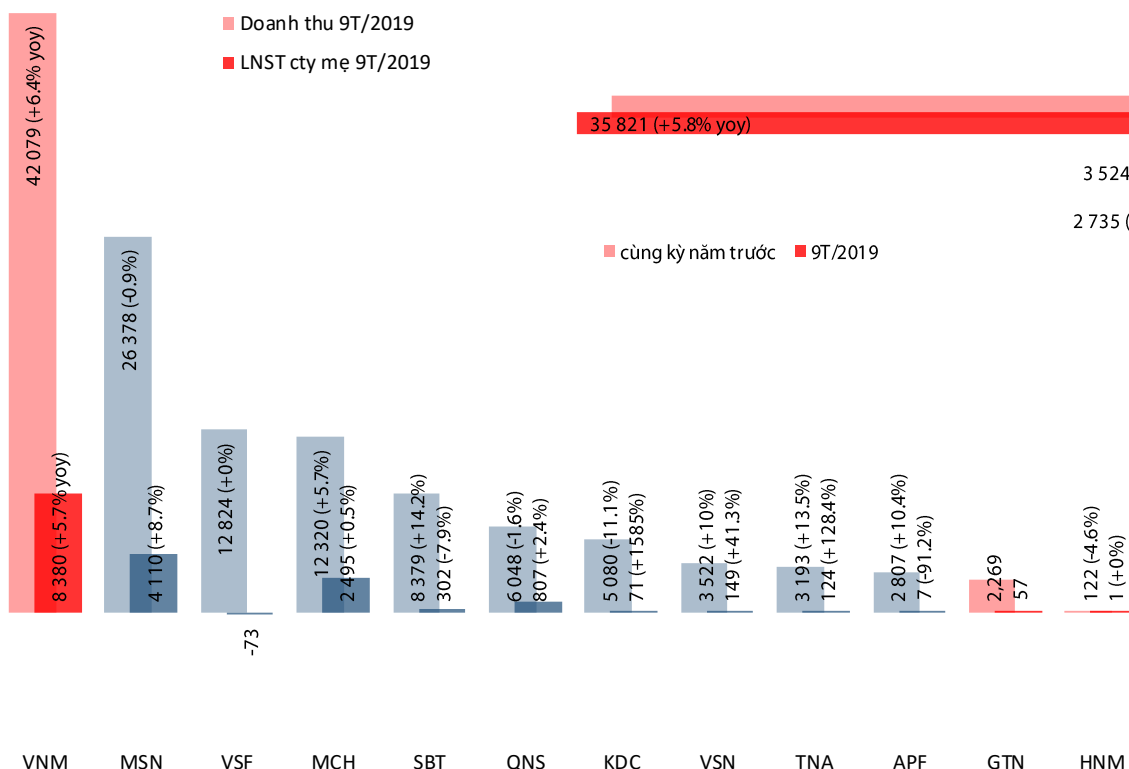


Tăng trưởng LNST cty mẹ



VNM, cp tham chiếu & 1 số cp khác có Doanh thu xung quanh

■ Doanh thu 9T/2019
■ LNST cty mẹ 9T/2019



Cơ cấu Tăng trưởng Doanh thu

Lũy kế 9T/2019 theo địa lý



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► HIỆU QUẢ



VINAMILK
HOSE
Thanh khoản: Cao

127,500

EPS (ttm): 6.1
P/E trail: 20.8
BV: 15.7
P/B: 8.1

Ngành: Thực phẩm
Tổng số cổ phiếu: 46
33/46 BCTC cập nhật đến 30/09/19
VNM xếp hạng 3 về Tỷ suất LNG 9T/2019
VNM xếp hạng 2 về Tỷ suất LN ròng 9T/2019
VNM xếp hạng 1 về ROE (ttm)

tham chiếu ->

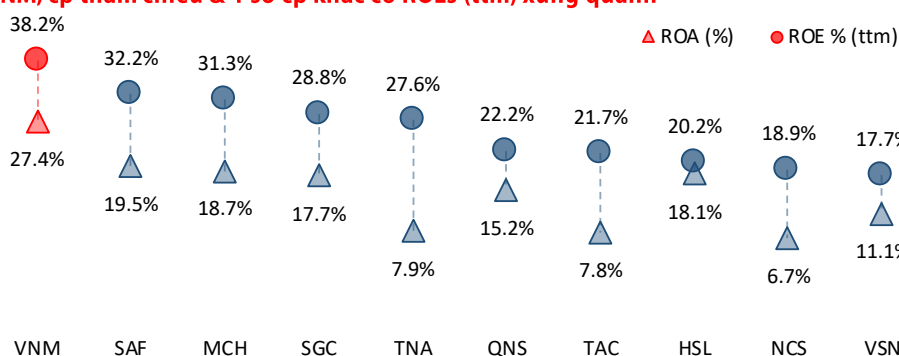
GTN
21,300

GTNFOODS
EPS (ttm): 0
P/E trail: n/a
BV: 10.7
P/B: 2

HNM
4,500

HANOIMILK
EPS (ttm): 0.7
P/E trail: 6.7
BV: 9.3
P/B: 0.5

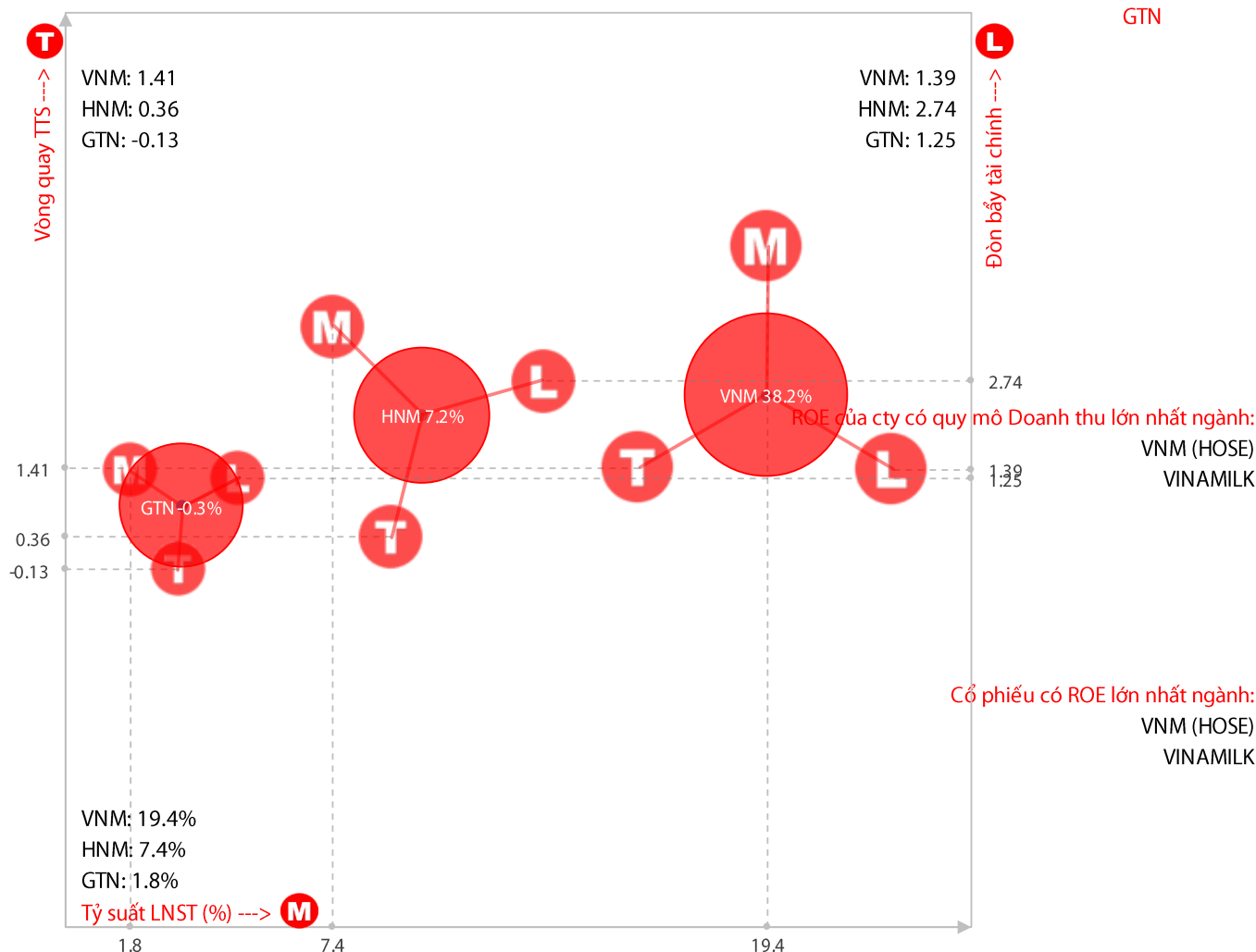
VNM, cp tham chiếu & 1 số cp khác có ROEs (ttm) xung quanh



Tỷ suất LNST cty mẹ 9T/2019

VNM	19.9%
SAF	4.0%
MCH	20.3%
SGC	9.4%
TNA	3.9%
QNS	13.3%
TAC	3.0%
HSL	8.6%
NCS	6.6%
VSN	4.2%
HNM	0.9%
GTN	

So sánh ROE (ttm) & các thành phần



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► NHẬN ĐỊNH



Thảo.ĐTP

VNM - Cập nhật KQKD 9T 2019

Kết thúc Q3 2019, LNST cổ đông công ty mẹ của VNM tăng trưởng 5% YoY và doanh thu thuần tăng trưởng 4% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng đóng góp bởi sự phục hồi nhu cầu sữa nội địa (+5% YoY) và tăng trưởng khả quan từ các công ty con ở nước ngoài (+6% YoY). Tỷ suất lợi nhuận gộp toàn công ty giảm nhẹ còn 47,0% từ 47,3% trong Q3 2018 chủ yếu đến từ việc tăng giá nguyên liệu bột sữa, tuy nhiên được bù đắp phần nào bởi việc gia tăng giá bán trung bình. Thị trường xuất khẩu tiếp tục ghi nhận mức tỷ suất lợi nhuận gộp vượt trội vào khoảng 63%, dẫn dắt bởi thị trường chính Trung Đông (chiếm hơn 85% tổng giá trị xuất khẩu) do VNM chủ yếu xuất khẩu sữa bột - sản phẩm mang lại biên lợi nhuận gộp cao nhất sang thị trường này.

Bảng 1. Kết quả kinh doanh 9T 2019

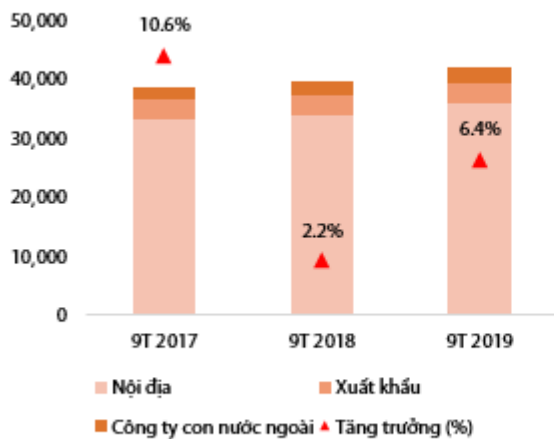
Đơn vị: tỷ đồng	Q3 2019	Q3 2018	% Tăng trưởng	9T 2019	9T 2018	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	14.291	13.735	4%	42.079	39.558	6%
Nội địa	12.184	11.659	5%	35.821	33.867	6%
Xuất khẩu	1.291	1.306	-1%	3.524	3.258	8%
Công ty con	816	770	6%	2.735	2.433	12%
Lợi nhuận gộp	6.723	6.494	4%	19.892	18.449	8%
Nội địa	5.731	5.405	6%	18.843	18.189	4%
Xuất khẩu	808	875	-8%	1.315	1.180	11%
Công ty con	185	213	-13%	2.029	1.741	17%
Biên LNG (%)	47,0%	47,3%		47,3%	46,6%	
Chi phí bán hàng	3.292	3.411	-3%	9.292	8.905	4%
Chi phí QLDN	318	287	11%	914	803	14%
Chi phí BH & QLDN/DT	25,3%	26,9%		24,3%	24,5%	
Doanh thu tài chính	207	186	11%	574	581	-1%
Chi phí tài chính	45	30	49%	116	93	25%
Chi phí lãi vay	28	12	132%	73	38	93%
Lợi nhuận khác	(11,4)	80,1	-114%	23	132	-82%
Lợi nhuận trước thuế	3.254	3.034	7%	10.146	9.371	8%
Biên LNNT (%)	22,8%	22,1%		24,1%	23,7%	
Thuế TNDN	577	474	22%	1.768	1.450	22%
Thuế suất TNDN (%)	17,7%	15,6%		17,4%	15,5%	
LNST	2.677	2.560	5%	8.378	7.921	6%
Biên LNST (%)	18,7%	18,6%		19,9%	20,0%	
LNST sau lợi ích CĐTS	2.690	2.560	5%	8.380	7.928	6%
Biên LNST sau lợi ích CĐTS (%)	18,8%	18,6%		19,9%	20,0%	
EPS (đồng/cp)	1.385	1.323	5%	4.338	4.106	6%

Nguồn: VNM, CTCK Rống Việt

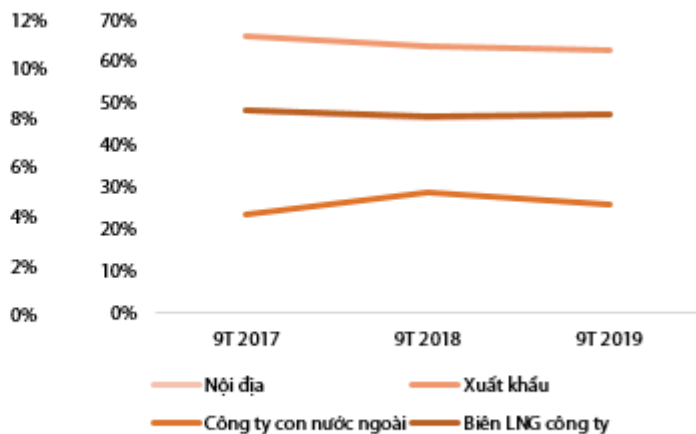
Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần và LNST sau lợi ích CĐTS của doanh nghiệp đều tăng 6% so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh số xuất khẩu tăng 8% YoY nhờ sự phục hồi mạnh mẽ tại thị trường Trung Đông so với mức cơ sở thấp cùng kỳ năm ngoái. Doanh số của các công ty con ở nước ngoài tăng 12% YoY, trong đó Angkor Milk (Campuchia) tăng 35% YoY trong khi Driftwood (Mỹ) đi ngang. Doanh thu nội địa tăng 6% YoY nhờ (1) sản lượng bán ra từ các dòng sản phẩm chính tăng trưởng hai chữ số; (2) đóng góp tích cực từ chương trình sữa học đường nơi VNM đã trúng thầu 15 trên 17 tỉnh thành, bao gồm ba thành phố lớn nhất cả nước là Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, (3) công ty đã tăng thêm được 0,3% thị phần về sản lượng từ đầu năm đến nay. Tỷ suất lợi nhuận gộp 9T2019 cải thiện 64bps lên 47,3% mặc dù Q3 có sự giảm nhẹ như đã phân tích, nhờ vào (1) sự thay đổi tích cực trong cơ cấu dòng sản phẩm, tăng tỷ trọng bán ra của những dòng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, (2) giá thành nguyên liệu đường và dầu bơ khan hiếm hơn cùng kỳ đã bù đắp được việc tăng chi phí nguyên liệu bột sữa nhập khẩu.

ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► NHẬN ĐỊNH

Hình 1. Cơ cấu doanh thu thuần



Hình 2. Biên lợi nhuận gộp



Nguồn: VNM, CTCK Rồng Việt

Tỷ suất chi phí bán hàng và QLDN giảm xuống còn 24,3%, trong khi chi phí lãi vay tăng mạnh 93% so với cùng kỳ. VNM sẽ giảm số lượng sản phẩm mới ra mắt trong Q4 này nhưng tăng chi phí bán hàng so với các quý trước để đẩy mạnh việc quảng bá sản phẩm cho dịp nghỉ lễ, Tết sắp đến. Bên cạnh đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn đang trên đà tăng do một số dự án ưu đãi thuế đã hết hiệu lực.

Ban lãnh đạo cho biết nhiều khả năng VNM sẽ được cấp giấy phép xuất khẩu sang Trung Quốc ngay trong tháng 11 này. Công ty đã xuất khẩu các sản phẩm sữa chua (bao gồm sữa chua ăn và sữa chua uống), sữa bột cao cấp và cà phê hòa tan sang thị trường này, tuy nhiên quy mô vẫn còn khá nhỏ. Công ty đặt mục tiêu thâm nhập vào các thị trường ngách và chú trọng vào chiến lược khác biệt hóa sản phẩm tại Trung Quốc. Ngoài ra, VNM cho biết sẽ đầu tư vào dòng sản phẩm kem với phân khúc cao cấp hơn, cho ra mắt tại thị trường nội địa trong thời gian tới. Tuy nhiên, VNM thừa nhận chuỗi cung ứng lạnh (cold chain) chưa phải là thế mạnh của công ty, do đó VNM sẽ cho ra mắt dòng sản phẩm này tại khu vực thành thị trong các kênh hiện đại (modern trade).

VNM đang tiếp tục chiến lược cao cấp hóa dòng sản phẩm thông qua việc ra mắt các sản phẩm nhập khẩu từ thị trường Nhật và EU. Qua đó, VNM sẽ tiến hành gia công sản phẩm tại các thị trường này, bán với thương hiệu VNM để cạnh tranh với các dòng sản phẩm nhập khẩu và xách tay. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp các dòng sản phẩm này được đánh giá là không cao khi công ty phải chia sẻ một phần lợi nhuận với các bên gia công.

Rong Viet Securities kết hợp hai phương pháp định giá FCFF và PE để xác định giá trị hợp lý của VNM. Chúng tôi ước tính giá mục tiêu của cổ phiếu vào khoảng **135.000 đồng/cp**, kết hợp với cổ tức bằng tiền mặt dự kiến 5.000 đồng/cp trong 12 tháng tới cho ra mức sinh lời **8%** dựa trên giá đóng cửa ngày 11/11/2019. Do đó, chúng tôi khuyến nghị **TÍCH LŨY** đối với cổ phiếu này.

ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► PTKT

VNM

HOSE

turnover

3M (7.5%)

1M (-0.4%)

6M (0.8%)

YTD (9.3%)

1Y (13%)



Vốn hóa: Nhóm Tỷ USD - giảm giá



Thanh khoản cao



Dòng tiền 5 phiên: Vào (giảm)



Xu hướng ngắn hạn: Sideway



Đầu tư: Rộng Việt - Tích cực



Khải.TQ

VNM sau khi chạm kháng cự 135 thì đã quay đầu giảm điểm khá mạnh mẽ. Kèm theo đó là sự gia tăng đột biến của khối lượng theo hướng tiêu cực. Vùng hỗ trợ ngắn hạn của VNM là 123-125, và xa hơn nữa là hỗ trợ mạnh 120.



ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ GẦN ĐÂY

Danh sách cổ phiếu đã được giới thiệu trong các số Bản tin gần đây

Thị giá & số liệu thị trường khác đã được update đến hiện tại

LTG Bản tin ngày 12/11 Tập đoàn Lộc Trời (BVT A... UPCOM Mid cap Thanh khoản: Thấp Ngành: Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác (LTG xếp hạng 6 theo GTT) EPS (ttm): 5.8 P/E trail: 4 BV: 32 P/B: 0.7 23,267 <- Thị giá 29,400 <- Giá mục tiêu (đ/cp) Khuyến nghị ĐT (RongViet) Mua Kỳ vọng +26.4%	Bản tin 07/11 EPS (ttm): 15.4 P/E trail: 5.1 BV: 52.7 P/B: 1.5 Thủy sản Vĩnh Hoàn HOSE Mid cap Thanh khoản: Trung bình VHC 78,900 106,600 Kỳ vọng +35.1% Mua
HDB HDBank HOSE Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao OCT31:100.200B313 Bản tin 11/11 EPS (ttm): 3.3 P/E trail: 8.9 BV: 18.5 P/B: 1.6 29,500 33,500 Kỳ vọng +13.6% Tích lũy	Bản tin 06/11 EPS (ttm): 3.6 P/E trail: 8.2 BV: 16.8 P/B: 1.7 Đường Quảng Ngãi UPCOM Mid cap Thanh khoản: Trung bình OCT31:111.200.300 QNS 29,217 40,500 Kỳ vọng +38.6% Mua
KBC TCT Đô thị Kinh Bắc... HOSE Mid cap Thanh khoản: Cao Bản tin 08/11 EPS (ttm): 1.6 P/E trail: 9.1 BV: 19.8 P/B: 0.7 14,750 17,700 Kỳ vọng +20% Mua	Bản tin 05/11 EPS (ttm): 3.4 P/E trail: 6.3 BV: 16.8 P/B: 1.3 VPBank HOSE Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao OCT31:100.200B311 VPB 21,650 25,300 Kỳ vọng +16.9% Tích lũy
	Bản tin 04/11 EPS (ttm): 4.1 P/E trail: 13.5 BV: 24.8 P/B: 2.2 Dược phẩm Pymepharco HOSE Mid cap Thanh khoản: Thấp OCT31:117.200.300 PME 55,000 63,000 Kỳ vọng +14.5% Khả quan

PHỤ LỤC

Môi giới 15

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +2.7%

Khuyến nghị Giao dịch (1)

Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 12

Thống kê xu hướng: Tăng 2 vs Giảm 3

Khuyến nghị: Mua 1 vs Bán 0

Khuyến nghị Đầu tư (7)

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 12/11	1N: 7+7- 1Thg: 3+11-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 BTP	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Small cap Thanh khoản: Thấp	12.4	1N: 0% 1Thg: -1.2% Beta: 0.44	1.6 -> 7.6 18.2 -> 0.7									
2 DBC	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	24.4	1N: -0.8% 1Thg: -2.4% Beta: n/a	1.8 -> 13.8 30.4 -> 0.8	Tăng 12/11	22.50 25.50			Đang trong xu thế phục hồi tuy nhiên sẽ sớm đối mặt vùng kháng cự mạnh 25x				
3 DPG	HOSE	Xây dựng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	49.5	1N: +3.8% 1Thg: +10.8% Beta: 1.15	1 -> 51.9 15.9 -> 3.1									
4 DRC	HOSE	Lốp xe	Mid cap OCT31:100.200B325	23.1	1N: +1.8% 1Thg: -4% Beta: 0.48	1.7 -> 13.5 13.6 -> 1.7	Giảm 01/11	22.50 24.00			Biến động giảm co xung quanh vùng giá 23.5, xu hướng tăng có dấu hiệu suy yếu.	Tích lũy 01/11	23.6 +2.4%	Doanh thu: 3,875 (+9.1% yoy). LNST cty mẹ: 155 (+10%)	1.2 -> 19
5 EVF	UPCOM	Quản lý tài sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	5.9	1N: -0.8% 1Thg: -5.2% Beta: 3.64	0.9 -> 6.7 13.5 -> 0.4									
6 GMD	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo đường	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.1	1N: -0.4% 1Thg: -0.6% Beta: 0.06	2 -> 12.3 21.1 -> 1.2	Sideway 07/11	25.00 28.00			Đang tích lũy trong vùng 25-26	Tích lũy 01/11	30.0 +19.5%	Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy). LNST cty mẹ: 524 (-71.6%)	1.7 -> 14.5
7 GVR	UPCOM	Nhựa, cao su & sợi	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	13.8	1N: +0.3% 1Thg: -0.7% Beta: 1.86	0.8 -> 16.7 11.4 -> 1.2									
8 HDG	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	34.8	1N: -0.6% 1Thg: -4.3% Beta: 0.73	9.3 -> 3.7 19.1 -> 1.8	Sideway 12/11	34.50 36.50			Đang dao động sideway với biên độ thu hẹp dần	Tích lũy 01/11	37.2 +6.9%	Doanh thu: 4,744 (+47.3% yoy). LNST cty mẹ: 654 (+3.2%)	5.5 -> 6.3
9 HPG	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	23.0	1N: +0.9% 1Thg: +7% Beta: 0.61	2.7 -> 8.6 16.6 -> 1.4	Tăng 12/11	20.50 24.00			Đang trong xu hướng tích cực khi giá cắt lên trên đường SMA(100), thanh khoản có sự gia tăng	Mua 01/11	29.7 +29.1%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.8
10 KSB	HOSE	Khai khoáng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	18.2	1N: -1.4% 1Thg: -15.8% Beta: -0.73	5.7 -> 3.2 21.8 -> 0.8	Giảm 31/10	18.50 20.00			Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật				
11 MFS	UPCOM	Viễn thông di động	Small cap Thanh khoản: Thấp	22.3	1N: -0.7% 1Thg: +0.7% Beta: 1.96	4 -> 5.5 23.4 -> 1	Sideway 07/11	21.50 26.50	Mua 07/11	MT: 26 (+16.6%) Cắt lỗ: 20.9	Đang được hỗ trợ và tích lũy khá lâu trên mức 22				
12 NLG	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	28.3	1N: +0.7% 1Thg: -2.2% Beta: 0.21	2.1 -> 13.4 18.5 -> 1.5	Sideway 13/11	27.50 29.50			Dao động sideway trong trung hạn	Mua 01/11	38.7 +36.8%	Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy). LNST cty mẹ: 972 (+27.4%)	3.8 -> 7.5
13 PC1	HOSE	Xây dựng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	19.3	1N: +0.8% 1Thg: -1% Beta: 0.53	2.2 -> 8.7 21.2 -> 0.9	Sideway 13/11	18.00 20.00			Xu hướng giảm chứng lại quanh mức Fibonacci Retracement 50% và có thể xuất hiện nhịp phục hồi nhẹ.	Mua 01/11	26.8 +38.9%	Doanh thu: 6,197 (+21.9% yoy). LNST cty mẹ: 407 (-12.8%)	2.3 -> 8.4
14 SAV	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Small cap Thanh khoản: Thấp	9.2	1N: +1.7% 1Thg: -6% Beta: -1.57	1.6 -> 5.6 19.7 -> 0.5									
15 VHC	HOSE	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	78.9	1N: -0.4% 1Thg: 0% Beta: 0.31	15.4 -> 5.1 52.7 -> 1.5	Giảm 13/11	77.00 83.00			Vẫn đang dao động đi ngang trong biên độ 77-83	Mua 01/11	100.6 +27.5%	Doanh thu: 7,955 (-14.2% yoy). LNST cty mẹ: 1,234 (-14.4%)	13.5 - > 5.9

PHỤ LỤC

CN Cần Thơ

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +2.7%

Khuyến nghị Giao dịch (3)

Số lượng cp đạt điều kiện PKT: 15

Thống kê xu hướng: Tăng 6 vs Giảm 0

Khuyến nghị: Mua 3 vs Bán 0

Khuyến nghị Đầu tư (8)

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 12/11	1N: +2.7% 1Thg: 10+5-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng Hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 AAA 	HOSE	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap Thanh khoản: Cao	15.7	1N: +1.3% 1Thg: +4.7% Beta: 1.09	2.7 -> 5.8 16.8 -> 0.9	Sideway 12/11	14.80 17.00			Bị cản trước ngưỡng 16 và điều chỉnh, cần thêm thời gian tích lũy và củng cố tại vùng 15				
2 BSR 	UPCOM	Sản xuất và Khai thác dầu khí	Nhóm Tỷ USD OCT31:126.243.346	10.0	1N: +0.9% 1Thg: +1.1% Beta: 0.26	0.1 -> 98.8 10.5 -> 1	Tăng 06/11	9.20 10.50	Mua	06/11	MT: 10.7 (+6.9%) Cắt lỗ: 9.5	Mua 01/10 (#2)	10.3 +2.9%	Doanh thu: 103,354 (-7.7% yoy). LNST cty mẹ: 1,623 (-55%)	0.6 -> 17.1
3 BVH 	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	73.8	1N: +0.3% 1Thg: +2.4% Beta: 1.42	1.8 -> 41.8 22.4 -> 3.3	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua	04/11	MT: 79.5 (+7.7%) Cắt lỗ: 71.5				
4 CII 	HOSE	Xây dựng	Mid cap OCT31:133.237.341	24.3	1N: +0.6% 1Thg: -0.2% Beta: -0.26	1.9 -> 12.8 21.9 -> 1.1	Tăng 04/11	22.00 25.50			Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5				
5 DPM 	HOSE	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap OCT31:100.246.349	14.2	1N: +3.6% 1Thg: -1.7% Beta: -0.28	0.7 -> 19 19.9 -> 0.7	Tăng 13/11	13.50 14.60			Đã giảm dừng lại tại ngưỡng Fibonacci Retracement 61.8% và bắt đầu phục hồi	Mua 01/11	16.4 +15.5%	Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy). LNST cty mẹ: 329 (-53%)	0.7 -> 19.9
6 GAS 	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	105.0	1N: +0.7% 1Thg: +2.6% Beta: 2.14	6.4 -> 16.5 23.8 -> 4.4	Sideway 07/11	96.00 114.00			Chạm trendline trên của trend trung hạn. Dấu hiệu đuối sức.				
7 HPG 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	23.0	1N: +0.9% 1Thg: +7% Beta: 0.61	2.7 -> 8.6 16.6 -> 1.4	Tăng 12/11	20.50 24.00			Đang trong xu hướng tích cực khi giá cắt lên trên đường SMA(100), thanh khoản có sự gia tăng	Mua 01/11	29.7 +29.1%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.8
8 HT1 	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Mid cap OCT31:144.200.300	15.6	1N: +1.3% 1Thg: +5.5% Beta: 0.25	1.9 -> 8.1 14.7 -> 1.1	Sideway 13/11	15.00 18.00			Vẫn duy trì xu hướng tăng trung hạn nhưng với tốc độ chậm, ngắn hạn bị cản bởi Fibonacci				
9 MPC 	UPCOM	Nuôi trồng nông & hải sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	22.2	1N: +1.2% 1Thg: -8.1% Beta: 3.56	4 -> 5.6 25.4 -> 0.9									
10 POW 	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B318	13.4	1N: 0% 1Thg: +5.1% Beta: 0.53	1.1 -> 12.5 11.4 -> 1.2	Tăng 07/11	10.00 14.00			Nhịp tăng ngắn hạn kết thúc tại GAP 14 và đang quay đầu giảm về vùng giá 13.	Mua 01/11	18.0 +34.3%	Doanh thu: 34,111 (+4.4% yoy). LNST cty mẹ: 2,441 (+27%)	1 -> 12.9
11 PPC 	HOSE	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	26.0	1N: +0.6% 1Thg: +3.8% Beta: 0.88	3.3 -> 7.9 18.6 -> 1.4	Sideway 13/11	24.00 27.00			Dao động đi ngang trong biên độ 24-27	Năm giữ 01/11	23.0 -11.5%	Doanh thu: 6,862 (-3.6% yoy). LNST cty mẹ: 993 (-11.6%)	3 -> 8.8
12 PVD 	HOSE	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap OCT31:100.222M338	16.6	1N: +0.6% 1Thg: -2.6% Beta: 1.18	1 -> 16.1 32.4 -> 0.5	Sideway 07/11	15.50 20.00			Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16-18.	Mua 01/11	21.1 +26.9%	Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy). LNST cty mẹ: -38	
13 SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.2% 1Thg: +1.6% Beta: 1.78	1.7 -> 12.6 19 -> 1.1	Sideway 08/11	20.50 23.50	Mua	08/11	MT: 23.5 (+8.5%) Cắt lỗ: 21.3				
14 VEA 	UPCOM	Máy công nghiệp	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	49.5	1N: +0.2% 1Thg: -9.6% Beta: 2.9	5.5 -> 9.1 22.3 -> 2.2	Sideway 13/11	46.00 58.00			Tại vùng hỗ trợ 49 nhưng vẫn bị cản tại vùng 50 và xu hướng giảm vẫn đang chiếm ưu thế	Mua 21/08 (#1)	59.8 +20.8%	Doanh thu: 6,015 (-14.9% yoy). LNST cty mẹ: 7,534 (+7.5%)	5.7 -> 8.7
15 VRE 	HOSE	Bất động sản	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.219M335	34.7	1N: 0% 1Thg: +7.3% Beta: 1.61	1.1 -> 30.4 12 -> 2.9	Sideway 13/11	33.50 37.50			Điều chỉnh và hỗ trợ tại vùng 34.5, vẫn đang trong kênh giá tăng ngắn hạn	Tích lũy 01/11	38.6 +11.1%	Doanh thu: 9,276 (+1.7% yoy). LNST cty mẹ: 2,927 (+21.7%)	1.3 -> 27.6

PHỤ LỤC

Môi giới 17

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

VNIndex 1Thg: +2.7%

Khuyến nghị Giao dịch (1)

Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15

Thống kê xu hướng: Tăng 6 vs Giảm 2

Khuyến nghị Đầu tư (7)

Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0

CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa	Thanh khoản	Thị giá 12/11	1N: +7- 1Thg: 5+10-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1 	HOSE	Phân phối xăng dầu & khí đốt	Small cap Thanh khoản: Trung bình	7.1	1N: +2.7% 1Thg: -5.3% Beta: -0.42	2.1 -> 3.4 12.8 -> 0.6	Sideway 13/11	6.70 7.70			Có dấu hiệu sẽ phục hồi ngắn hạn				
2 	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	26.8	1N: 0% 1Thg: +2.3% Beta: 0.01	5.3 -> 5.1 25.4 -> 1.1	Tăng 13/11	25.00 32.00			Xu hướng giảm dừng lại ở vùng 25.x và tăng nhẹ trở lại nhưng chưa đủ để tạo tín hiệu đảo chiều.				
3 	HOSE	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap OCT31:100.246.349	14.2	1N: +3.6% 1Thg: -1.7% Beta: -0.28	0.7 -> 19 19.9 -> 0.7	Tăng 13/11	13.50 14.60			Đà giảm dừng lại tại ngưỡng Fibonacci Retracement 61.8% và bắt đầu phục hồi	Mua 01/11	16.4 +15.5%	Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy). LNST cty mẹ: 329 (-53%)	0.7 -> 19.9
4 	HOSE	Bất động sản	Mid cap OCT31:104.241B334	16.1	1N: -1.2% 1Thg: -0.3% Beta: 1.18	3.1 -> 5.3 13 -> 1.2						Mua 01/11	22.0 +36.6%	Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy). LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)	2.4 -> 6.7
5 	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	61.0	1N: +1.7% 1Thg: +8% Beta: 1.27	4.7 -> 13 20 -> 3	Sideway 13/11	58.00 67.00			Xu hướng tăng vẫn được mở rộng	Mua 01/11	70.0 +14.8%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.5
6 	HOSE	Xây dựng	Mid cap OCT31:100.226.329	12.3	1N: -1.2% 1Thg: -10.9% Beta: 0.7	1.7 -> 7.2 14.8 -> 0.8	Sideway 12/11	11.50 14.00			Thùng đáy cũ 13, vẫn chưa có dấu hiệu đảo chiều.				
7 	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Thấp	14.0	1N: -0.2% 1Thg: -2.8% Beta: 0.21	1.7 -> 8.2 11.8 -> 1.2									
8 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Nhóm Tỷ USD OCT31:150.225B320	23.0	1N: +0.9% 1Thg: +7% Beta: 0.61	2.7 -> 8.6 16.6 -> 1.4	Tăng 12/11	20.50 24.00			Đang trong xu hướng tích cực khi giá cắt lên trên đường SMA(100), thanh khoản có sự gia tăng	Mua 01/11	29.7 +29.1%	Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%)	2.9 -> 7.8
9 	HOSE	Thép và sản phẩm thép	Mid cap OCT31:129.204B303	7.9	1N: +6.9% 1Thg: +6.3% Beta: 1	0.9 -> 9.2 12.9 -> 0.6	Tăng 13/11	7.80 8.50	Mua 13/11	MT: 8.5 (+7.9%) Cắt lỗ: 7.4	Vượt qua kháng cự quan trọng 7.5 với thanh khoản lớn	Tích lũy 13/09		Doanh thu: 28,000LNST cty mẹ: 387	0.9 -> 8.6
10 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	15.5	1N: +1% 1Thg: +2.3% Beta: -0.13	2.1 -> 7.5 13.2 -> 1.2									
11 	HOSE	Khai khoáng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	18.2	1N: -1.4% 1Thg: -15.8% Beta: -0.73	5.7 -> 3.2 21.8 -> 0.8	Giảm 31/10	18.50 20.00			Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật				
12 	HOSE	Bất động sản	Mid cap OCT31:108.233B331	10.2	1N: +1.5% 1Thg: -11.7% Beta: 0.16	2.8 -> 3.6 11.9 -> 0.9	Tăng 07/11	9.90 11.00			Xu hướng tăng mới đang nhen nhóm hình thành.				
13 	UPCOM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Thấp	23.3	1N: -0.6% 1Thg: -2.6% Beta: 0.08	5.8 -> 4 32 -> 0.7						Mua 08/11	29.4 +26.4%	Doanh thu: 8,498 (-5.9% yoy). LNST cty mẹ: 504 (+22.5%)	5.3 -> 4.4
14 	HOSE	Máy công nghiệp	Mid cap Thanh khoản: Cao	37.6	1N: -0.1% 1Thg: -0.5% Beta: 1.12	5.6 -> 6.7 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +15.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3
15 	HOSE	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Cao	9.9	1N: -0.2% 1Thg: -14.2% Beta: -0.38	1.7 -> 5.9 17.6 -> 0.6	Giảm 01/11	9.50 10.00			Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ thuật.				

PHỤ LỤC

Môi giới 16

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

			VNIndex 1Thg: +2.7%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15				Khuyến nghị: Mua 3 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 5 vs tiêu cực 0		
CK	Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 12/11	1N: 10+4- 1Thg: 11+4-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1	AAA HOSE 	Nhựa, cao su & sợi	Mid cap Thanh khoản: Cao	15.7	1N: +1.3% 1Thg: +4.7% Beta: 1.09	2.7 -> 5.8 16.8 -> 0.9	Sideway 12/11	14.80 17.00		Bị cản trước ngưỡng 16 và điều chỉnh, cần thêm thời gian tích lũy và củng cố tại vùng 15				
2	ACB HNX 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:103.239M300	24.7	1N: 0% 1Thg: +2.9% Beta: 1.95	3.6 -> 6.9 15.3 -> 1.6					Tích lũy 01/11	27.0 +9.3%	TN hoạt động: 15,843 (+12.9% yoy). LNST cty mẹ: 6,038 (+17.5%)	3.6 -> 6.8
3	CCL HOSE 	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Trung bình	6.7	1N: +0.3% 1Thg: -11.6% Beta: 0.37	0.9 -> 7.8 11.6 -> 0.6	Sideway 30/10	6.00 7.50	Mua 30/10	MT: 8 (+19.6%) Cắt lỗ: 6.5	Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục hồi tiếp tục.			
4	CTG HOSE 	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.0	1N: +0.2% 1Thg: +4% Beta: 1.95	1.6 -> 13.4 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50		Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -3.2%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.2
5	DGW HOSE 	Phân phối hàng chuyên dụng	Small cap Thanh khoản: Cao	26.9	1N: +0.2% 1Thg: +8.5% Beta: 0.73	3.5 -> 7.8 21.3 -> 1.3	Tăng 12/11	21.00 27.50		Dấu hiệu tích cực nhưng đã tiến sát vùng 27, nếu vượt được vùng này sẽ hướng về vùng 29				
6	FPT HOSE 	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	61.0	1N: +1.7% 1Thg: +8% Beta: 1.27	4.7 -> 13 20 -> 3	Sideway 13/11	58.00 67.00		Xu hướng tăng vẫn được mở rộng	Mua 01/11	70.0 +14.8%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.5
7	HCM HOSE 	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	25.6	1N: +2.2% 1Thg: +12.3% Beta: 2.64	1.4 -> 17.6 14.2 -> 1.8	Tăng 04/11	22.00 27.00	Mua 04/11	MT: 25.8 (+1%) Cắt lỗ: 22.5	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%			
8	HDC HOSE 	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	23.4	1N: +0.4% 1Thg: +3.5% Beta: -0.37	2.1 -> 11.3 14.4 -> 1.6	Tăng 12/11	22.00 25.00		Duy trì tốt trong kênh tăng giá				
9	HVN HOSE 	Hàng không	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	36.2	1N: +0.6% 1Thg: +3% Beta: 1.71	2 -> 18 12.8 -> 2.8	Tăng 04/11	34.00 39.00		Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39				
10	KDH HOSE 	Bất động sản	Large cap Thanh khoản: Trung bình	26.3	1N: -2.1% 1Thg: +5.4% Beta: -0.1	1.7 -> 15.5 13.3 -> 2	Tăng 07/11	26.00 30.00		Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30				
11	PNJ HOSE 	Hàng cá nhân	Large cap OCT31:107.200.300	85.3	1N: +0.7% 1Thg: +6.6% Beta: 0.51	4.8 -> 17.7 18.5 -> 4.6	Sideway 07/11	82.00 89.00		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực	Mua 01/11	109.0 +27.8%	Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST cty mẹ: 1,156 (+20.4%)	4.8 -> 17.7
12	QNS UPCOM 	Thực phẩm	Mid cap OCT31:111.200.300	29.2	1N: +0.1% 1Thg: -1.3% Beta: 0.43	3.6 -> 8.2 16.8 -> 1.7					Mua 01/11	40.5 +38.6%	Doanh thu: 7,818 (-2.7% yoy). LNST cty mẹ: 1,162 (-6.3%)	3.8 -> 7.7
13	REE HOSE 	Máy công nghiệp	Mid cap Thanh khoản: Cao	37.6	1N: -0.1% 1Thg: -0.5% Beta: 1.12	5.6 -> 6.7 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00		Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +15.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3
14	SCI HNX 	Xây dựng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	10.8	1N: -0.9% 1Thg: -32.5% Beta: -0.03	4.5 -> 2.4 16.3 -> 0.7								
15	SSI HOSE 	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.2% 1Thg: +1.6% Beta: 1.78	1.7 -> 12.6 19 -> 1.1	Sideway 08/11	20.50 23.50	Mua 08/11	MT: 23.5 (+8.5%) Cắt lỗ: 21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.			

PHỤ LỤC

Môi giới 9

Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

CK		Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 12/11	VNIndex 1Thg: +2.7% 1N: 7+7- 1Thg: 6+8-		EPS -> P/E BV -> P/B	Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 14		Khuyến nghị: Mua 0 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 8 vs tiêu cực 0				
								Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1	BMP 	HOSE	Vật liệu xây dựng & Nội thất	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	52.4 1N: -0.6% 1Thg: -3.3% Beta: 0.22	5.1 -> 10.3 31 -> 1.7		Sideway 13/11	52.00 55.00			Xu hướng tăng trung hạn đang suy yếu rõ rệt. Rủi ro tăng cao nếu giảm dưới 52.	Tích lũy 01/11	51.1 -2.5%	Doanh thu: 4,123 (+5.2% yoy). LNST Cty mẹ: 518 (+21.2%)	5.4 -> 9.7
2	DGC 	HNX	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	26.8 1N: 0% 1Thg: +2.3% Beta: 0.01	5.3 -> 5.1 25.4 -> 1.1		Tăng 13/11	25.00 32.00			Xu hướng giảm dừng lại ở vùng 25.x và tăng nhẹ trở lại nhưng chưa đủ để tạo tín hiệu đảo chiều.				
3	FPT 	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	61.0 1N: +1.7% 1Thg: +8% Beta: 1.27	4.7 -> 13 20 -> 3		Sideway 13/11	58.00 67.00			Xu hướng tăng vẫn được mở rộng	Mua 01/11	70.0 +14.8%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST Cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.5
4	HAH 	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	12.7 1N: +2% 1Thg: -10.2% Beta: -0.17	2.5 -> 5.2 20 -> 0.6							Mua 01/11	18.0 +41.7%	Doanh thu: 1,093 (+3.7% yoy). LNST Cty mẹ: 128 (-5.5%)	2.6 -> 4.8
5	HND 	UPCOM	Sản xuất & Phân phối Điện	Mid cap Thanh khoản: Thấp	14.0 1N: -0.2% 1Thg: -2.8% Beta: 0.21	1.7 -> 8.2 11.8 -> 1.2										
6	IJC 	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	15.5 1N: +1% 1Thg: +2.3% Beta: -0.13	2.1 -> 7.5 13.2 -> 1.2										
7	MWG 	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	122.3 1N: +0.3% 1Thg: -0.9% Beta: 0.53	8.3 -> 14.7 25.5 -> 4.8		Sideway 12/11	116.00 125.00			Sau nhịp đi ngang thì MWG đang có dấu hiệu đuối sức. Giá đã cắt xuống dưới EMA(26) và EMA(45). Khả năng	Mua 01/11	167.0 +36.5%	Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy). LNST Cty mẹ: 3,888 (+35.1%)	8.6 -> 14.3
8	NDN 	HNX	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Trung bình	16.7 1N: +1.2% 1Thg: 0% Beta: 1.06	1.5 -> 11.4 13.4 -> 1.2										
9	NTC 	UPCOM	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	173.1 1N: -1.7% 1Thg: +4.8% Beta: 3.13	31.3 -> 5.5 37.5 -> 4.6		Tăng 06/11	165.00 180.00			Đang dần khôi phục lại xu hướng tăng, đã vượt lên SMA(100)	Tích lũy 24/10	170.1 -1.7%	Doanh thu: 227 (-57.4% yoy). LNST Cty mẹ: 193 (-58.9%)	14.7 - > 11.8
10	PET 	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Small cap Thanh khoản: Trung bình	7.8 1N: -0.4% 1Thg: +2.9% Beta: 0.48	1.9 -> 4.1 17.1 -> 0.5										
11	PVD 	HOSE	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	Mid cap OCT31:100.222M338	16.6 1N: +0.6% 1Thg: -2.6% Beta: 1.18	1 -> 16.1 32.4 -> 0.5		Sideway 07/11	15.50 20.00			Ngưỡng cản 16 đỡ giá. Xu hướng chính vẫn sideway quanh vùng 16- 18.	Mua 01/11	21.1 +26.9%	Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy). LNST Cty mẹ: -38	
12	REE 	HOSE	Máy công nghiệp	Mid cap Thanh khoản: Cao	37.6 1N: -0.1% 1Thg: -0.5% Beta: 1.12	5.6 -> 6.7 32.1 -> 1.2		Tăng 30/10	37.00 40.00			Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +15.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST Cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3
13	TCW 	UPCOM	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Small cap Thanh khoản: Thấp	24.3 1N: -0% 1Thg: -0.6% Beta: 1.09	4.3 -> 5.7 21.4 -> 1.1							Mua 19/09	44.0 +80.9%	Doanh thu: 670 (+1.5% yoy). LNST Cty mẹ: 61 (+5.1%)	4 -> 6
14	TDH 	HOSE	Bất động sản	Small cap Thanh khoản: Cao	9.9 1N: -0.2% 1Thg: -14.2% Beta: -0.38	1.7 -> 5.9 17.6 -> 0.6		Giảm 01/11	9.50 10.00			Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ thuật.				
15	VCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.7 1N: +0.4% 1Thg: +7.5% Beta: 1.34	5.3 -> 17.4 21.9 -> 4.2		Tăng 07/11	79.00 100.00			Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.9%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST Cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.3

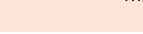
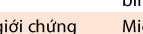
PHỤ LỤC

VN Diamond Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 13)

			VNIndex 1Thg: +2.7%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13				Khuyến nghị: Mua 1 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 9 vs tiêu cực 0			
CK		Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 12/11	1N: 5+6- 1Thg: 7+6-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1	CTG	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.0	1N: +0.2% 1Thg: +4% Beta: 1.95	1.6 -> 13.4 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50		Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -3.2%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.2
2	DXG	HOSE	Bất động sản	Mid cap OCT31:104.241B334	16.1	1N: -1.2% 1Thg: -0.3% Beta: 1.18	3.1 -> 5.3 13 -> 1.2					Mua 01/11	22.0 +36.6%	Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy). LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)	2.4 -> 6.7
3	FPT	HOSE	Phần mềm	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	61.0	1N: +1.7% 1Thg: +8% Beta: 1.27	4.7 -> 13 20 -> 3	Sideway 13/11	58.00 67.00		Xu hướng tăng vẫn được mở rộng	Mua 01/11	70.0 +14.8%	Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)	4.9 -> 12.5
4	GMD	HOSE	Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	25.1	1N: -0.4% 1Thg: -0.6% Beta: 0.06	2 -> 12.3 21.1 -> 1.2	Sideway 07/11	25.00 28.00		Đang tích lũy trong vùng 25-26	Tích lũy 01/11	30.0 +19.5%	Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy). LNST cty mẹ: 524 (-71.6%)	1.7 -> 14.5
5	KDH	HOSE	Bất động sản	Large cap Thanh khoản: Trung bình	26.3	1N: -2.1% 1Thg: +5.4% Beta: -0.1	1.7 -> 15.5 13.3 -> 2	Tăng 07/11	26.00 30.00		Xu hướng tăng hướng đến vùng kháng cự mạnh 30				
6	MBB	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.3	1N: -0.6% 1Thg: +2.4% Beta: 1.26	3.2 -> 7.3 15.6 -> 1.5	Sideway 12/11	23.00 23.70		Đang gặp khó khăn tại vùng kháng cự mạnh 23.7 tạo bởi Fibonacci Retracement 61.8%. Lực bán gia tăng	Mua 01/11	28.5 +22.3%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.5
7	MWG	HOSE	Phân phối hàng chuyên dụng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	122.3	1N: +0.3% 1Thg: -0.9% Beta: 0.53	8.3 -> 14.7 25.5 -> 4.8	Sideway 12/11	116.00 125.00		Sau nhịp đi ngang thì MWG đang có dấu hiệu dưới sức. Giá đã cắt xuống dưới EMA(26) và EMA(45). Khả năng	Mua 01/11	167.0 +36.5%	Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,888 (+35.1%)	8.6 -> 14.3
8	NLG	HOSE	Bất động sản	Mid cap Thanh khoản: Cao	28.3	1N: +0.7% 1Thg: -2.2% Beta: 0.21	2.1 -> 13.4 18.5 -> 1.5	Sideway 13/11	27.50 29.50		Dao động sideway trong trung hạn	Mua 01/11	38.7 +36.8%	Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy). LNST cty mẹ: 972 (+27.4%)	3.8 -> 7.5
9	PNJ	HOSE	Hàng cá nhân	Large cap OCT31:107.200.300	85.3	1N: +0.7% 1Thg: +6.6% Beta: 0.51	4.8 -> 17.7 18.5 -> 4.6	Sideway 07/11	82.00 89.00		Đang bị cản và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung vẫn tích cực	Mua 01/11	109.0 +27.8%	Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST cty mẹ: 1,156 (+20.4%)	4.8 -> 17.7
10	REE	HOSE	Máy công nghiệp	Mid cap Thanh khoản: Cao	37.6	1N: -0.1% 1Thg: -0.5% Beta: 1.12	5.6 -> 6.7 32.1 -> 1.2	Tăng 30/10	37.00 40.00		Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành	Mua 01/11	43.3 +15.2%	Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)	5.2 -> 7.3
11	TCB	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	25.2	1N: 0% 1Thg: +6.6% Beta: 1.13	2.7 -> 9.5 16.8 -> 1.5	Tăng 11/11	24.00 28.00		Xu hướng tăng tiếp tục được mở rộng				
12	TPB	HOSE	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.6	1N: 0% 1Thg: +0.9% Beta: 0.18	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6	Sideway 11/11	22.00 30.50	Mua 11/11	MT: 25 (+10.6%) Cắt lỗ: 21.4				
13	VPB	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	21.7	1N: -1.1% 1Thg: -2% Beta: 0.48	3.4 -> 6.3 16.8 -> 1.3	Sideway 13/11	21.00 23.00		Kiểm tra lại vùng hỗ trợ 21.5	Tích lũy 31/10	25.3 +16.9%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a	

PHỤ LỤC

VNFIN Select **Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu** (Tổng số cổ phiếu: 15)

			VNIndex 1Thg: +2.7%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15				Khuyến nghị: Mua 4 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 3 vs tiêu cực 0			
CK		Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 12/11	1N: 6+7- 1Thg: 12+3-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1	BID 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	42.1	1N: +1.9% 1Thg: +6.7% Beta: 1.44	2.1 -> 20.1 19 -> 2.2	Sideway 12/11	40.00 45.00		Bị cản tại ngưỡng 42 nhưng vẫn trong kênh tăng giá	Nắm giữ 01/11	38.0 -9.7%	TN hoạt động: 48,199 (+8.4% yoy). LNST cty mẹ: 7,583 (+3.1%)	1.7 -> 24.6
2	BMI 	HOSE	Bảo hiểm phi nhân thọ	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	26.4	1N: -1.1% 1Thg: +1.5% Beta: 0.96	1.6 -> 16.1 24.5 -> 1.1	Sideway 13/11	25.00 28.00		Trung hạn đang dao động sideway với biên độ hẹp dần. Vùng 28 tỏ ra là kháng cự mạnh.				
3	BVH 	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	73.8	1N: +0.3% 1Thg: +2.4% Beta: 1.42	1.8 -> 41.8 22.4 -> 3.3	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+7.7%) Cắt lỗ: 71.5				
4	CTG 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.0	1N: +0.2% 1Thg: +4% Beta: 1.95	1.6 -> 13.4 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50		Chạm trendline trên và đuối sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -3.2%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.2
5	EIB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:102.213319	18.5	1N: +0.5% 1Thg: +11.4% Beta: -0.79	0.5 -> 35.8 12.9 -> 1.4	Tăng 11/11	16.50 19.00		Bị kháng cự tại vùng 19				
6	HDB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B313	29.5	1N: -0.3% 1Thg: +5.4% Beta: 0.3	3.3 -> 8.9 18.5 -> 1.6	Sideway 11/11	24.00 31.00		Tiếp tục xu hướng lên vùng giá 31.	Tích lũy 07/11	33.5 +13.6%	TN hoạt động: 10,828 (+14.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%)	3.4 -> 8.7
7	MBB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.3	1N: -0.6% 1Thg: +2.4% Beta: 1.26	3.2 -> 7.3 15.6 -> 1.5	Sideway 12/11	23.00 23.70		Đang gặp khó khăn tại vùng kháng cự mạnh 23.7 tạo bởi Fibonacci Retracement 61.8%. Lực bán gia tăng	Mua 01/11	28.5 +22.3%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.5
8	SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.2% 1Thg: +1.6% Beta: 1.78	1.7 -> 12.6 19 -> 1.1	Sideway 08/11	20.50 23.50	Mua 08/11	MT: 23.5 (+8.5%) Cắt lỗ: 21.3				
9	STB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:101.208M315	10.8	1N: -0.5% 1Thg: -2.3% Beta: 0.86	1.5 -> 7 14.5 -> 0.7	Sideway 05/11	10.60 11.50	Mua 05/11	MT: 11.6 (+7.9%) Cắt lỗ: 10.6				
10	TCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	25.2	1N: 0% 1Thg: +6.6% Beta: 1.13	2.7 -> 9.5 16.8 -> 1.5	Tăng 11/11	24.00 28.00		Xu hướng tăng tiếp tục được mở rộng				
11	TPB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.6	1N: 0% 1Thg: +0.9% Beta: 0.18	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6	Sideway 11/11	22.00 30.50	Mua 11/11	MT: 25 (+10.6%) Cắt lỗ: 21.4				
12	VCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.7	1N: +0.4% 1Thg: +7.5% Beta: 1.34	5.3 -> 17.4 21.9 -> 4.2	Tăng 07/11	79.00 100.00		Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.9%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.3
13	VCI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	34.1	1N: +0.1% 1Thg: -2.2% Beta: 0.89	3.8 -> 8.9 23.1 -> 1.5	Sideway 04/11	31.00 37.00		Tích lũy khá ổn định tại mức 34 và có thể bật tăng khi có cơ hội				
14	VND 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	14.2	1N: -0.4% 1Thg: +1.8% Beta: 0.29	1.3 -> 10.7 14.9 -> 1	Sideway 13/11	13.50 15.00		Có dấu hiệu tạo đáy dài hạn quanh vùng giá 13x				
15	VPB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	21.7	1N: -1.1% 1Thg: -2% Beta: 0.48	3.4 -> 6.3 16.8 -> 1.3	Sideway 13/11	21.00 23.00		Kiểm tra lại vùng hỗ trợ 21.5	Tích lũy 31/10	25.3 +16.9%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a	

PHỤ LỤC

VNFIN Lead **Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu** (Tổng số cổ phiếu: 13)

			VNIndex 1Thg: +2.7%			Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13				Khuyến nghị: Mua 5 vs Bán 0		Thống kê khuyến nghị: tích cực 3 vs tiêu cực 0			
CK		Phân ngành	Nhóm vốn hóa Thanh khoản	Thị giá 12/11	1N: 5+6- 1Thg: 11+2-	EPS -> P/E BV -> P/B	Xu hướng hiện tại	Hỗ trợ Kháng cự	Khuyến nghị	Kỳ vọng 2 tuần	Nhận định kỹ thuật	Khuyến nghị (ngày)	Mục tiêu 1Y	Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)	EPS -> P/E (f)
1	BVH 	HOSE	Bảo hiểm nhân thọ	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Trung bình	73.8	1N: +0.3% 1Thg: +2.4% Beta: 1.42	1.8 -> 41.8 22.4 -> 3.3	Tăng 04/11	71.50 80.00	Mua 04/11	MT: 79.5 (+7.7%) Cắt lỗ: 71.5	Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x			
2	CTG 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.227B326	22.0	1N: +0.2% 1Thg: +4% Beta: 1.95	1.6 -> 13.4 20 -> 1.1	Sideway 07/11	19.50 24.50		Chạm trendline trên và dưới sức. Điều chỉnh ngắn hạn.	Nắm giữ 01/11	21.3 -3.2%	TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%)	1.6 -> 14.2
3	EIB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:102.213.319	18.5	1N: +0.5% 1Thg: +11.4% Beta: -0.79	0.5 -> 35.8 12.9 -> 1.4	Tăng 11/11	16.50 19.00		Bị kháng cự tại vùng 19				
4	HCM 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	25.6	1N: +2.2% 1Thg: +12.3% Beta: 2.64	1.4 -> 17.6 14.2 -> 1.8	Tăng 04/11	22.00 27.00	Mua 04/11	MT: 25.8 (+1%) Cắt lỗ: 22.5	Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%			
5	HDB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B313	29.5	1N: -0.3% 1Thg: +5.4% Beta: 0.3	3.3 -> 8.9 18.5 -> 1.6	Sideway 11/11	24.00 31.00		Tiếp tục xu hướng lên vùng giá 31.	Tích lũy 07/11	33.5 +13.6%	TN hoạt động: 10,828 (+14.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%)	3.4 -> 8.7
6	MBB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.217B312	23.3	1N: -0.6% 1Thg: +2.4% Beta: 1.26	3.2 -> 7.3 15.6 -> 1.5	Sideway 12/11	23.00 23.70		Đang gặp khó khăn tại vùng kháng cự mạnh 23.7 tạo bởi Fibonacci Retracement 61.8%. Lực bán gia tăng	Mua 01/11	28.5 +22.3%	TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%)	3.1 -> 7.5
7	SSI 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Cao	21.7	1N: -0.2% 1Thg: +1.6% Beta: 1.78	1.7 -> 12.6 19 -> 1.1	Sideway 08/11	20.50 23.50	Mua 08/11	MT: 23.5 (+8.5%) Cắt lỗ: 21.3	Bắt đầu có dấu hiệu bứt phá. Đã cắt lên trên SMA(100). Thanh khoản tích cực trong những phiên gần đây.			
8	STB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap OCT31:101.208M315	10.8	1N: -0.5% 1Thg: -2.3% Beta: 0.86	1.5 -> 7 14.5 -> 0.7	Sideway 05/11	10.60 11.50	Mua 05/11	MT: 11.6 (+7.9%) Cắt lỗ: 10.6	Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại			
9	TCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:119.200B342	25.2	1N: 0% 1Thg: +6.6% Beta: 1.13	2.7 -> 9.5 16.8 -> 1.5	Tăng 11/11	24.00 28.00		Xu hướng tăng tiếp tục được mở rộng				
10	TPB 	HOSE	Ngân hàng	Large cap Thanh khoản: Trung bình	22.6	1N: 0% 1Thg: +0.9% Beta: 0.18	2.9 -> 7.9 14.4 -> 1.6	Sideway 11/11	22.00 30.50	Mua 11/11	MT: 25 (+10.6%) Cắt lỗ: 21.4	Dấu hiệu dẫn tích cực sau giai đoạn tích lũy quanh 22.5			
11	VCB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD Thanh khoản: Cao	91.7	1N: +0.4% 1Thg: +7.5% Beta: 1.34	5.3 -> 17.4 21.9 -> 4.2	Tăng 07/11	79.00 100.00		Tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 90, áp lực giảm đang lớn dần.	Nắm giữ 01/11	90.0 -1.9%	TN hoạt động: 47,022 (+19.7% yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)	4.5 -> 20.3
12	VND 	HOSE	Môi giới chứng khoán	Mid cap Thanh khoản: Trung bình	14.2	1N: -0.4% 1Thg: +1.8% Beta: 0.29	1.3 -> 10.7 14.9 -> 1	Sideway 13/11	13.50 15.00		Có dấu hiệu tạo đáy dài hạn quanh vùng giá 13.x				
13	VPB 	HOSE	Ngân hàng	Nhóm Tỷ USD OCT31:100.200B311	21.7	1N: -1.1% 1Thg: -2% Beta: 0.48	3.4 -> 6.3 16.8 -> 1.3	Sideway 13/11	21.00 23.00		Kiểm tra lại vùng hỗ trợ 21.5	Tích lũy 31/10	25.3 +16.9%	TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a	

KHẢO SÁT Ý KIẾN BẠN ĐỌC

Nhằm nâng cao chất lượng bản tin sáng hàng ngày, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp về mọi nội dung lẫn hình thức. Xin vui lòng ghi rõ các phần của bản tin mà quý vị muốn góp ý, và ghi ý kiến vào các ô trống dưới đây (thêm/sửa/xóa), rồi gửi về địa chỉ email của Hoàng Thạch Lâm (lan.ht@vdsc.com.vn). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Chương	Nội dung	Ý kiến
Tin tức và bình luận	Tin quốc tế. Vietnam vs Global indexes. Tin trong nước. Tin chứng khoán.	
Thị trường	Diễn biến trong phiên. Biến động giá hôm nay. So với tuần trước. Xu hướng gần đây. Đánh chứng T3 dễ hay khó.	
Giao dịch	Nhận định chỉ số. Vốn hóa tỷ USD. Top10 tuần qua. Top10 dòng tiền 5 phiên. Khuyến nghị kỹ thuật mới (trong T3). Cổ phiếu hôm nay. Theo dõi khuyến nghị kỹ thuật (ngoài T3). Chứng quyền.	
Đầu tư	Danh mục đầu tư (giá mục tiêu và kỳ vọng, dự phóng doanh thu và LNST, dự phóng EPS và P/E forward). Nhóm ngành hôm nay. Cổ phiếu hôm nay.	
Phụ lục	Bảng tổng hợp cổ phiếu (PTKT, PTCB) theo yêu cầu của 1 số phòng môi giới/Chi nhánh	

HỆ THỐNG ICONS

Mục đích: giúp người đọc dễ dàng nắm được các yếu tố quan trọng liên quan đến chỉ số, nhóm ngành hay bất kỳ cổ phiếu cụ thể. Biết được cổ phiếu đang được khuyến nghị mua hay bán, đầu tư hay lướt sóng mà không cần phải tra cứu các bảng khuyến nghị đầu tư hay PTKT. Giúp tiết kiệm không gian đăng tải số liệu liên quan.

1. **Quy mô vốn hóa:** các mã có vốn hóa lớn (large cap) có Giá trị thị trường từ 500 tr.USD trở lên sẽ hiển thị icons, đi kèm với biến động giá trong ngày gần nhất.

	Tăng giá	Đứng giá	Giảm giá
Nhóm vốn hóa 1 tỷ USD trở lên			
Large cap (500 tr.USD trở lên)			

2. **Thanh khoản:** tính theo khối lượng khớp lệnh bình quân 1 tháng gần nhất:

Cao (từ 500.000 cp/ phiên)	Trung bình (từ 50.000 cp/ phiên)	Thấp (dưới 50.000 cp/ phiên)
		

3. **Dòng tiền 5 phiên:** là tổng giá trị giao dịch trong 5 phiên gần nhất, trong đó giá trị mỗi ngày được lấy dấu vào (+) hoặc ra (-) theo biến động giá cổ phiếu so với ngày liền trước.

	Đảo chiều	Tăng	Giảm
Dòng tiền vào (Tổng giá trị 5 phiên là dương)			
Dòng tiền ra (Tổng giá trị 5 phiên là âm)			

4. **Xu hướng ngắn hạn:** là nhận định của nhóm PTKT – TVCN về diễn biến giá cổ phiếu trong ngắn hạn, bao gồm:

Tích cực	Trung lập	Tiêu cực
		
Mua	Bán	
		

5. **Khuyến nghị Mua – Bán theo PTKT:**

6. **Khuyến nghị đầu tư:** được phân thành các nhóm tích cực (mua, thêm, khả quan, tích lũy...), trung lập (nắm giữ) hay tiêu cực (giảm, kém khả quan, bán). Bao gồm:

	Tích cực	Trung lập	Tiêu cực
Rồng Việt			
Một số công ty CK khác			



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu

nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**